PHẬT-LỤC

TRẦN TRỌNG-KIM

SOẠN

In lần thứ hai

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2 9483

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE

EDITIONS LE-THANG

133, Rue du Coton — Tél. 391

HANOI

8° Indoch. 2743

2743

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 2H83

MẤY LỜI NGỎ CÙNG ĐỘC-GIẢ

PHẬT-LỤC *là sách nói về truyện nhà Phật. Sách này không phải là sách bàn về lý-thuyết cao-siêu của đạo Phật, mà cũng không phải là sách nói về lịch-sử rất phức-tạp của đạo Phật.*

Đạo Phật sâu rộng vô cùng, không thể lấy cái học-thức thô-thiển và cái ý-kiến tầm-thường mà bàn luận cho tinh-tường được.

Song vì chúng tôi thấy nhiều người tuy nói là tín-đồ nhà Phật, nhưng ngoài mấy câu kinh câu kệ và sự đi đến chùa lễ-bái để cầu phúc cầu đức ra, hỏi đến Phật, đến Bồ-tát là thế nào, thì chưa hầu dễ đã có mấy người biết rõ mà nói được. Thậm chí đến cách bài-trí ở trong chùa, thấy có tượng thì gọi là tượng Phật, tượng Thánh mà thôi, chứ không biết đích-xác là ngôi tượng nào thờ vị nào, và bày ra như thế là có ý-nghĩa gì.

Chúng tôi thấy thế, cho nên mới làm ra quyển sách nhỏ nay, nói lược qua mấy cái đại ý về đạo cứu-thế của nhà Phật cùng cái ý-nghĩa thờ-phụng chư Phật và chư Bồ-tát ở trong chùa, để giúp thêm cho sự hiểu-biết của các tín-đồ và họa may có bổ-ích được một đôi chút cho những người muốn biết đại khái đạo Phật là thế nào chăng.

Cái mục-đích sách **PHẬT-LỤC** *này chỉ thiển-cận như thế thôi. Nhưng lúc làm, chúng tôi cũng đã kê-cứu cẩn-thận và có nhờ ông* NGUYỄN TRỌNG THUẬT *tìm giúp các điển-tích để tránh khỏi sự sai lầm.*

Vậy xin có lời cảm tạ ông THUẬT, *và mong rằng cái việc làm này, tuy nhỏ mọn, nhưng cũng không đến nỗi vô ích cho sự Phật-học của nước nhà.*

T. T. K.

8° Indoch.
2742

LỜI MỞ ĐẦU

Chữ Phật 佛 *là tiếng gọi tắt chữ* Phật-đà 佛陀 *dịch theo âm chữ phạm Bouddha. Lấy cái nghĩa* chân-đế 眞諦 *là cái nghĩa chân-thực tuyệt-đối (1) mà xét, thì Phật là hoàn-toàn chân-tính, chân-như bất sinh, bất diệt, độc nhất vô nhị ở trong vũ-trụ. Cái chân-tính ấy thường gọi là* Pháp-thân (2), *tức là phần sáng tỏ thiêng-liêng, vạn vật nhờ đó mà có, rồi chung qui lại quay về đó. Theo cái nghĩa chân-đế ấy thì chỉ có một Phật chứ không có hai, nhưng lấy cái nghĩa* tục-đế 俗諦 *là cái nghĩa luân-chuyển tương-đối của sự báo-ứng biến-hóa mà người ta có thể hiểu biết được mà xét, thì Phật là* giác-giả 覺者, *tức là cái danh-hiệu để gọi những bậc có tri-tuệ cực minh-triệt (4), cực cao-siêu, hiểu thấu hết thảy mọi sự mọi vật ở trong vũ-trụ. Những bậc ấy đã chứng được cái pháp-thân chân-thực, vượt qua khỏi cuộc luân-hồi biến hóa, và lại đem sự hiểu biết của mình mà tuyên truyền ra để tế-độ chúng sinh, cứu vớt các giống hữu-tình (5) ở chốn hôn-mê, đưa sang bến giác-ngộ yên-lặng.*

Theo cái nghĩa « tục-đế » ấy, thì Phật không phải là cái danh-hiệu để gọi riêng một vị nào, nhưng để gọi chung hết thảy những bậc đã tu thành chính quả viên-mãn, không sót chút gì là mờ-đục ngại-trở và không mắc tí nào vào trong sự biến-hóa vô-thường nữa.

Vậy theo « chân-đế », thì ở trong vũ-trụ chỉ có một pháp-thân, mà theo « tục-đế » thì cái Pháp-thân *biến hiện ra nhiều*

---

1) Tuyệt-đối : Cùng tột, không có gì sánh ngang được.
2) Pháp-thân : Cái thân thuần là lý, không có sắc, không có tướng.
3) Tương-đối : Sánh ngang cái nọ đối với cái kia.
4) Minh-triệt : Sáng suốt.
5) Hữu-tình : Giống sinh vật có cảm-giác.

báo-thân *và* ứng-thân *cho nên mới nói* ***rằng từ đời vô-thủy*** *đến nay có Hằng-hà sa số Phật.* ***(1).***

Nay theo lịch-sử thì người ***đã thành Phật và đã sáng lập ra đạo Phật là đức*** Thích-ca mầu-ni. *Khi Ngài* ***đã đắc đạo rồi, Ngài đem đạo-lý*** *dạy người ta biết bởi đâu mà* ***có thế-gian và vạn vật, và tại sao mà có sự khổ-não ở đời, rồi Ngài chỉ bảo cho mọi*** *người .tự mình* ***nên lấy cái bản-tính sáng-suốt mà phá tan cái mờ-tối, để giải-thoát ra ngoài luân-hồi sinh tử. Đến khi ngài diệt độ,*** *nghĩa là Ngài* ***đã về chỗ chân-như yên-lặng rồi,*** *các đồ-đệ làm tượng Ngài thờ như lúc* ***sống. Bởi vậy mới thành ra có sự thờ-phụng ở các chùa.***

Về sau dần dần số tín-đồ nhiều ra, đạo-lý mỗi ngày một mở rộng. Trong số tín-đồ, có phái tu theo cái nghĩa tiểu-thặng, cố tu-hành để giải-thoát lấy mình; có phái tu theo cái nghĩa đại-thặng, lấy lòng từ-bi bác-ái mà tu-hành, không những là để cứu mình mà lại còn lo cứu người. Tiểu-thặng là cỗ xe nhỏ chỉ chở được một người, đại-thặng là cỗ xe lớn chở được nhiều người. Dùng sang nghĩa bóng là nói một phái tu lấy tự giác, tự lợi (2); một phái tu để tự giác giác tha (3). Cái nghĩa của hai phái Tiểu-thặng và Đại-thặng khác nhau là thế.

Phái Tiểu-thặng tuy cũng nhận có nhiều Phật khác, nhưng chỉ riêng thờ một đức Thích-ca mà thôi. Phái Đại-thặng thì không những thờ đức Thích-ca và đức A-di-đà, mà lại thờ cả các vị Bồ-tát, là những bậc đã tu đắc đạo, nhưng chưa được viên-mãn (4) như chư Phật. Các vị Bồ-tát đều có công-đức lớn ở lại trong thế-gian mà tế-độ chúng sinh. Vì thế, sự thờ-phụng và đạo-lý của hai phái Tiểu-thặng và Đại-thặng có nhiều chỗ không giống nhau.

Đạo Phật ở nước Việt-nam ta, thuộc về phái Đại-thặng, cho nên ta cần phải biết rõ danh-hiệu và sự tích của chư Phật

---

1) **Hằng-hà sa số** : Số cát ở sông Hằng, nghĩa bóng vô-số.
2) **Tự giác tự lợi** : Biết lấy cho mình, lợi lấy cho mình.
3) **Tự giác giác tha** : Biết cho mình rồi làm cho người biết.
4) **Viên-mãn** : Toàn vẹn.

và chư Bồ-tát cùng các vị thần thánh thờ ở trong các chùa.

Sách này chia ra làm năm mục: Mục đầu nói về Phật-tổ là đức Thích-ca mầu-ni Phật cùng thập đại-đệ-tử; mục thứ hai nói về chư Phật; mục thứ ba nói về chư Bồ-tát; mục thứ tư nói về thế-gian và thế-giới ở trong không-gian và thời-gian mục thứ năm nói về các tượng và cách bài-trí ở các chùa. Sau cùng phụ thêm một mục nói mấy cảnh chùa lớn và cổ ở Bắc-kỳ. Chủ-đích là dùng lời giản-ước và rõ-ràng mà bày tỏ những điều các tín-đồ cần phải biết trong đạo Phật, để tránh khỏi những sự lầm-lẫn về đường tín-ngưỡng.

I

THÍCH-CA MẦU-NI PHẬT

釋迦牟尼佛

Đức Thích-ca mầu-ni Phật (Çakyamuni) **là tị-tổ** (1) **Phật-giáo** ở thế-gian này. Ngài giáng thế tự năm nào ? **Xưa kia ta theo** các kinh Đại-thặng ở bên Tàu, thường cho **là Ngài sinh vào** ngày mồng 8 tháng tư năm thứ 26 đời vua **Chiêu-vương** nhà Chu, là vào năm 1027 trước Tây-lịch kỷ-nguyên. **Song xem các** kinh truyện ở Tây-tạng, thì thấy chép rằng. **Phật nhập diệt** năm 544 trước Tây-lịch; ở đảo Tích-lan (Ceylan), thì chép là năm 546 ; ở Diến-điện, thì chép **là vào năm 481. Theo** những năm ấy mà tính lên 80 **năm về trước,** thì Ngài sinh vào quãng năm 624, **hay năm 626, hay năm 561** trước Tây-lịch. Đến ngày nay, các nhà **khảo-cứu bên Âu-tây** và bên Nhật-bản đều công-nhận **là Ngài sinh** vào khoảng năm 560 trước Tây-lịch, tức là **vào đời vua Linh-vương** nhà Chu bên Tàu. Còn ngày Phật **giáng đản** (2), thì thường nhận là ngày mồng tám tháng **tư.**

Sách *Phật-bản-hạnh* 佛本行 chép **rằng** : « **Trước khi đức** Thích-ca giáng sinh xuống cõi Sa-bà (Sabaloka) **là cõi thế-giới** ta ở đây, Ngài là Hộ-minh Bồ-tát 護明菩薩 **ở trên** tầng trời Đâu-suất, là tầng trời thứ tư trong thế-giới. **Vì Ngài** thấy chúng sinh ở cõi trần, đời đời mắc phải **nghiệp - báo luân - hồi,** cứ chìm đắm trong bể khổ, **Ngài bèn phát nguyện** (3) giáng sinh mà độ thế » : Ngài giáng **sinh vào đất** trung Ấn-độ làm con vua Tịnh-phạn (Suddhodana) **ở nước** Ca-bỉ-la (Kapila-vastu), họ là Cồ-đàm (Gautama), **tên là** Tất-đạt-đa (Siddharta). Ngài sinh được **bảy ngày thì bà** thân-mẫu là Ma-gia phu-nhân (Màyà) **mất.**

---

1) **Tị-tổ** : Ông tổ đầu tiên lập ra một học-thuyết hay một tôn-giáo.
2) **Giáng đản** : Giáng sinh.
3) **Phát-nguyện** : Phát lời cầu nguyện.

Tĩnh phạn-vương giao cho bà dì ruột là Ba-xa-ba-đề (Pradjapati) nuôi Ngài.

Sách chép rằng : khi đức Thích-ca sinh ra, trong thế-giới có nhiều điềm lạ, như : cả trên trời dưới đất đều rung động và có ánh sáng chiếu khắp mười phương, cùng là những chuyện như có chín con rồng xuống phun nước tắm cho Ngài, và các vị thiên thần hòa nhạc tung hoa, vân vân. Ngài lại có 32 tướng lạ, đại khái như là ở trên đỉnh đầu có thịt gồ lên, mặt tròn như vành nguyệt, ở dưới trán, chỗ hai lông mày giao với nhau, có nốt thịt gọi là bạch-ngọc-hào, mũi cao, mắt xanh và sáng quắc, miệng rộng, tay dày và dài, ngực đầy-đặn có ngấn chữ vạn 卍, vân vân . . .

Vua Tĩnh-phạn triệu một vị tiên đến xem tướng cho Ngài, vị ấy nói rằng : « Ngày sau nếu Ngài không xuất gia đi tu, thì làm một đấng thánh vương cả thiên-hạ, mà nếu xuất gia thì thành Phật ».

Ngài lớn lên, thiên-tư rất là đĩnh-ngộ (1), học gì cũng hiểu hết thảy và lại có sức khỏe khác thường, hàng phục được những kẻ rất mạnh. Vua phong làm Thái-tử và cưới nàng Gia-du-đà-ra 耶輸陀囉 (Yasodhara) cho Ngài, sau sinh ra được người con tên là Ra-hầu-la 囉侯羅 (Rahula).

Thiên tính Ngài vốn nhân từ, hay thương xót hết thảy mọi loài vật. Khi Ngài mới mười tuổi, một hôm đi theo phụ-vương xem dân làm ruộng, Ngài thấy người nông-phu khó-nhọc vất-vả, con trâu kéo cầy khổ-sở, chỗ đất ruộng cày lên, sâu bọ ngổn-ngang, chim-chóc tranh nhau mổ ăn. Ngài thấy cái cảnh khổ của chúng sinh như thế, lấy làm thương-xót lắm, đi tìm chỗ ngồi một mình mà nghĩ-ngợi. Về sau, khi Ngài đã lớn lên, vào quãng mười chín, hai-mươi tuổi, mấy lần đi ra chơi ngoài cửa thành, lần thì

---

1) Đĩnh-ngộ : thông minh chóng hiểu biết.

gặp người ốm lọm-khọm, lần thì gặp người có bệnh-tật đau-đớn rền-rĩ, lần thì gặp người chết, thân thích đem đi chôn, kêu gào khóc-lóc. Ngài trông thấy những cảnh khổ của người ta ở đời, rất lấy làm buồn rầu. Lần sau cùng Ngài đi chơi ra ngoài cửa thành gặp người đi tu, hình đáng đoan-trang. Ngài hiểu là chỉ có sự tu-hành mới giải-thoát được mọi sự ưu-bi khổ-não (1) ở trong thế-gian. Từ đó đêm ngày Ngài nghĩ cách xuất gia đi tu đạo.

Vua Tĩnh-phạn biết ý ấy, can ngăn mãi không được, bèn một mặt thì bày ra các trò vui chơi để Ngài khuây-khỏa đi, không nghĩ đến sự đi tu; một mặt thì xuống lệnh bắt quân lính canh phòng nghiêm-nhặt không cho Ngài đi. Nhưng việc Ngài xuất gia tu đạo là một việc nhân-duyên lớn, đến ngày giờ là Ngài phải đi. Một hôm ở trong cung mở tiệc yến, đàn-địch hát múa đến quá nửa đêm. Mọi người đều dắm-thắm say-sưa, duy chỉ có Ngài là hững-hờ như không. Đến khi tan cuộc, ai nấy về phòng riêng, Ngài đi qua trông thấy những ca-nhi mỹ-nữ khi nãy hương thơm nồng-nàn, sắc đẹp rực-rỡ, bây giờ thấy nằm ngổn-ngang, đầu tóc rũ-rợi, bồ-hôi bồ-hám nhễ-nhại, mùi hôi tanh xông lên, khác nào như một đống thây người chết. Ngài trông thấy thế, thở dài mà than rằng: « Có khác gì một đống thịt thối không! Sự ảo-vọng vô-thường ghê gớm thay! » Nói đoạn, đi gọi tên hầu ngựa thân-cận là Xa-nặc 車匿 (Channa) bảo đóng ngựa để trốn đi. Khi sắp ra đi, Ngài ghé qua vào phòng bà Gia-du-đà-ra, mở hé cửa buồng, trông thấy vợ và con đang ngủ, Ngài thở dài mà khép cửa lại, rồi lên ngựa cùng với tên hầu ngựa đi ra ngoài thành. Nhân vì đêm hôm ấy linh canh cửa ngủ say cả, cho nên Ngài mở cửa đi không ai biết. Ra khỏi cửa thành, Ngài phát thệ (2) rằng: « Nếu ta không dứt được sự ưu-bi khổ-não và không được cái đạo vô-

---

1) Ưu-bi khổ-não: lo buồn khổ-sở.
2) Phát thệ: Phát lời thề.

thượng chính-đẳng chính-giác (1) thì ta không về qua cửa này nữa ».

Ngài đi lên phía bắc, về miền núi Tuyết-sơn đến rừng khổ hạnh, là nơi có những người đi tu ở đó. Ngài vào đó rồi cho tên hầu ngựa giắt ngựa về, và lấy gươm cắt tóc, cởi áo đổi cho người đi săn, một mình đi tìm các danh-sư tu ở vùng ấy mà hỏi đạo. Bấy giờ Ngài vừa 29 tuổi và từ đó người ta gọi Ngài là Cồ-đàm sa-môn (Çramana Cauṭama) và sách thì thường chép là Bồ-tát, chứ không gọi tên nữa.

Khi vua Tĩnh-phạn biết Thái-tử đã xuất gia đi tu, liền sai các quan đại-thần đi khuyên Ngài về. Ngài nhất-quyết không về. Vua biết chí Ngài đã không đổi, cho nên không nài ép nữa, bèn sai ngầm bọn Kiều-trần-như 憍陳如 (Kaundinya) năm người đi tu để theo hộ-trì Ngài trong sự tu-hành.

Ngài vào rừng đi tìm những bậc tiên để hỏi đạo. Trước hết Ngài đến hỏi đạo một vị tiên, tên là Bạt-ca-bà 跋迦婆 (Bhargava) tu phép khổ-hạnh, sau Ngài đến hỏi hai vị tiên tên là A-la-ra 阿羅囉 (Alara) và Ca-lam 迦藍 (Kalâma), tu theo học-phái Tăng-kia 僧佉 (Samkhya), sau cùng Ngài đến hỏi đạo vị tiên tên là Uất-đà-ca 鬱陀伽 (Udraka tu theo học phái Du-ca 瑜伽 (Yoga), tức là tu phép thiền-na (Dhyana) của đạo Bà-la-môn. Các vị tiên ấy, ai cũng nói tu để sinh lên cõi trời. Ngài cho những người tu lên cõi trời rồi hết kiếp lại phải luân-hồi, như thế vẫn còn ở trong vòng sinh, bệnh, lão, tử, chưa thật là đạo cứu-cánh (2) giải-thoát. Ngài cùng với bọn Kiều-trần-như đi đến chỗ gần sông Ni-liên-thiền-na 尼連禪那河 (Nairandhana), ngồi tu phép khổ-hạnh, giữ giới nhịn ăn, nhịn mặc, cứ mỗi ngày chỉ ăn cầm hơi một hạt gạo và một hạt kê. Ngài tu như thế trong sáu

---

1) Vô-thượng chính đẳng chính giáo : Đạo chân-thực của Phật.
2) Cứu-cánh : Cùng tột sau hết.

năm giòng mà vẫn không thấy được đạo. Ngài nghĩ rằng: « Ta tu khổ-hạnh như thế này, mà không thấy rõ đạo, thì cách tu của ta vẫn chưa phải. Ta nên theo con đường giữa, cứ ăn uống như thường, không say mê việc đời mà cũng không khắc khổ hại thân, rồi mới thành được đạo ». « Ngài nghĩ thế, rồi đứng dậy đi xuống sông tắm. Khi ấy có người đàn-bà chăn bò đem bát sữa dâng Ngài. Ngài ăn xong, thấy trong mình khoan-khoái dễ chịu. Bọn Kiều-trần-như thấy Ngài không giữ khổ-hạnh, tưởng Ngài đã thoái chí không tu nữa, đều rủ nhau bỏ đi tu chỗ khác.

Ngài một mình đi đến chỗ có cây ba-la, lấy cỏ làm chiếu mà ngồi, rồi phát nguyện rằng: « Nếu ngồi đây mà không giác-ngộ được đạo chính-đẳng chính-giác, thì quyết không đứng dậy nữa ». Ngài ngồi dưới gốc cây ba-la bốn mươi chín ngày, suy nghĩ các lẽ về sự khổ của chúng sinh và cái căn-do sự biến-hóa vô thường trong thế-gian.

Kinh chép rằng: « Khi Bồ-tát gần đắc đạo, hào-quang chiếu lên các tầng trời. Ở tầng trời thứ sáu có Ba-tuần Ma-vương (Mara) tức là Tha-hóa Tự-tại-thiên, xưa nay vốn lấy ảo-hóa (1) mà làm mê-hoặc (2) chúng sinh, bỗng thấy hào-quang chiếu lên, biết rằng Bồ-tát sắp thành Phật, tất đem chính-đạo truyền ra ở đời, phá tan mất cái lưới mờ-tối của mình, liền sai yêu-nữ xuống cám-dỗ. Ma-vương thấy bọn yêu nữ không làm gì được, tự mình đem binh tướng xuống dùng hết pháp-lực (3) mà đánh phá, cũng không lay chuyển được. Sau cùng Ma-vương đến gần chỗ Bồ-tát ngồi, dùng lời nói ngọt mà dụ rằng. « Nếu Bồ-tát không muốn ở thế-gian, thì lên trên trời, tôi xin nhường ngôi cho Ngài ». —Bồ-tát đáp rằng: « Nhà ngươi kiếp trước có gây được cái nhân tốt, cho nên mới được làm Tự-tại thiên-vương. Song phúc ấy có hạn, hễ hết hạn, thì lại luân-hồi

---

1) Ảo-hóa: Sự biến-hóa không chân-thực.
2) Mê-hoặc: Mờ tối sai lầm.
3) Pháp-lực: Sức mạnh của phép màu.

chịu mọi điều khổ-não ». — Ma-vương nói : « Bồ-tát đã biết rõ cái quả-báo của tôi. Vậy cái quả-báo của Bồ-tát thì ai biết ? » — Bồ-tát xòe tay phải ra, trỏ xuống đất mà nói rằng : « Có đất này biết ». Bồ-tát vừa nói xong, thì đất rung động rất mạnh, rồi thần đất hiện lên tung hoa khắp mọi nơi để kính lễ Bồ-tát và quát mắng Ma vương rằng : « Bồ tát làm việc bố-thí trong bao nhiêu kiếp, bây giờ mới sắp được chính quả. Sao ngươi dám đến quấy nhiễu ? » Ma-vương nghe thần đất nói thế sợ hãi mà lui về.

Bồ-tát đã hàng phục được Ma-vương rồi, ngồi nhập định (1) đến sáng ngày rằm tháng hai, lúc rạng đông, sao mai mới mọc, thì giác-ngộ đạo « a-lậu-đa-la tam-điều tam bồ-đề », nghĩa là biết rõ cái đạo chính-đẳng chính-giác, tức là thành Phật. Từ đó các kinh gọi Ngài là Thích-ca mầu-ni Phật.

Đạo của đức Thích-ca mầu-ni Phật lúc đầu cốt-yếu ở *Tứ thánh-đế* 四 聖 諦 và *Thập-nhị nhân-duyên* 十 二 因 緣. Tứ Thánh-đế là *Khổ-đế* 苦 諦 là sự xét rõ cái khổ ở trần-gian như : sinh, bệnh, lão, tử, v. v..., *Tập-đế* 集 諦 là sự xét rõ bởi đâu mà thành ra cái khổ ; *Diệt đế* 滅 諦 là sự xét rõ cách dứt hết cái khổ ; *Đạo đế* 道 諦 là con đường phải noi theo mà giải-thoát ra khỏi luân-hồi khổ-não.

Cái khổ mà có mãi không thôi, là bởi có sự sinh hóa. Sự sinh hóa ấy gốc ở thập-nhị nhân-duyên, là mười hai cái nhân, cái nọ làm duyên cho cái kia mà thành ra vạn vật ở trong thế-gian. Mười hai nhân-duyên ấy là : Vô-minh 無 明 duyên Hành ; Hành 行 duyên Thức ; Thức 識 duyên Danh sắc ; Danh sắc 名 色 duyên Lục-nhập ; Lục-nhập 六 入 duyên Xúc ; Xúc 觸 duyên Thụ ; 受 duyên Ái ; Ái 愛 duyên Thủ ; Thủ 取 duyên Hữu ; Hữu 有 duyên Sinh ; Sinh 生 duyên Lão tử 老 死. Hễ muốn không có lão tử, thì dứt cái duyên Sinh ; muốn không có Sinh thì dứt cái duyên Hữu ;

---

1) Nhập-định : Phép tu, thu-liễm tâm thần làm một, không để tán loạn.

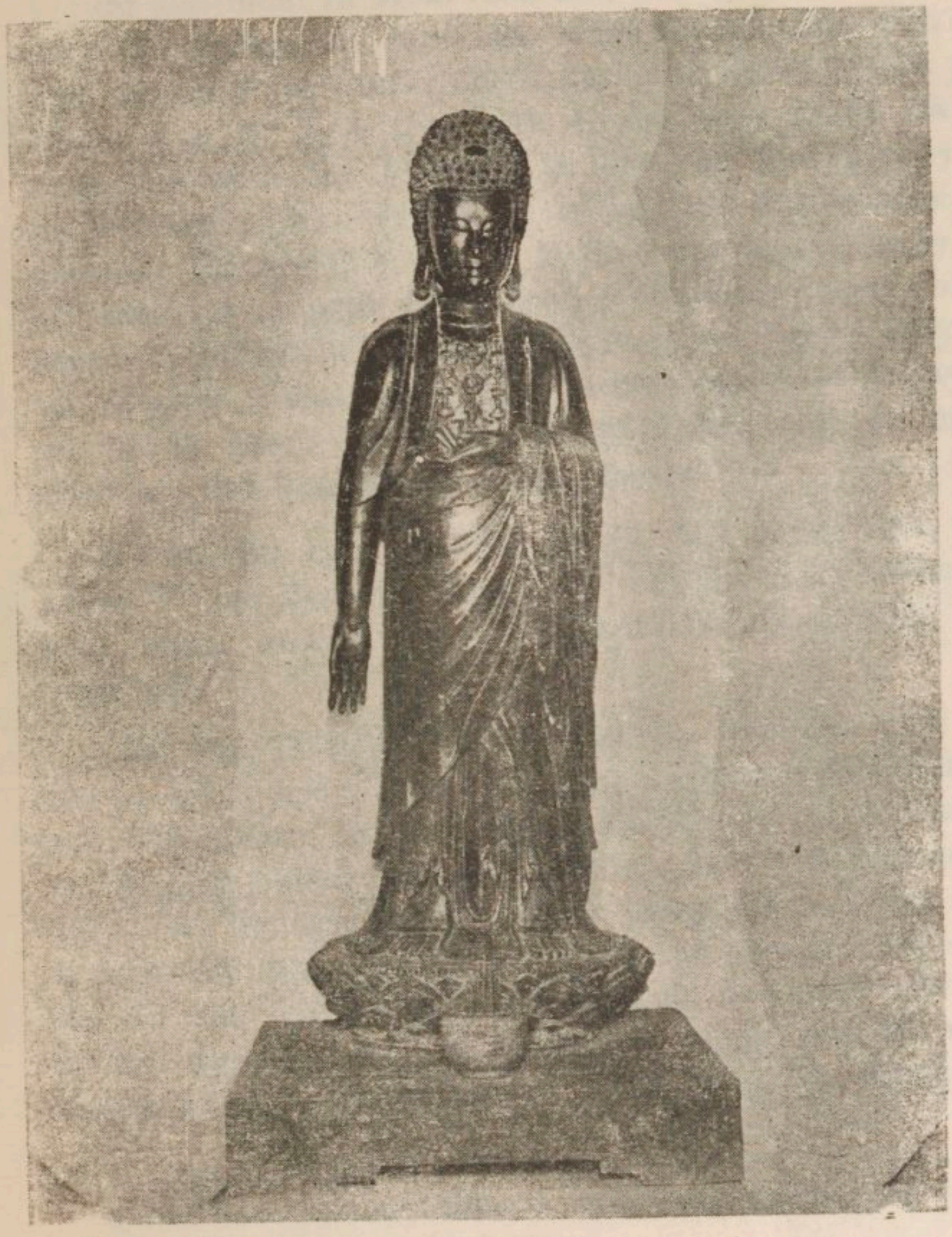

Tượng đức Thích-ca mầu-ni lúc mới thành Phật chỉ xuống đất mà bảo Ma-vương

cứ thế mà dứt cho đến duyên Thức, duyên Hành và duyên Vô-minh, thì được giải-thoát ra ngoài luân-hồi.

Sự giải-thoát ra ngoài luân-hồi, không có sinh tử nữa, là cái mục đích lớn của đạo Phật. Muốn tới cái mục-đích ấy, thì phải theo tám con đường chính, gọi là Bát chính đạo 八正道; Chính kiến 正見 là theo con đường ngay chính mà trông nghe; Chính tư-duy 正思惟 là theo con đường ngay chính mà suy nghĩ; Chính ngữ 正語 là theo con đường ngay chính mà nói; Chính nghiệp 正業 là theo con đường ngay chính mà làm; Chính mệnh 正命 là theo con đường ngay chính mà sống; Chính tinh-tiến 正精進 là theo con đường ngay chính mà cố-gắng; Chính niệm 正念 là theo con đường ngay chính mà tưởng nhớ; Chính định 正定 là theo con đường ngay chính mà thu-liệm tâm thần vào đạo-lý.

Ấy lúc đầu đạo Phật chỉ cốt lấy bấy nhiêu điều mà dạy người. Về sau đạo-lý mở rộng ra, mới lập thành nhiều thuyết khác nhau, nhưng đại ý vẫn phải lấy những điều ấy làm trọng yếu.

Khi đức Thích-ca đã đắc đạo rồi, Ngài còn ngồi ở dưới cây ba-la bảy ngày, nghĩ bụng rằng: « Ta nay đã thành chính-quả, bản nguyện đã được viên-mãn. Nhưng cái đạo-pháp của ta rất mầu-nhiệm khó hiểu, chỉ có Phật với Phật mới biết được. Còn hết thảy chúng sinh ở trong đời ngũ-trọc (1) này, vì tham-dục (2), sân-khuể (3), ngu-si, tà-kiến (4), kiêu-mãn (5) che lấp, làm thế nào mà hiểu được cái đạo-pháp của ta. Nếu ta đem đạo-pháp ấy mà truyền ra, chúng sinh tất mê-hoặc, không tin theo và lại buông lời phỉ-báng (6), thành ra phải

---

1) Ngũ-trọc: Năm cái dơ đục là: kiếp-trọc, kiến-trọc, phiền-não-trọc, chúng-sinh-trọc và mệnh-trọc.
2) Tham-dục: Tham muốn.
3) Sân-khuể: Tức giận.
4) Tà-kiến: Tư-tưởng không ngay chính.
5) Kiêu-mãn: Kiêu-ngạo tự-đắc.
6) Phỉ-báng: Báng-bổ.

tội. Chi bằng ta cứ im lặng mà vào Nát-bàn. » Nhưng sau Ngài nghĩ lại rằng : « Ta đã phát nguyện tu thành Phật để cứu chúng sinh, lẽ nào lại tự giác mà không giác tha, để chúng sinh chìm-đắm ở chỗ sinh tử. » Ngài nghĩ như thế, rồi đứng dậy định đi thuyết-pháp. Chỗ này có sách chép là Phạm-thiên và Đế-thích thấy Ngài đã đắc đạo mà không muốn đi thuyết-pháp, bèn xuống kêu nài, Phật mới ưng chịu

Phật đã định đi thuyết-pháp, nhưng chưa biết đi đâu trước. Lúc đầu Ngài nghĩ đến mấy người tiên đã dạy Ngài lúc mới xuất gia, nhưng sau biết là những vị ấy đã mất rồi, Ngài lại nghĩ đến bọn Kiều-trần-như (Kaundinya) là những người đã cùng Ngài tu luyện lâu năm, bèn đi tìm đến vườn Lộc-uyển để thuyết-pháp cho bọn ấy nghe.

Năm người ấy trông thấy Phật đến, trước còn ngờ Ngài đã bỏ lòng tu đạo, có ý khinh nhờn ; sau thấy dung-quang của Ngài, ai nấy đều kính phục. Phật bèn thuyết-pháp về tứ Thánh-đế. Năm người dần dần nghe ra, đều cắt tóc mặc áo cà-sa, xin làm đệ-tử. Ấy từ đó trong thế-gian mới có Tam-bảo 三寶 : Phật là Phật-bảo 佛寶, đạo của Phật dạy là Pháp-bảo 法寶 và những người sa-môn theo làm đồ-đệ Phật là Tăng-bảo 僧寶.

Phật cùng năm người sa-môn đi thuyết-pháp các nơi, lấy đạo từ-bi bác-ái mà dạy người và dùng phương-tiện (1 mà độ chúng sinh. Đi đến đâu thì vua quan cùng dân chúng tranh nhau đón rước. Những người theo đạo qui Phật, mỗi lúc hàng trăm hàng nghìn người. Phật không phân-biệt người sang kẻ hèn gì cả, hễ ai phát tâm qui-y là Phật độ hết cả. Phật lại về cố-quốc là Ca-bỉ-la độ cho phụ-vương tinh phạn, cho bà dì và vợ con cùng các thân-thích.

Bấy giờ những tín-đồ nhà Phật chia ra làm bốn hạng, gọi là tứ chúng 四衆. Hạng đàn-ông xuất gia tu hành, gọi là tỉ-khâu (bhikshu) ; hạng đàn-bà xuất gia tu hành, gọi

---

1 Phương-tiện : Cách-thức tuỳ tiện cho người ta dễ theo, dễ hiểu.

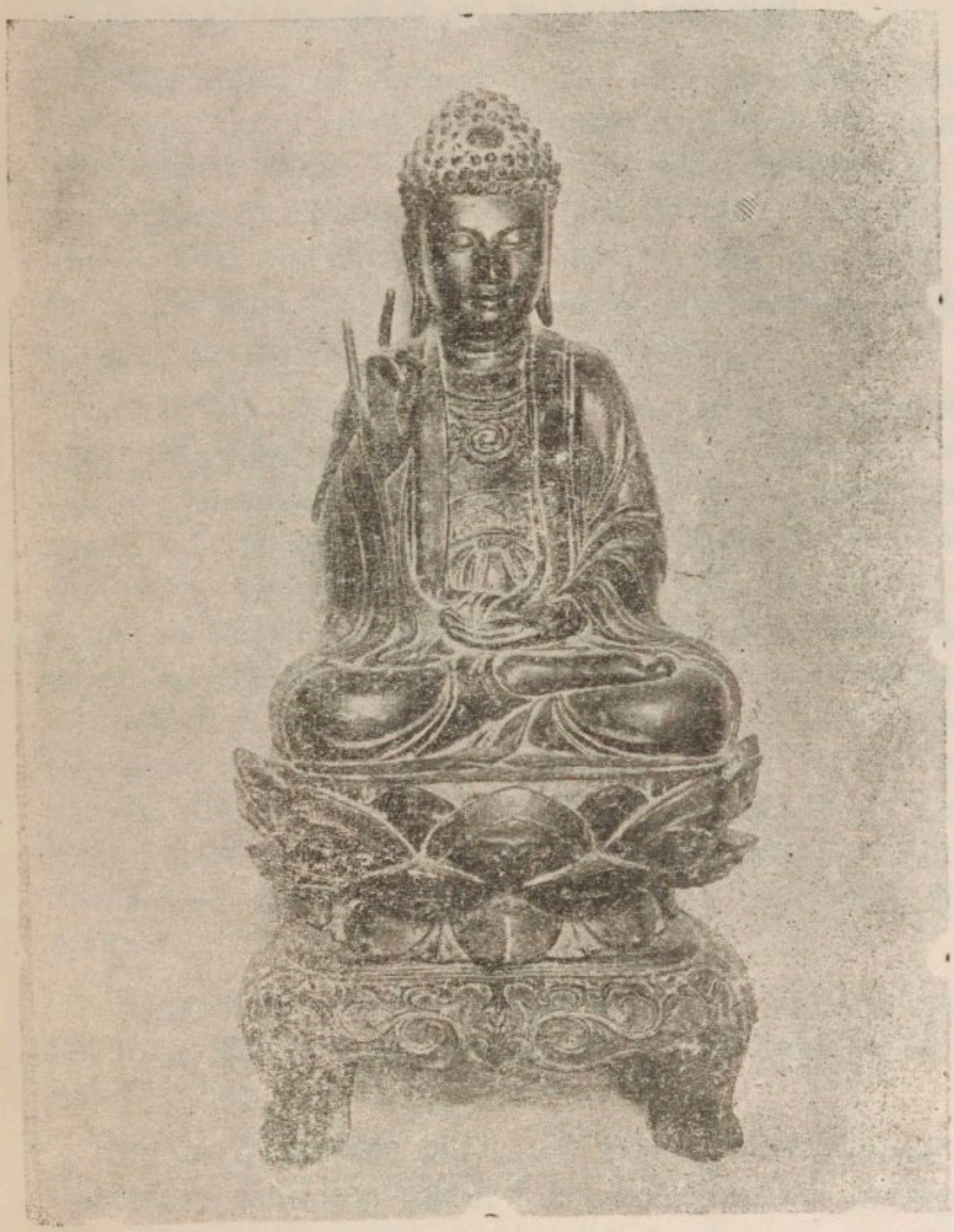

Tượng đức Thích-ca mầu-ni Phật thuyết pháp

là tỉ-khâu-ni (bhikshuni) ; hạng đàn-ông theo đạo mà không xuất-gia, gọi là ưu-bà-tắc (Upasaka) ; hạng đàn-bà theo đạo mà không xuất gia, gọi là ưu-bà-di (Upasaki). Những tỉ-khâu và tỉ-khâu-ni lập thành các Tăng-hội, có nhà tinh-xá, tức là nhà chùa, để ở mà tu-hành học đạo.

Phật không có định-sở ở hẳn chỗ nào. Khi ở Ba-la-nại (Bénarès), khi ở Xá-vệ thành (Savasthi), khi ở Vương-xá thành (Radjagriha). Khi ở Trúc-viên tinh-xá (Vénounana), hoặc ở Linh-thứu-sơn (Gridhakouta). Lệ cứ đến mùa hè là mùa nhiều mưa, thì các đệ-tử tụ hội ở một nơi nào, để học đạo ; đến mùa khô ráo thì lại đi thuyết-pháp khắp trong vùng trung-lưu sông Hằng-hà (Le Gange).

Phật đi thuyết-pháp như thế trong bốn-mươi-nhăm năm. Đến năm 80 tuổi, một hôm Ngài đi đến cái rừng gần thành Câu-thi-na (Koucinagara), thấy trong mình phát bệnh nặng, biết là sắp vào nát-bàn, bèn nghỉ lại ở chỗ có hai cây sa-la, và ngỏ ý cho các đệ-tử biết. Khi ấy các tỉ-khâu nghe nói Phật sắp diệt-độ, ai nấy đều kêu khóc, xin Phật hãy ở lại trần-gian mà độ chúng sinh. Phật nói rằng : «Trời, đất, người, vật, phàm cái gì ở trong tạo-hóa đã có sinh, tất là có tử. Muốn trái lẽ ấy sao được. Ta nay vào nát-bàn là chỉ bỏ cái hình-hài vô-thường mà thôi, chứ Phật, Pháp và Tăng vẫn thường trụ ở thế-gian để tế-độ chúng sinh ». Các đệ-tử nghe lời thuyết-pháp của Phật đều được an-ủy.

Ngày Phật viên-tịch là ngày rằm tháng hai, vào quãng năm 480 trước Tây-lịch, tức là vào năm thứ 34 đời vua Kính-vương nhà Chu bên Tàu.

Phật diệt-độ rồi, các đệ-tử đem hỏa táng, chia xá-lị (1) (Çarira) ra làm tám phần, vua các nước rước về xây tháp để thờ. Về sau vua A-dục (Açoka) lại chia làm tám vạn bốn nghìn

---

1) Xá-lị : Hài cốt còn lại.

phần để thờ trong tám vạn bốn nghìn cái tháp, khắp cả các nước ở xứ Ấn-độ.

Sau khi Phật đã diệt-độ, các đệ-tử vâng theo ý-chỉ của Phật, tôn Ca-diếp tôn-giả lên làm chủ-tọa để chủ trương làm mọi việc trong các Tăng-hội. Ca-diếp tôn-giả họp các vị đã tu đến bậc A-la-hán mà san-định (1) những qui-tắc của Phật đã định, làm thành bộ luật-giới, và sưu-tập (2) những lời Phật đã thuyết pháp làm thành các bộ kinh.

Từ đó đạo Phật dần dần truyền rộng ra các nước ở Á-đông. Hiện nay những nước như Ni-ba-la (Népal) Tây-tạng, Mông-cổ, Trung-hoa, Cao-ly, Nhật-bản và Việt-nam, theo phái Đại-thặng, gọi là Bắc-tôn ; những nước như Tích-lan, Diến-điện, Xiêm-la, Cao-mên và Ai-lao theo phái Tiểu-thặng, gọi là Nam-tôn. Dù là Bắc-tôn hay Nam-tôn, phái nào cũng thờ đức Thích-ca mầu-ni Phật làm giáo-chủ.

THẬP ĐẠI ĐỆ-TỬ

十大弟子

Khi đức Thích-ca còn tại thế, các đệ-tử có đến hàng mấy vạn người, nhưng cái số thật giỏi có thể trao-truyền được tam pháp, tuyên-dương (3) được giáo lý của Phật, thì có mười người, gọi là thập đại đệ-tử của Phật. Mười người ấy đều là những bậc thông-minh trí-tuệ, gồm hết mọi học-vấn, có đủ các đức-hạnh và đã chứng A-la-hán quả, tức là đã thoát-ly được luân-hồi.

Nay tham-khảo (4) các kinh truyện, đem danh-hiệu và lịch-sử của từng người lần lượt kể qua ra sau này :

---

1) San-định : Xếp đặt thành sách.
2) Sưu-tập : Nhặt-nhạnh.
3) Tuyên-dương : Tuyên-truyền tán-dương
4) Tham-khảo : Tra-xét so-sánh

1· — *Xá-lị-phất* 舍利弗 (Sariputra). Khi đức Thích-ca đến thuyết-pháp ở Vương-xá thành, ở đấy có hai người dòng-dõi bà-la-môn : một người tên là Xá-lị-phất, một người tên là Mục-kiện-liên (Maudgalyayana). Hai người rất thông minh và có trí-tuệ rất lớn, trong nước ai cũng kính trọng, và mỗi người có hơn một trăm học-trò. Hai người kết bạn với nhau rất thân, nhưng chưa cho cái đạo bà-la-môn của mình học là đạo cứu-cánh, cho nên hẹn với nhau rằng : Hễ ai biết được chính-pháp trước, thì cùng bảo cho nhau biết.

Một hôm Xá-lị-phất đi chơi, bỗng gặp một thầy tỉ-khâu tên là A-xá-bà-kỳ 阿捨婆耆, đệ-tử của Phật, đi khất thực (1) ở trong làng. Xá-lị-phất trông thấy dung nghi thầy tỉ-khâu ấy rất là chỉnh-túc (2), bèn đến hỏi rằng : « Tôi xem thầy giống như người mới xuất gia, sao mà đã có cái phong-độ (3) ung-dung trang-nghiêm như thế ? Tôn-sư của thầy là ai và dạy những phép gì ? » Thầy tỉ-khâu đáp rằng : « Thầy tôi vốn dòng họCam-giá, là bậc thầy cả cõi người và cõi trời. Tôi đây còn trẻ tuổi, mới theo học đạo, đã tuyên thuyết thế nào được cái đạo-pháp mầu-nhiệm của thầy tôi. Song cứ cái chỗ tôi đã hiểu, thì xin nói để ông nghe. » Nói đoạn, đọc bài kệ rằng :

Nhất thiết chư pháp bản,
一 切 諸 法 本
Nhân duyên sinh vô chủ.
因 緣 生 無 主
Nhược năng giải thử giả,
若 能 解 此 者
Tắc đắc chân thực đạo.
則 得 眞 實 道

---

1) Khất thực : Xin ăn.
2) Chỉnh-túc : Đứng-đắn nghiêm-trang.
3) Phong-độ : Đáng vẻ.

DỊCH NÔM

Sinh ra hết thảy mọi phép nọ,
Đều do nhân-duyên không có chủ.
Hễ mà hiểu được nghĩa ấy,
Thì đạo chân-thực mới hiểu rõ.

Xá-lị-phất nghe mấy câu kệ ấy, trong lòng lấy làm thỏa-thích, thấy ngay cái chỗ của đạo. Nhân nghĩ rằng : « Hết thảy chúng sinh đều bám lấy cái *ngã*, cho nên cứ luân-hồi ở trong vòng sinh tử. Nếu trừ được cái ngã-tưởng, thì ở chỗ « ngã sở » cũng đều là bỏ được. Ví như ánh sáng mặt trời có thể phá được mọi sự mờ tối ; cái tưởng vô-ngã cũng vậy, có thể phá được hết thảy mọi cái ám-chướng (1) của cái ngã-kiến (2). Xưa nay ta tu-hành học đạo đều là tà-kiến cả, thật nay mới thấy rõ cái đạo chân-chính. » Nghĩ thế rồi, trở về tìm Mục-kiện-liên, đọc bài kệ ấy cho bạn nghe. Hai người cũng đồng một ý, định đi đến chỗ Phật ở, xin qui-y. Các đệ-tử của hai người cùng xin đi cả.

Xá-lị-phất theo đức Thích-ca học đạo, chứng được A-la-hán quả, thành một bậc trí-tuệ đệ-nhất trong các đệ-tử, được truyền đạo-pháp nói ở trong kinh Bát-nhã ba-la-mật.

Sách của ông có bộ *Xá-lị-phất tập-dị-môn-túc luận* 舍利弗集異門足論 20 quyển, và *A-tỉ đàm-luận* 阿毗曇論 30 quyển.

2. — *Mục-kiện-liên* 目犍連 (Maudgalyayana), Mục-kiện-liên cùng với bạn là Xá-lị-phất theo làm đệ-tử-phật, có tiếng là bậc thần-thông đệ-nhất. Ông tài giỏi, lừng-lẫy thuở đương thời, cho nên những người theo ngoại đạo rất ghét. Một hôm ông vào thành đi khất-thực, bị bọn phạm chí đánh chết

---

1) Ám chướng : Tối-tăm che-lấp.

2) Ngã-kiến : Cái tư-tưởng về sự có cái ngã.

Sách *Tỉ-nại-gia-tạp-sự* 毘奈耶雜事 chép rằng : « Có người hỏi đức Thế-tôn : Một bậc thánh như Mục-kiện-liên mà bị bọn ngoại đạo đánh chết, thế là nghiệp gì ? — Đức Thế-tôn đáp rằng : « Kiếp xưa Mục-kiện-liên là con một họ Bà-la-môn quá yêu vợ mà bất hiếu với mẹ. Mẹ giận quá có rủa : « Sao những đứa hung-ác không đánh chết mày đi ! ». Nay tuy chứng cõi thánh làm một bậc thần-thông đệ-nhất, mà vẫn phải chịu cái nghiệp bị đánh chết. »

Sách của ông ở trong tạng Kinh có bộ *Mục-kiền-liên pháp-uẩn-túc-luận* 目犍連法蘊足論 12 quyển

Xá-li-phất và Mục-kiện-liên đều chứng cõi nát-bàn trước đức Thích-ca mầu-ni.

3. — *Đại Ca-diếp* 大迦葉 (Maha Kaçyapa) — Đại Ca-diếp vốn là giòng bà-la-môn, học đạo Bà-la-môn rất giỏi, tinh thông cả các kinh truyện của đạo ấy. Nhà rất giàu, hay làm việc bố-thí, nhưng vì ông trông thấy cảnh đời có nhiều sự khổ-não, muốn tìm đạo chính để cứu đời, cho nên ông mới trút bỏ hết cả danh lợi, vào rừng tìm thầy học đạo.

Sách *Thủ-hoa* 手華 chép rằng : Đại Ca-diếp cùng 500 đệ-tử trụ ở cái đền thờ vua Đế-Thích tại núi Yi-đề-ka, tu phép đầu-đà (đhuta) (1), đi xin cơm ăn, nhặt dẻ chắp làm áo mặc. Sau nghe đức Thích-ca thành đạo, đang thuyết-pháp ở Trúc-viên, gần Vương-xá thành, ông bèn đến đó xin qui-y. Sách *Phó-pháp-tạng* 付法藏 chép rằng : « Lúc Đại Ca-diếp tìm đến ra mắt đức Thích-ca, thì mặc áo làm bằng mụn dẻ chắp lại. Ông cúi đầu kính-lễ, rồi chắp tay bạch Phật rằng : « Tôi xin qui-y về đạo của Thế-tôn là đạo rất trong sạch, xin Thế-tôn thương mà nhận cho được đứng vào cuối hàng đệ-tử. » Phật liền cho ông ngồi lên trên cả mọi người.

Trong các đệ-tử của đức Thích-ca, Đại Ca-diếp là bậc đầu-đà đệ-nhất, nghĩa là làm đủ mười-hai phép rất khổ-hạnh, không ai bằng, và lại hiểu thấu đạo lý của Phật hơn cả mọi

---

1) Đầu-đà : Phép tu khổ-hạnh.

người. Kinh *Đại Phạm-thiên-vương vấn Phật quyết-nghi* 大梵天王問佛決疑經 nói rằng : « Một hôm đức Thích-ca hội cả đại chúng ở núi Linh-thứu-sơn 靈鷲山, Ngài ngồi cầm hoa mà không nói gì, để xem có ai hiểu ý gì không, thì chẳng ai hiểu gì cả. Chỉ có Đại Ca-diếp tủm-tỉm cười. Đức Thích-ca liền bảo ông rằng : « *Ngô hữu chính-pháp nhãn tàng, nát-bàn diệu tâm, phó chúc Ma-ha Ca-diếp* 吾有正法眼藏涅槃妙心付囑摩訶迦葉. Ta có phép chính-pháp-nhãn, trông rõ hết thảy vạn pháp và cái diệu-tâm về nát-bàn, truyền lại cho Đại Ca-diếp ». Sách Tây-vực ký 西域記 nói rằng : Khi đức Thích-ca sắp viên-tịch có dặn Đại Ca-diếp rằng ; « Ta tu-hành khổ-hạnh đã bao nhiêu kiếp, là chỉ vì chúng sinh mà cầu lấy phép vô-thượng. Nay ta đã mãn quả rồi, và chẳng bao lâu ta sẽ vào cõi nát-bàn, ta đem hết pháp-tạng trao lại cho ngươi, ngươi trụ-trì lại mà tuyên-truyền những phép chính ấy, chớ để sai lạc ». Nói đoạn, Phật trao cho Ca-diếp cái áo cà-sa và cái bát để làm biểu-hiệu sự truyền đạo-thống. Lệ truyền y bát khởi đầu từ đó.

Sau khi đức Thích-ca diệt-độ rồi Đại Ca-diếp hội 500 đệ-tử của Phật đã tu đến bậc a-la-hán ở núi Tỉ-bà-la 毗婆羅 ngoài thành Vương-xá để kết-tập những luật-qui và những lời Phật đã thuyết-pháp. Đại Ca-diếp cử Ưu-bà-li (Upali) làm bộ Luật-tạng, cử A-nan-đà (Ananda) san-định bộ Kinh-tạng, còn ông thì nhận làm bộ Luận-tạng.

Việc kết-tập ấy hoàn-thành rồi, Đại Ca-diếp truyền y bát cho A-nan-đà, và vào trong núi Kê-túc 鷄足 ở nước Ma-yết, ngồi làm phép thiền-định mà chứng quả nát-bàn.

Đại Ca-diếp là đệ-nhất tổ trong phái Thiền-tôn 禪宗.

4.— *Tu-bồ đề* 須菩提 (*Subhuti*) — Tu-bồ-đề là con một người trưởng-giả ở thành Xá-vệ qui-y Phật học đạo, được chứng a-la-hán quả, và nổi tiếng là bậc giải không 解空 đệ-nhất trong các đệ-tử của Phật. Giải không nghĩa là hiểu rõ cái không lý của đạo Phật.

Kinh Tăng-nhất A-hàm 增一阿含經, về phẩm thứ mười-ba, có phép những lời của Tu-bồ-đề như là : « *Pháp pháp tự sinh, pháp pháp tự diệt, pháp pháp tương động, pháp pháp tự tức ..... Pháp pháp tương loạn, pháp kháp tự tức, pháp năng sinh pháp,..... Như thị nhất thiết sở hữu, giai qui ư không : vô ngã, vô nhân, vô mệnh, vô sĩ, vô phu, vô hình, vô tượng, vô nam, vô nữ* .....法法自生, 法法自滅, 法法相動, 滅法自息..... 法法相亂, 法法自息, 法能生法.....如是一切所有, 皆歸於空: 無我, 無人, 無命, 無士, 無夫, 無形, 無像, 無男, 無女...., Các pháp tự sinh, các pháp tự diệt, các pháp làm động lẫn nhau, các pháp tự nghỉ.... Các pháp làm loạn lẫn nhau, các pháp tự nghỉ, pháp sinh ra pháp .... Như thế là hết thảy cái có, đều về cả cái không : không có ta, không có người, không có mệnh không có người hơn, không có người kém, không có hình, không có tượng, không có trai, không có gái, ...»

Sách *Tây-vực-ký* 西域記 quyển thứ tư, cũng chép lời ông nói rằng : « Thường nghe Phật nói mà biết được cái không của chư pháp, ví-dụ như cái tính của chư pháp là không cả. Thế là lấy tuệ-nhỡn mà xem pháp-thân vậy ».

Về sau Long-thụ Bồ-tát xướng lên cái luận « chư pháp giai không » và lập thành một phái chuyên học về thuyết Bát-nhã, có lẽ bởi Tu-bồ-đề đã khởi ra trước hết.

5.— *A-na-luật* 阿那律 (*Anuruddha*). A-na-luật là con vua Cam-lộ-phạn-vương và em vua Bạch-tĩnh vương. Khi đức Thích-ca về thăm quê ở Ca-bỉ-la, A-na-luật được nghe Phật thuyết-pháp, bèn xin cha mẹ cho theo Phật đi tu, chứng được a-la-hán quả.

Kinh *Lăng nghiêm* 楞嚴 nói rằng : « A-na-luật trông xem cõi Diêm-phù-đề như xem quả « Am-ma-la » để trong bàn tay ». Nghĩa là xem cả một cõi đất mà biết rõ như xem một quả cầm trong tay. Bởi vậy ông có tiếng là bậc thiên nhỡn đệ nhất trong các đệ-tử của Phật.

Ông thường hay thuyết-pháp về « tứ-thiền » và phép « lậu-tận » để khai ngộ (1) cho các đệ-tử khác. Đến khi đức Thích-ca nhập diệt, ông cùng với A-nan-đà hết sức hộ-trì.

6.— *Phú-lâu-na* 富樓那 (*Purna*). Phú-lâu-na người xứ Ba-la-nại đi tu tiên đã đắc-đạo, sau được nghe Phật thuyết-pháp ở vườn Lộc-uyển, liền xin qui-y Phật và chứng được a-la-hán quả, có tài về đường thuyết-pháp, được Phật khen là thuyết-pháp đệ-nhất.

Về hồi cuối đời Phật, Phú-lâu-na đem đạo Phật truyền sang nước Du-lư-na là một nước rất hung-tợn lúc bấy giờ Được ít lâu ông vào cõi Nát-bàn ở nước ấy.

7.— *Ca-chiên-diên* 迦旃延 (*Kotyayana*). Ca-chiên-diên vốn là dòng-dõi bà-la-môn, và là cháu ngoại ông tiên A-tu-đà, là vị tiên đã xem tướng cho đức Thích-ca khi Ngài mới giáng sinh.

Khi Phật về ở nước Ba-la-nại, tiếp-độ và giáo-hóa chúng sinh, Ca-chiên-diên được nghe Phật thuyết-pháp, liền xin qui-y Phật, chẳng bao lâu được a-la-hán quả, nổi tiếng là bậc luận-nghị đệ nhất.

Sách của ông làm ra có bộ *Thi-thiết túc-luận* 施設足論 có một vạn tám nghìn câu tụng, và bộ Ca-chiên diên kinh 迦旃延經 nói về nghĩa thoát ly cả *có* và *không*, để phá trừ cái « ngã-mạn 我慢 », tức là lòng chấp có ngã mà kiêu-mạn vậy.

8.— *Ưu-ba-li* 優波離 (*Upali*). Ưu-ba-li là dòng dõi con nhà giai cấp hèn, làm nghề thợ cạo, thường vào cạo râu cho họ Thích-ca. Khi Phật về Ca-bỉ-la, Ưu-ba-li xin xuất gia qui-y Phật. Lúc ấy có nhiều người đệ-tử bạch Phật rằng : « Ưu-ba-li là dòng dõi hèn-hạ, sao Phật lại cho được ngang hàng với những người qui phái. Phật nói rằng : « Bốn dòng sông lớn chảy vào biển đều thành nước mặn, người bốn họ xuất-gia đều là họ Thích-ca cả ».

---

1) Khai ngộ : Mở trí ra để hiểu biết.

Ưu-ba-li ở trong tăng chúng, giữ giới-luật rất kính-cẩn, được Phật khen là trì luật kiên-cố đệ-nhất. Sau khi Phật diệt-độ rồi, Đại Ca-diếp tôn-giả cử ông kết-tập bộ luật, gọi là Ti-ni 毘尼 (Vinaya), tức là bộ Luật-tạng.

9.— Ra-hầu-la 囉睺羅 (*Rahula*). Ra-hầu-la là con Phật. Khi Phật thành đạo rồi về thăm quê nhà, cho Ra-hầu-la đi làm sa-di (1). Đến năm 20 tuổi, Ra-hầu-la theo Xá-lị-phất thụ giới làm sa-môn. Ở trong tăng chúng thuở ấy, Ra-hầu-la là bậc trẻ tuổi mà chứng được a-la-hán quả và có tiếng là bậc tu « mật hạnh » đệ nhất, nghĩa là làm những việc vi-mật không ai biết được.

10.— A-nan-đà 阿難陀 (*Ananda*). A-nan-đà là em họ đức Thích-ca. Sách chép rằng ông sinh vào ngày đức Thích-ca thành đạo, rồi đến năm 20 tuổi, thì xuất gia theo Phật. Ông thường chầu-chực luôn ở cạnh Phật, cho nên trong các đệ-tử, ông là bậc đa-văn (2) đệ nhất.

Đến khi đức Thích-ca vào cõi Nát-bàn rồi, Đại Ca-diếp tôn-giả chờ cho ông chứng được a-la-hán quả, mới cử ông chủ việc kết-tập bộ Kinh-tạng. Ở đầu các mục kinh đều để câu khai mào là « Như thị ngã văn 如是我聞 : Ta nghe như thế này ». Việc kết-tập ở Vương-xá thành, là ông có công lớn.

Sau ông được Đại Ca-diếp truyền y bát cho làm tổ thứ nhì bên phái Thiền-tôn. Ông giáo-hóa được nhiều người ở vùng sông Hằng-hà, cho nên khi ông nhập diệt, vua hai nước đến tranh lấy thi-hài đem về thờ-phụng. Ấy đủ biết cái đức-vọng của ông thịnh lắm vậy.

---

(1) Sa-di : Chú tiểu.

2) Đa-văn : Nghe nhiều.

II

CHƯ PHẬT

諸 佛

Theo cái lý-thuyết tam thân 三身 của Đại-thặng Phật giáo, thì Phật có ba thân, là pháp-thân, báo-thân và ứng thân. Pháp-thân 法身 là lý-pháp tụ-tập lại mà thành ra thân, tức là lấy pháp-tính làm thân vậy. Pháp-tính không phải là sắc chất mà cũng không phải là tâm-trí, mà khắp đầy cả vũ-trụ, đâu đâu cũng có, không sinh không diệt, lúc nào cũng thường trụ (1), thuần-nhiên là cái diệu lý chân-thực thanh-tĩnh. Vạn pháp phải nương vào đấy mà có và mọi đức phải tu lại ở đấy mà thành.

Báo-thân 報身 là cái phần hơn, phần tốt của phúc-đức trí-tuệ tích-tụ làm thân, mà được cái quả-báo viên-mãn. Báo-thân lúc nào cũng nương vào pháp-thân, không bao giờ gián-đoạn, tức là trí khế-hợp (2) với lý để đối với mình và đối với người mà thụ-dụng, cho nên còn gọi là thụ-dụng-thân 受用身.

Ứng-thân 應身 là tùy loại mà hóa hiện ra sắc-thân để phổ-ứng quần-cơ (3) tu thành chính-giác và thuyết-pháp độ chúng. Vì thế có khi gọi là hóa-thân 化身 hay là biến-hóa-thân 變化身.

Nói tóm lại, pháp-thân là trỏ cái thể sở chứng được; báo-thân và ứng-thân là trỏ cái dụng nhờ ở cái thể ấy mà phát ra. Vậy nên tuy nói là ba thân, nhưng thực là chỉ có một thể. Một thể tức là một Phật.

Một Phật, nghĩa là một cái minh-giác linh-diệu chung khắp cả vũ-trụ. Cái minh-giác linh-diệu ấy lưu chuyển phát-hiện ra các thân khác, tức là thành ra chư Phật. Do cái phúc-

---

1) Thường-trụ : Có luôn luôn.

2) Khế-hợp : Hợp dúng.

3) Phổ-ứng quần-cơ : Ứng khắp cả các cơ của chúng-sinh.

đức trí-tuệ hay do sự biến-hóa phổ-ứng ở đời, thì có nhiều Phật ; mà do cái thuần-lý thì chỉ có một Phật. Một mà hóa ra nhiều, nhiều mà vẫn là một.

Lấy ngay chư Phật nói ở trong các kinh mà xét, thì biết rằng hết thảy chư Phật là đều một pháp-thân cả. Đức A-di-đà là báo-thân của Phật và đức Thích-ca mầu-ni là ứng-thân của Phật ; hay là nói ngược lại : đức Thích-ca mầu-ni đã thành Phật là được cái pháp-thân của Phật,, cái đời Ngài hiện ra ở thế-gian mà thuyết-pháp và giáo-hóa chúng sinh là ứng-thân của Phật ; mà đức A-di-đà ở Tây-phương Cực-lạc, hưởng-thụ yên vui và cứu-độ chúng sinh, là báo-thân của Phật ; hay là nói như cái thuyết của phái Chân-ngôn rằng : đức Đại-nhật Như-lai là pháp-thân của đức Thích-ca mầu-ni, mà đức A-di-đà là báo-thân của đức Thích-ca mầu-ni, và đức Thích-ca mầu-ni là ứng-thân của đức Đại-nhật Như-lai.

Vậy xét về pháp-thân thì chư Phật là đồng một thể, tức là có một mà thôi ; mà xét về báo-thân thì có A-di-đà Phật và các Phật khác ; và xét về ứng-thân thì có Thích-ca mầu-ni Phật cùng chư Phật khác đã giáng thế mà tu thành chính-giác. Ví như trong không-gian chỉ có một mặt trăng là pháp-thân, cái ánh-sáng của mặt trăng chiếu ra khắp thiên-hạ là báo-thân, và những bóng mặt-trăng hiện ra ở dưới nước là ứng-thân.

Bởi có cái lý-thuyết tam-thân ấy, cho nên đạo Phật nhận có nhiều Phật ở đời quá-khứ, đời hiện-tại và đời vị-lai. Hiện các kinh bên phái Đại-thặng nói trong một trụ-kiếp có một nghìn vị Phật giáng thế, để thuyết-pháp mà cứu-độ chúng sinh. Kiếp là tiếng gọi tắt chữ kiếp-ba 劫波, dịch theo âm chữ phạm *kalpa*. Kiếp có ba thứ là tiểu-kiếp, trung-kiếp và đại-kiếp. Hai-mươi tiểu-kiếp là một trung-kiếp, bốn trung-kiếp là một đại-kiếp (1). Trong cái số chư Phật đã sinh ra ở thế-gian mà tu thành chính-quả, thì các kinh chép rõ danh-hiệu của bảy vị. Ba vị trên thuộc về cuối Trang-nghiêm-kiếp 莊嚴劫 là một tiểu-kiếp quá-khứ trong trụ-kiếp này, và bốn vị dưới

---

1) Xem ở mục thứ IV.

thuộc về Hiền-kiếp 賢劫 là tiểu-kiếp hiện-tại.

Bảy vị Phật ấy là :

1. — Tỉ-bà thi Phật 毘婆尸佛 (Vipaçyin Bouddha).
2. — Thi-khi Phật 尸棄佛 (Çikhin Bouddha).
3. — Tỉ-xá-phù Phật 毘舍浮佛 (Viçvabhù Bouddha).
4. — Câu-lưu tôn Phật 拘留孫佛 Krakutchhanda Bouddha)
5. — Câu-na-hàm mâu ni phật 拘那含牟尼佛 (Kanaka muni Bouddha).
6. — Ca-diếp Phật 迦葉佛 (Kaçyapa Bouddha).
7. — Thích-ca mâu-ni Phật 釋迦牟尼佛 (Çakya muni Bouddha).

Còn vị Phật thứ tám sẽ là đức Di-lặc 彌勒 tức là vị Phật tương-lai.

Ở Ni-ba-na (Nepal) và ở Tây-tạng cũng lấy cái lý-thuyết tam-thân của Phật mà xướng lên một thuyết nói rằng từ đời vô-thủy vẫn có vị Bản-sơ Giác-giả 本初覺者 hay là Bản-sơ Bản-Phật 本初本佛, gọi theo tiếng phạm là A-đề Phật 阿提佛 (Adi-Bouddha).

A-đề Phật tức là chí-thiện pháp-thân, thường gọi là Tối-thắng Phật 最勝佛 hay là Tối-thượng-thắng Phật 最上勝佛 thống lĩnh hết thảy chư Thiền-na Phật (Dhyani Bouddhas) và chư Thiền-na Bồ-tát (Dhyani-Bodhisattvas), vì lẽ rằng Phật và Bồ-tát đều do A-đề Phật mà phát-hiện ra.

Phái-cổ-giáo ở Tây-tạng rất sùng-bái đức A-đề Phật, hiệu là Pháp-thân Phổ-hiền 法身普賢 (Dharmakya Samantabhadra; phái tân-giáo thì thờ đức Kim-cương-trì 金剛持, tức là đức Bạt-chiết-ra-đá-la 跋折囉陀羅 (Vajrabhara) và đức Kim-cương hữu-tình, 金剛有情 tức là Bạt-chiết-ra tát-đóa 跋折囉薩埵 (Vajrasattva) Hai vị này là biểu-hiệu cái thể (1) và cái dụng (2) của A-đề Phật, tuy là hai, nhưng cùng đồng một thể, cho nên tượng hai vị ấy tạc giống nhau,

---

1) Thể : Phần nhất-định không biến đổi

2) Dụng : Sự ứng dụng ở việc hành-vi

hình dáng như vị Bồ-tát ngồi trên tòa sen, mà đều gọi cả là A-đề Phật.

A-đề Phật do năm cái trí của mình mà hóa ra năm vị Thiền-na Phật (Dhyani-Bouddhas), là :

1·— Đại-nhật Như-lai 大日如來 hay là Tỷ-lô già-na Phật 毘盧遮那佛 (Vairocana) ở trung-ương, tức là Thường-trụ tam-thế diệu-pháp-thân 常住三世妙法身.

2·— Bất-động Như-lai 不動如來 hay là A-xúc Phật 阿閦佛 (Aksobhya), ở đông phương, tức là Kim-cương kiên cố tự-tính-thân 金剛堅固自性身.

3·— Bảo-sinh Phật 寶生佛 (Ratnasambhava), ở nam phương, tức là Phúc đức trang-nghiêm thánh-thân 福德莊嚴聖身.

4·— Vô-lượng-thọ Phật 無量壽佛 (Amitiyus), ở tây phương, tức là Thụ-dụng trí-tuệ-thân 受用智慧身.

5·— Bất-không-thành-tựu Phật 不空成就佛 (Amoghasidhi) ở bắc phương, tức là Tác-biến-hóa-thân 作變化身.

Năm vị Thiền-na Phật này do tự tính luân thân 自性輪身 (1) của mình mà hóa ra năm vị Thiều-na Bồ-tát (Dhyani Bodhisattavas), là :

1·— Phổ-hiền Bồ-tát 普賢菩薩 (Samantabhadra Bodhisattva).

2·— Kim-cương-thủ Bồ-tát 金剛手菩薩 (Vajrapâni Bodhisattva).

3·— Bảo-thủ Bồ-tát 寶手菩薩 (Ratnapâni Bodhisattva).

4·— Quan-thế-âm Bồ-tát 觀世音菩薩 (Avalokitésvara Bodhisavattva)

5·— Văn-thù Bồ-tát 文殊菩薩 (Manjuçri Bodhisavattva)

Các thuyết trong Đại-thặng Phật-giáo tuy có nhiều chỗ khác nhau, nhưng không bao giờ ra ngoài cái thuyết tam-thân

---

1) Tự tính luân thân : Tự cái tính bản-nhiên mà luân chuyển hóa ra thân khác

của Phật. Hiện nay ở những nước theo Đại-thặng Phật-giáo như Trung-quốc, Nhật-bản, Cao-ly và Việt-nam, thì có phái Mật-giáo Chân-ngôn chuyên thờ đức Đại-nhật Như-lai và phái Tĩnh-thổ chuyên thờ đức A-di-đà Phật.

Ở nước Việt-nam ta chỉ có phái Tĩnh-thổ là thịnh-hành. Về đường giáo-lý, thì phái này thờ đức Thích-ca mầu-ni Phật làm giáo-chủ, mà về đường tín-ngưỡng thì thờ đức A-di-đà Phật làm Đạo-sư. Vậy sau này nói qua sự-tích và công-đức hai vị Phật đã phát đại nguyện để cứu-độ chúng sinh, như đức A-di-đà Phật và đức Dược-sư Lưu-ly-quang Phật, là hai vị Phật thường ở các chùa, người ta hay tụng niệm đến luôn.

A-DI-ĐÀ PHẬT

阿彌陀佛

Theo lý-thuyết của đạo Phật, thì thế-gian ta ở đây là Sa-ba thế-giới 娑婆世界 (Sahaloka), tức là một thế-giới ô-trọc (1) có nhiều sự khổ-não. Ở ngoài thế-giới ô-trọc này có một thế-giới rất thanh-tĩnh (2) gọi là Cực-lạc thế-giới 極樂世界 (Sukhâvati). Người ở thế-giới này lúc nào cũng được yên vui, không có chút gì là phiền-não. Vậy Sa-bà thế-giới là uế-thổ (3) mà Cực-lạc thế-giới là tĩnh-thổ (4).

Ở kinh *Phật-thuyết A-di-đà* 佛說阿彌陀經 đức Thích-ca mầu-ni Phật thuyết-pháp về cõi Cực-lạc và đức A-di-đà, đại khái nói rằng: «Từ cõi trần này sang phương tây qua bao nhiêu cõi đất khác, đến một cõi thế-giới gọi là Cực-lạc thế-giới. Ở đấy có đức Phật A-di-đà hiện đang thuyết-pháp để giáo-hóa chúng sinh, mà chúng sinh ở trong cõi

---

1) Ô-trọc : Dơ đục.
2) Thanh-tĩnh : Trong sạch
3) Uế-thổ : Đất bẩn.
4) Tĩnh-thổ : Đất sạch.

Tượng đức A-di-đà Phật

ấy không có mọi sự khổ và chỉ hưởng mọi sự vui sướng, cho nên gọi là Cực-lạc ».

A-di-đà Phật là dịch theo tiếng phạm Amitiyus Bouddha tức là Vô-lượng-thọ Phật 無量壽佛 hay là Amitabha Bouddha tức là Vô-lượng-quang Phật 無量光佛.

Kinh *Bi-hoa* 悲花 nói về nhân quả của đức Phật A-di-đà, chép rằng : « Từ A-tăng-kỳ kiếp thuở xưa, tức là vô-số kiếp về trước, có một thế-giới gọi là cõi San-đề-lam 刪提嵐, ở đấy có một ông vua hiệu là Vô-tránh-niệm 無諍念 sinh được một nghìn người con. Thuở ấy có đức Phật ra đời hiệu là Bảo-tạng Như-lai 寶藏如來. Vua cùng các hoàng-tử đều qui-y Phật và hết lòng tín-ngưỡng đạo-pháp. Một hôm đức Bảo-tạng Như-lai nhập chính-định, phóng hào-quang rất lớn, chiếu rõ mười phương thế-giới cho vua xem. Trong mười phương thế-giới ấy có chỗ thấy đầy cả năm thứ ô-trọc, có chỗ thấy rất là trong sạch nhiệm-mầu. Vua thấy thế, mới bạch đức Bảo-tạng Như-lai rằng : « Vì duyên-nghiệp gì mà các bậc Bồ-tát, có bậc thì chứng được chỗ thế-giới thanh-tĩnh, có bậc thì lại chứng phải chỗ thế-giới bất tĩnh như thế kia ? » — Bảo-tạng Như-lai nói rằng : « Đó là do nguyện lực của các Bồ-tát, người thì nguyện ở cõi thanh-tĩnh, lìa bỏ hết mọi sự xấu-xa của ngũ trọc, người thì nguyện ở lại trong đời ngũ trọc. Ai nguyện thế nào thì được như thế ». — Vua bèn phát nguyện bốn-mươi-tám điều, để Phật thụ ký (1) cho. Phật bảo cho vua biết rằng : Sau vua sẽ thành Phật hiệu là Vô-lượng-thọ Như-lai ở Cực-lạc thế-giới.

Người con hứ nhất của vua Vô-tránh-niệm là Bất-tuẫn 不腆 và người con thứ hai là Ni-ma 尼摩 cũng phát nguyện sinh sang cõi Cực-lạc. Phật bảo Bất-tuẫn sẽ là Quan-thế-âm Bồ-tát và Ni-ma sẽ là Đại-thế-chí Bồ-tát. Hai người sẽ chầu chực đức Phật A-di-đà ở cõi Cực-lạc để tiếp dẫn chúng sinh về chỗ yên vui ».

---

1) Thụ-ký : Trao ghi, nghĩa là ghi nhận cho vào đạo quả.

Kinh *Đại Di-đà* 大彌陀 nói rằng : Đức A-di-đà lúc tối sơ [illegible] Pháp-tạng tỉ-khâu 法藏比丘. Thuở ấy Tỉ-khâu đến [illegible] Thế-tự-tại-vương Phật 世自在王佛 (Lokisvara Bandhan) mà bạch rằng : « Tôi phát cái lòng vô-thượng bồ-đề, nguyện khi được thành Phật thì có cái tướng quang minh, ở cõi đất tốt đẹp khác thường, như thế có được không ? ». Phật biết cái tri-thức của Tỉ-khâu cao-minh, tâm nguyện quảng-đại, bèn đem hai nghìn một trăm cõi Phật có đủ các tướng hay dở đẹp xấu cho tùy tâm nguyện của Tỉ-khâu mà hiện lộ ra. Tỉ khâu thu cái tâm của mình lại làm một, được ngay phép thiên-nhỡn (1), không có chỗ nào là trông không rõ, rồi bạch Phật rằng : « Tôi đã thu lấy được hết cả các cõi đất của Phật đã cho xem. Còn cái hạnh thanh-tĩnh để làm cho quốc-thổ trang nghiêm, thì xin bày tỏ ra để Phật nghe mà xét cho ». Nói đoạn Pháp-tạng tỉ-khâu phát ra 48 lời đại nguyện như sau này :

1.— Nguyện trong cõi tôi không có địa-ngục, ngã-quỉ, súc-sinh và các giống ruồi muỗi sâu bọ. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

2.— Nguyện trong cõi tôi không có hình tướng con trai con gái, và các loài chúng sinh ở cõi trời, cõi người sinh sang nước tôi đều do hoa-sen ở hồ thất-bảo mà hóa sinh ra. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

3.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi, ai muốn ăn, thì ở trong cái bát thất-bảo hiện ra các thứ ăn ; ăn xong bao nhiêu đồ khi-dụng tự-nhiên hóa đi. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

4.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi, ai muốn mặc áo quần gì, thì cứ tưởng đến là có, không phải may áo nhuộm giặt gì cả. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

5.— Nguyện ở trong cõi đất tôi, từ mặt đất lên đến trên không, chỗ nào cũng có cung-điện lâu đài, hồ ao, cây cối,

---

1) Thiên-nhỡn : Mắt của bậc trời, trông rõ hết thảy mọi vật ở trong thế-gian.

hoa quả, mùi thơm ngào ngạt khắp mọi nơi, ai ai cũng tu Phật hạnh. Không được như lời ấy, không làm Phật.

6.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều có lòng yêu kính nhau, không ghen ghét nhau. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

8,— Nguyện người ở trong cõi đất tôi hết thảy không có lòng dâm-dật sân-nộ (1), ngu-si. Không được như lời nguyện ấy không làm Phật.

8.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi ai cũng có thiện tâm, không làm mê-hoạc cái tưởng-niệm của kẻ khác, ai muốn nói điều gì là người ta hiểu ý ngay. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

9.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều không nghe thấy cái tiếng gì là bất thiện. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

10.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi biết thân mình là ảo-vọng, không có lòng tham-trược (2). Không được như lời ấy, không làm Phật.

11.— Nguyện ở trong cõi đất tôi người ở cõi trời và cõi người tuy có khác nhau, nhưng hình-dung đều là một màu kim sắc, mắt mặt đoan-chính tươi-đẹp, không có gì là xấu-xa. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

12.— Nguyện người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ ở thập phương trong vô-số thế giới đều được hóa làm người, đều làm duyên-giác, thanh-văn, đều chuyên-nhất cái tâm mà tọa thiền, và đều được sống lâu thiên ức vạn kiếp. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

13.— Nguyện người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ trong nghìn ức thế-giới ở mười phương đều được làm người, làm duyên-giác, thanh văn, đều chuyen-nhất

---

1) Sân nộ : Nóng giận.

2) Tham-trược : Tham lam dám-viu.

cái tâm mà tọa-thiền, và số người ấy có đến mấy nghìn vạn Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

14.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi, ai cũng có thọ-mệnh đến vô-số kiếp. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

15.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi, được vui sướng như bậc tỉ-khâu đã tu đến chỗ không sinh tử nữa. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

16.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi, ở ngôi chính tín, lìa bỏ các cái tư-tưởng điên đảo, chư-căn (1) đều tĩnh-tịch, hết thảy ai cũng đến nát-bàn. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

17.— Nguyện tôi thuyết kinh, hành đạo, hơn gấp mười chư Phật. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

18.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều biết rõ cái túc-mệnh (2) của mình và biết rõ những việc ở trăm nghìn vạn ức kiếp khác. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

19.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều được phép « thiên-nhãn », trông thấy rõ trăm nghìn vạn ức thế-giới. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

20.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều được phép « thiên-nhĩ », nghe thấy trăm nghìn vạn ức chư Phật thuyết-pháp và đều thụ-trì (3) được hết cả. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

21.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều được phép « tha-tâm-trí (4) » hiểu biết tâm-niệm của chúng sinh ở trăm nghìn vạn ức thế-giới. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

---

1) Chư căn : Nói gồm cả lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.
2) Túc-mệnh : Việc sống ở kiếp trước.
3) Thụ-trì : Theo giữ.
4) Tha-tâm-trí : Biết tâm-trí của kẻ khác.

22.— Nguyện người ở trong cõi đất tôi đều được phép « thần-túc » (1) chỉ trong khoản một niệm, có thể vượt qua trăm nghìn vạn ức thế-giới. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

23.— Nguyện cái danh-hiệu của tôi, ở thập phương thế-giới đâu đâu cũng biết ; hết thảy đại chúng khen ngợi cái phần hơn phần đẹp của công-đức tôi và của quốc-thổ tôi ; người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ, khi đã nghe cái danh-hiệu của tôi, hễ ai có lòng từ-thiện vui-mừng, thì cho sang sinh ở nước tôi. Không được như lời ấy, không làm Phật.

24.— Nguyện cái quang-minh ở trán tôi chiếu sáng hơn gấp trăm nghìn vạn ức cái sáng của mặt trăng. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

25.— Nguyện cái quang-minh của tôi chiếu sáng khắp cả các chỗ tối-tăm trong vô-số thiên-hạ, người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ, thấy cái quang-minh của tôi, đều có từ-tâm làm điều thiện và được sinh ra ở nước tôi. Không được như lời nguyện ấy, không làm phật.

26.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ ở trong thập phương vô-số thế-giới, nhờ được cái quang-minh của tôi xúc-động đến thân, thành ra tâm thân từ-hòa hơn mọi người khác. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

27.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người ở trong thập phương vô-số thế-giới đều phát bồ-đề tâm, phụng trì trai-giới, tu sáu phép ba-la-mật (2), làm mọi điều công-đức, hết lòng phát nguyện, muốn sinh ra ở nước tôi ; khi ai sắp chết, tôi cùng chúng thánh hiện ra trước người ấy, đem về sinh ra ở nước tôi ; làm một vị bồ-tát bất-thoái-chuyển (3). Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

---

1) Thần-túc : Chân thần, phép đi đâu cũng được.
2) Ba-la-mật : Phép tu lục-độ.
3) Bất-thoái-chuyển : Không lui chuyển,

28.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người trong thập phương vô-số thế-giới, hễ nghe danh-hiệu của tôi, thì đốt hương tung hoa, thắp đèn, treo tranh, cho các sa-môn ăn uống, xây tháp lập chùa, trai-giới thanh-tĩnh, làm mọi điều từ-thiện, nhất tâm niệm đến tôi ; làm được như thế, thì chỉ trong một ngày một đêm là được sinh ra ở nước tôi. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

29.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người trong thập phương vô-số thế-giới rất lòng tin vui, muốn sinh sang nước tôi, chỉ niệm đến tôi mười tiếng là được, trừ những người phạm vào tội ngũ-nghịch (1) và phỉ-báng, thì không được. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

30.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người cùng các loài ruồi muỗi sâu bọ trong thập phương vô-số thế-giới, lúc trước làm mọi điều ác nhưng nghe danh-hiệu tôi, thì sám-hối làm điều thiện, phụng-trì kinh-giới, nguyện được sinh ra ở nước tôi, rồi đến khi chết không phải vào ác-đạo (2) và hết thảy mọi điều sở-dục đều được như ý. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

31.— Nguyện những người ở cõi trời và cõi người trong thập phương vô-số thế-giới. nghe danh-hiệu tôi, thì cúi đầu làm lễ mừng-rỡ tin vui, tu bồ-tát hạnh. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

32.— Nguyện những người đàn-bà trong thập phương vô-số thế-giới, nghe danh-hiệu tôi, thì mừng-rỡ vui-vẻ, phát bồ-đề tâm. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

33.— Nguyện phàm những người sinh ra ở nước tôi là vào ở chỗ Phật, chỉ trừ ai muốn đi đến phương khác để giáo-hóa chúng sinh, tu bồ-tát hạnh, và cúng-dàng chư Phật, thì được sinh ra ở phương ấy ; tôi sẽ lấy cái sức thần-uy để giáo-hóa

---

1) Ngũ nghịch : Năm tội nghịch là : giết cha, giết mẹ, giết a-la-hán, phá sự hòa-hợp của tăng-nhân, làm cho máu ở trong thân Phật chảy ra.

2) Ác-đạo : Ngã-quỉ-đạo, súc-sinh đạo và địa-ngục đạo

hết thảy chúng sinh, ai nấy đều phát lòng tin, tu hết mọi điều lành. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

34. — Nguyện người nào đã sinh ra ở cõi đất tôi, mà muốn sinh ra phương khác, thì được như cái sở-nguyện của mình, không phải sa vào ác-đạo nữa. Không được như lời nguyện ấy, không làm phật.

35. — Nguyện các vị bồ-tát ở cõi đất tôi, có đủ hương-hoa và các thứ châu-báu, khi nào muốn đi đến các thế-giới để cúng-dàng chư Phật, thì chỉ trong khoảng một lát là đi đến khắp cả mọi nơi. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

36. — Nguyện các vị bồ-tát ở cõi đất tôi, muốn đi lấy những vật trong muôn giống để cúng-dàng thập phương chư Phật, thì có ngay lập-tức để cúng-dàng khắp hết thảy, xong rồi trong ngày ấy lại trở về cõi tôi. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

37. — Nguyện các vị bồ-tát ở cõi đất tôi thụ-trì kinh pháp, ngâm đọc và tuyên-thuyết (1), thì có đủ tài biện-luận và trí-tuệ. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

38. — Nguyện các vị bồ-tát ở trong cõi đất tôi, có thể diễn-thuyết được hết thảy các phép, mà trí-tuệ và tài biện-luận thì không có hạn lượng. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

39. — Nguyện các vị bồ-tát ở cõi đất tôi đều có sức kim-cương na-la-diên, thân-thể như sắc hoàng-kim, có đủ các tướng đẹp và thuyết kinh thành đạo, không khác gì Phật. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

40. — Nguyện cõi đất thanh-tĩnh của tôi, chiếu rõ thập phương vô-lượng thế-giới, các vị bồ-tát muốn ở dưới cây bảo-thụ trông thấy hết thảy cõi đất nghiêm-tĩnh (2) của Phật trong

---

1) Tuyên-thuyết : Nói rõ cho mọi người biết.

2) Nghiêm-tĩnh : Nghiêm trang trong-sạch.

thập phương, thì những cõi đất ấy tức-thì hiện ra như cái gương sáng, trông rõ mặt mũi hình tướng. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

41.— Nguyện các vị bồ-tát ở cõi đất tôi, tuy ai có ít công-đức nhưng cũng có thể trông thấy cái cây ở đạo-trường của tôi, cao bốn ngàn do-tuần (1). Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

42.— Nguyện ở trong cõi đất tôi, các hạng người ở cõi trời và cõi người cùng hết thảy vạn vật, đều nghiêm-tĩnh quang-lệ (2), hình sắc khác thường, cùng vi cực diệu (3), không ai xét lường được ; chúng sinh dầu có phép thiên-nhỡn cũng không biết rõ danh số được. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

43.— Nguyện những người ở trong cõi đất tôi cứ tùy cái chí-nguyện của mình muốn nghe chính-pháp, thì tự-nhiên được nghe ngay. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

44.— Nguyện các vị bồ-tát và thanh-văn ở trong cõi đất tôi, đều có trí-tuệ uy-thần, ở trán có quang-minh, tiếng nói hồng-sướng (4), thuyết kinh hành đạo, không khác gì Phật. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

45.— Nguyện chư bồ-tát ở thế-giới phương khác nghe danh-hiệu của tôi, thì qui-y tinh-tiến và được phép tam-muội thanh-tĩnh (5) giải-thoát. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

46.— Nguyện chư bồ-tát ở thế-giới khác nghe danh-hiệu của tôi, thì qui-y tinh-tiến và được phép tam-muội phổ-đẳng (6), đến khi thành Phật thường trông thấy hết thảy chư Phật. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

---

1) Do-tuần : Số đo của người Ấn-độ.
2) Nghiêm-tĩnh quang-lệ : Nghiêm-trang trong-sạch sáng-sủa đẹp-đẽ.
3) Cùng vi cực diệu : Nhỏ vô cùng và rất linh-diệu.
4) Tiếng nói hồng-sướng : Tiếng nói rõ-ràng.
5) Tam-muội thanh-tĩnh : Phép tam-muội trong sạch.
6) Tam-muội phổ-đẳng : Phép tam-muội biết khắp hết thảy.

47.— Nguyện chư bồ-tát ở các thế-giới khác, nghe danh-hiệu của tôi, thì quy-y tinh-tiến và tức-thì đến chỗ bất-thoái-chuyển-địa (1). Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

48.— Nguyện chư bồ-tát ở các thế-giới khác, nghe danh-hiệu của tôi, thì quy-y tinh-tiến và tức-thì được phép đệ-nhất nhẫn-đệ-nhị nhẫn, đệ-tam nhẫn (2) và đối với Phật pháp không hề bao giờ thoái-chuyển. Không được như lời nguyện ấy, không làm Phật.

. . .

Pháp-tạng Tỉ-khâu phát ra 48 lời nguyện ấy, gây thành cái duyên tốt cho mình, đức Tự-tại-vương Phật thụ ký hết cả bây-nhiêu điều. Sau quả-nhiên Tỉ-khâu thành chính-quả ở cõi Cực-lạc, tức là đức A-di-đà Phật, có phép mầu đúng như lời nguyện.

Hiện nay ở cõi Tây-phương Cực-lạc, đức A-di-đà Phật cùng hai vị đại Bồ-tát là Quan-thế-âm và Đại-Thế-chí chú việc tế-độ và tiếp-dẫn chúng sinh ở trong thập phương. Hễ bất kỳ ở đâu có người phát tâm làm điều từ-thiện và hết lòng cầu-nguyện được hóa sinh ở cõi Cực-lạc, thì Phật độ cho hết cả. Bởi vậy ở các chùa đâu đâu cũng có tượng thờ đức A-di-đà và hai vị Đại Bồ-tát : Quan-thế-âm và Đại Thế-chí, gọi là Di-đà tam, tôn 彌陀三尊.

DƯỢC-SƯ LƯU-LY-QUANG PHẬT

藥師琉璃光佛

Ở các chùa ít khi có tượng thờ đức Dược-sư Lưu-ly-quang Phật (Bhaisajyaguru), nhưng thường hay tụng kinh *Dược-sư Lưu-ly-quang Như-lai bản-nguyện* 藥師琉璃光如來本願經. Kinh ấy chép rằng: Văn-thù Bồ-tát bạch đức Thích-ca mâu-ni Phật rằng : « Xin Phật diễn-thuyết danh-hiệu và những lời đại-nguyện của chư Phật cho các đệ-tử nghe ».

---

1) Bất-thoái chuyển-địa : Chỗ không lùi lại.

2) Ba Phép nhẫn của bậc đắc đạo.

Phật nói rằng: « Ở phương đông, cách cõi đất này gấp mười lần cát ở sông Hằng có một thế-giới, gọi là Tĩnh-lưu-ly 淨琉璃. Ở cõi thế-giới ấy có đức Phật, hiệu là Dược-sư Lưu-ly-quang Như-lai. Khi Ngài còn ở ngôi Bồ-tát, có phát mười-hai lời đại nguyện như sau này:

1.— Nguyện khi được chính-giác thì thân ta quang-minh rực-rỡ, chiếu khắp vô-lượng vô-số thế-giới và có đủ 32 tướng lạ, 80 thứ vẻ đẹp; thân ta đã vậy, lại làm cho hết thảy chúng sinh cũng giống như ta.

2.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, thân ta như ngọc lưu-ly, trong-sạch sáng-tỏ hơn mặt trời, mặt trăng; nếu chúng sinh có ai hôn-ám, sẽ nhờ cái sáng của ta mà tùy ý làm mọi sự-nghiệp.

3.— Nguyện khi ta được chứng chính-quả bồ-đề, thì đem cái tri-tuệ phương-tiện vô-biên vô-hạn mà giúp cho chúng sinh được thụ-dụng không bao giờ hết.

4.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, chúng sinh có ai theo đạo khác, đều hết thảy an lập trong đạo bồ-đề.

5.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, hết thảy chúng sinh đều tu đạo trong-sạch, không ai phá giới mà làm điều ác.

6.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, chúng sinh có ai thân hình bất cụ, hoặc bị các bệnh tật xấu-xa khổ-sở, thì đều được đầy đủ ngay-lành đẹp-tốt.

7.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, chúng sinh có ai lo-sợ, đau-yếu, nghèo-đói, cô-đơn, hễ nghe danh-hiệu của ta, thì được no đủ yên lành.

8.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, những người có nữ-thân đều được chứng chính-pháp.

9.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, hết thảy chúng sinh giải-thoát ra ngoài lưới ma, mà tu bồ-tát hạnh.

10.— Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, chúng sinh có ai bị hình-phạt, phải tù-tội, hoặc bị tàn-hại gì, thì nhờ phúc-lực của ta mà được giải-thoát hết cả.

11. — Nguyện khi ta được chứng đạo bồ đề, chúng sinh có ai đói-khát mà làm những điều ác-nghiệp, thì ta làm cho được no-ấm và biết mùi đạo vị.

12. — Nguyện khi ta được chứng đạo bồ-đề, chúng sinh có ai rét-mướt, thì ta làm cho ấm-áp, có đủ áo quần được như ý muốn.

Bởi có những lời đại-nguyện ấy, cho nên những khi người ta làm chay làm đàn xong, hoặc khi ai có bệnh-tật, thường hay tụng kinh Dược-sư để cầu tiêu-giải các tai-nạn.

III

CHƯ BỒ-TÁT

諸菩薩

Bồ-tát 菩薩 là do tiếng phạm bồ-đề tát-đóa 菩提薩埵 (bodhisattva) gọi tắt mà thành ra, tức là danh-hiệu của những người tu-hành đạo Phật đã thành-tựu (1), có thể giác-ngộ được hết thảy các loài hữu-tình chúng sinh, nhưng còn kém Phật một bậc, cho nên còn phải tu một kiếp nữa mới thành Phật. Người Tàu từ đời nhà Tống trở đi, thường hay gọi các vị Đại Bồ-tát là Đại-sĩ 大士.

Các Đại Bồ-tát đối với trên thì cầu được đạo Phật, mà đối với dưới thì cầu giáo-hóa chúng sinh; bao giờ cũng nặng về tình mà thương muôn vật, cho nên cứ tùy từng loại mà hiện thân ra để cứu-độ chúng sinh. Cái tâm của Bồ-tát là đại-từ và đại-bi. Đại-từ là yêu-mến và tưởng-nhớ đến chúng sinh, hễ ai sở cầu điều gì yên-vui, thì tùy lòng nguyện của người ấy mà nhiêu-ích cho được cái sở cầu; đại-bi là thương-xót hết thảy chúng sinh phải chịu mọi điều khổ-não, ra sức chửng cứu phổ-độ (2). Cái lòng của Bồ-tát quảng-đại như thế, cho nên mới phát tâm tế-độ chúng sinh, khiến cho các loài ở trong tứ-sinh (3) và tam-giới (4) khắp hết đều được giải-thoát.

Chư Bồ-tát, khi mới phát tâm, ai nấy đều phát bốn điều thề lớn sau này, gọi là tứ-hoằng-thệ 四弘誓:

1·— Chúng sinh vô-biên, thệ nguyện độ 衆生無邊, 誓願度. Thề xin độ hết chúng sinh vô-biên. Ấy là lấy Khổ đế làm duyên mà phát thệ.

---

1) Thành-tựu : Thành công, kết quả.
2) Chửng-cứu phổ-độ : Cứu vớt và độ khắp cả chúng sinh.
3) Tứ sinh : Bốn cách sinh là : ở trứng sinh ra, ở thai sinh ra, ở nước sinh ra, hóa mà sinh ra
4) Tam-giới : Ba cõi dục-giới, sắc-giới, và vô-sắc-giới.

2.— Phiền-não vô-số, thệ nguyện đoạn 煩惱無數，誓願斷. Thề xin dứt hết phiền-não vô-số. Ấy là lấy Tập-đế làm duyên mà phát thệ.

3.— Pháp-môn vô-tận, thệ nguyện học 法門無盡誓願學. Thề xin học hết pháp-môn vô-tận. Ấy là lấy Đạo-đế làm duyên mà phát thệ.

4.— Phật đạo vô-thượng, thệ nguyện thành 佛道無上，誓願成. Thề xin thành đạo Phật vô-thượng. Ấy là lấy Diệt-đế làm duyên mà phát thệ.

* * *

Đối với tâm thân mình, chư Bồ-tát phát bốn điều nguyện lớn sau này :

1.— Tâm như đại địa 心如大地 : Nguyện cái tâm mình như đất lớn, để nuôi lớn chúng sinh cho được thành chính-quả.

2.— Tâm như kiều thuyền 心如橋船 : Nguyện cái tâm mình như cái cầu, cái thuyền, để đưa chúng sinh sang bến bên kia.

3.— Tâm như đại hải 心如大海 : Nguyện cái tâm mình như bể lớn, để nuôi chứa chúng sinh trong chỗ chân nguyên (1).

4.— Thân như hư không 身如虛空 : Nguyện cái thân mình như hư không bao-hàm hết thảy vạn vật, cùng với chúng sinh bình-đẳng vô nhị.

* * *

Đối với chúng sinh, chư Bồ-tát phát bốn điều thệ nguyện lớn sau này :

1.— Vị độ giả, linh độ 未度者，令度 : Ai chưa độ, thì khiến được độ.

2.— Vị giải giả, linh giải 未解者，令解 : Ai chưa hiểu, thì khiến được hiểu.

3.— Vị an giả, linh an 未安者，令安 : Ai chưa được an, thì khiến được an.

---

1) Mối đầu chân-thực phát-sinh ra vạn vật.

4.— Vị nát-bàn giả, linh nát-bàn 未證槃者，令證槃：
Ai chưa được nát-bàn, thì khiến được nát-bàn.

* * *

Đối với phép tu-hành của chư Bồ-tát, thì có mười phép phương-tiện sau này :

1.— Người tu bồ-tát hạnh, thì lòng không keo-lận, bao giờ cũng sẵn lòng hỉ-xả thân mệnh và của mình, chỉ muốn lợi ích cho chúng sinh mà không cầu báo lại. Thế gọi là bố-thi phương-tiện.

2.— Người tu bồ-tát hạnh, thì kiên giữ các điều cấm-giới, mình có đủ uy-nghi, không khinh-dể kẻ khác và đối với các trần-cảnh (1) lòng không nhiễm-trược (2). Thế gọi là trì-giới phương-tiện.

3.— Người tu bồ-tát hạnh, thì xa lìa những sự điên-đảo sân-khuể và không có cái tưởng bỉ với ngã, đối với chúng sinh giả sử có kẻ ngang-tàng xâm-phạm đến mình, cũng chịu nhịn, tâm không động. Thế gọi là nhận-nhục phương-tiện.

4.— Người tu bồ-tát hạnh, đối với mọi việc trong sạch, phải chịu khó nhọc, dũng-mãnh không lười ; học được phép gì thì tưởng nhớ suy nghĩ luôn, không để quên-nhãng. Thế gọi là tinh-tiến phương-tiện.

5.— Người tu bồ-tát hạnh, xa bỏ hết thảy ngũ-dục (sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị-dục, xúc-dục) và mọi điều phiền-não mà đối với mọi phép thiền-định giải-thoát, thì có nhuệ ý tu tập, cầu chứng được Phật quả. Thế gọi là thiền-định phương-tiện.

6.— Người tu bồ-tát hạnh xa lìa những điều ngu-si phiền-não, nuôi cho lớn thêm hết thảy các công-đức, mừng-rỡ yên-vui, lòng không chán-nản, khai-phát cái tuệ-giải, thành-tựu đạo bồ-đề. Thế gọi là trí-tuệ phương-tiện.

7.— Người tu bồ-tát hạnh, vận cái tâm bình-đẳng đại-từ làm lợi-lạc cho hết thảy chúng sinh, tuy trải bao nhiêu kiếp ởtrần-gian mà không mỏi-chán. Thế gọi là đại-từ phương-tiện.

---

1) Trần-cảnh : Cảnh ở trần-gian.

2) Nhiễm-trược : Thấm nhuộm bám bíu.

8.— Người tu bồ-tát hạnh, tuy hiểu rõ chư pháp là vốn không có tự tính, nhưng vẫn lấy cái tâm bình-đẳng đại-bi thay cho hết thảy chúng sinh mà chịu mọi điều khổ-não, dẫu trải bao nhiêu kiếp ở trần-gian cũng không mỏi chán. Thế gọi là đại-bi phương-tiện.

9.— Người tu bồ-tát hạnh lấy cái vô-ngại trí-tuệ mà mở bảo cho hết thảy chúng sinh, khiến cho liễu-ngộ (1) cái giác-tính bản hữu, không có điều gì nghi-hoặc nữa. Thế gọi là giác-ngộ phương-tiện.

10.— Người tu bồ-tát hạnh, chuyển cái pháp-luân vô-thượng, hóa-đạo hết thảy chúng sinh khiến theo sự dạy mà sửa cái học, làm cho thêm lớn cái bồ-đề hạnh ở ngôi bất-thoái. Thế gọi là chuyển bất-thoái pháp-luân phương-tiện.

* *

Đại khái cái thực-đức của chư Bồ-tát là mở rộng lòng từ-bi, khéo dùng các phương-tiện ở trong tam-giới, không ở hẳn ở cõi nát-bàn, vẫn cứ ra vào chỗ sinh tử, để hóa độ chúng sinh, lấy phép « tự giác giác tha 自覺覺他 » làm cốt-yếu. Vậy nên công-đức của các vị đại Bồ-tát thật là rộng lớn. Sau này nói lược qua sự-tích và danh-hiệu của mấy vị đại Bồ-tát, thờ ở các chùa và thường hay tụng niệm đến luôn, như Di-lặc Bồ tát, Quan-thế-âm Bồ-tát, Đại-thế-chí Bồ-tát, Văn-thù Bồ-tát, Phổ hiền Bồ-tát và Địa-tạng Bồ-tát.

DI - LẶC BỒ - TÁT

彌勒菩薩

Di-lặc Bồ-tát là do tiếng phạm Maïtreya Bodhisattva phiên dịch ra. theo nghĩa thì gọi là Từ-thị 慈氏 và hiệu là A-dật-da 阿逸多 (Adjita). Cứ như lời đức Thích-ca mầu-ni nói ra khi Ngài thuyết pháp, thì hiện nay đức Di-lặc Bồ-tát còn ở trên tầng trời Đâu-suất, đợi đến ngày giáng sinh làm

---

1) Liễu-ngộ : Hiểu biết rõ.

người ở trần-gian để tu thành Phật, tức là một vị Phật tương-lai nối sau đức Thích-ca mầu-ni vậy.

Theo sách *Phật-tổ thông-ký* 佛祖統記, thì đức Thích-ca mầu-ni Phật giáng-thế vào cuối thời giảm, trong tiểu-kiếp thứ chín, khi thọ-mệnh của người ta là một trăm tuổi; rồi trải qua hết thời tăng, trong tiểu-kiếp ấy, sang thời giảm trong tiểu-kiếp thứ mười, khi thọ mệnh người ta giảm đến tám vạn tuổi, bấy giờ đức Di-lặc mới giáng-sinh. Vậy tính theo số năm trong các tiểu-kiếp, thì từ đời đức Thích-ca đến đời đức Di-lặc thành Phật, cách nhau 8 triệu 10 vạn 8 nghìn (8.108.000) năm.

Khi đức Thích-ca đã thành Phật mà còn ở thế-gian, thì đức Di-lặc thường xuống nghe Phật thuyết-pháp, tức là một đệ-tử của Phật ở trên cõi Trời.

Ở bên Ân-độ và Tây-Tạng, người ta làm tượng đức Di-tặc hình-dung hoặc đứng hoặc ngồi như các vị Bồ-tát khác. Nhưng bên Tàu và bên Việt-nam ta thì hay làm tượng ngài hình-dung một người ngồi có cái sắc tướng béo lớn, dáng mặt vui-vẻ, miệng cười tươi tốt, rõ ra cái thái độ sung-sướng vô cùng. Ấy là tỏ cái ý rằng người đã tu đắc-đạo gần thành Phật, thì bao giờ trong lòng cũng thư-thái, không có chút gì là lo buồn cả.

Đức Di-lặc Bồ-tát tuy chưa thành Phật, nhưng ngài vẫn lấy lòng từ-bi mà phổ-độ chúng-sinh, cho nên người ta thờ ngài cũng như thờ một vị đã thành Phật rồi. Thường ở chùa, người ta thờ đức Di-lặc ngồi giữa, bên tả có đức Pháp-hoa-lâm Bồ-tát 法花林菩薩, bên hữu có đức Đại-diệu-tướng Bồ-tát 大妙相菩薩, gọi chung là Di-lặc tam-tôn 彌勒三尊.

Có sách chép rằng đức Di-lặc Bồ-tát ở trên tầng trời Đâu-xuất xuống giảng cái thuyết «phi không phi hữu, trung đạo diệu lý 非空非有,中道妙理 làm ra sách *Du-già-sư địa-luận* 瑜伽師地論 truyền cho Vô trước Bồ-tát (Asangha) ở đất Ân-độ. Sách ấy là sách cốt-yếu của phái Du-già, tức là một phái chuyên bàn về cái tôn-chỉ Duy-thức 唯識.

Những kinh nói về đức Di-lặc Bồ-tát, có bộ *Di-lặc bản kinh* 彌勒本經 : *Di-lặc thượng-sinh kinh* 彌勒上生經, nói Ngài sinh lên cõi trời ; *Di-lặc hạ-sinh kinh* 彌勒下生經, nói : Ngài sẽ sinh xuống trần-thế ; *Di-lặc đại-thành Phật kinh* 彌勒大成佛經, nói lúc Ngài sẽ thành Phật.

QUAN-THẾ-ÂM BỒ-TÁT

觀世音菩薩

Quan-thế-âm là một vị Đại Bồ-tát rất có lòng từ bi hay cứu khổ cứu nạn, cho nên ở đâu đâu cũng thờ Ngài và tụng niệm đến danh-hiệu của Ngài. Ba chữ Quan-thế-âm 觀世音 có cái nghĩa rất sâu-sa, tỏ ra là trong thế-gian chỗ nào, lúc nào, cũng có tiếng kêu đau, kêu khổ, thật là đáng thương đáng xót. Nhờ có Phật và có Bồ-tát mở lòng từ-mẫn đem phép mầu-nhiệm mà cứu vớt chúng sinh, cho nên đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái vô cùng.

Kinh Pháp-hoa nói rằng : *Khổ não chúng sinh, nhất tâm xưng danh, Bồ-tát tức thì quan kỳ âm thanh, giai đắc giải-thoát. Dĩ thị danh Quan-thế-âm* 苦惱衆生一心稱名，菩薩卽時觀其音聲，皆得解脫.以是名觀世音 : Những chúng sinh bị khổ-não mà nhất tâm đọc đến tên Bồ-tát, tức thì Ngài xem âm thanh của chúng sinh mà độ cho được giải-thoát. Bởi thế gọi tên Ngài là Quan-thế-âm.

Đức Quan-thế-âm mà có cái danh-hiệu ấy là do một đức Phật đã thụ-ký cho Ngài, cho nên chính Ngài nói trong kinh Lăng-nghiêm rằng : « Về vô-số kiếp đời xưa có đức Phật ra đời hiệu là Quan-thế-âm Như-lai 觀世音如來. Ta đến trước Phật mà phát bồ-đề tâm. Phật dạy ta theo ba phép *văn* 聞, *tư* 思, *tu* 修, nghĩa là nghe lời giảng dạy, suy nghĩ về đạo lý và tu-hành mà vào tam-ma-đề (Samadhi). Phật khen ta chóng được viên-thông pháp-môn và tức thì ở ngay chỗ đại hội thụ-ký

cho ta cái hiệu là Quan-thế-âm ». Như thế là Ngài được lấy cái danh-hiệu của bản-sư làm danh-hiệu của mình vậy.

Người đời thường gọi tắt là Quan-âm có người cho là về đời nhà Đường bên Tàu, người trong nước kiêng chữ *thế* 世, là tên vua Thái-tôn, cho nên mới bỏ chữ ấy đi, rồi sau thành quen.

Quan-thế-âm Bồ-tát còn có hiệu là Quan-tự-tại Bồ-tát 觀自在菩薩, lấy nghĩa chữ *quan* 觀 là khảo xét khắp trong thế-giới, và chữ *tự tại* 自在, là bao giờ cũng tự kỷ thường tại để trừ sự khổ, ban sự vui cho chúng sinh. Quan-thế-âm-Bồ-tát hay Quan-tự-tại Bồ-tát đều do nghĩa chữ phạm là Avalokitésvara Bodhisattva mà dịch ra. Tiếng phạm còn gọi Quan-thế-âm là Padmapâni, dịch nghĩa ra là Liên-hoa-thủ 蓮花手.

Bởi vì đức Quan-thế-âm có phép thần-thông quảng đại, thường hay biến hiện ra nhiều sắc-tướng để trừ sự khổ-não, cho nên trong kinh nhà Phật có nơi nói có sáu vị Quan-thế-âm, có nơi nói có bảy vị Quan-thế-âm, lại có nơi nói có ba-mươi-ba vị Quan-thế-âm. Nhưng thường thì chỉ xưng-hô một tiếng Quan-thế-âm, tức là gồm hết cả các vị Quan-thế-âm khác.

Trong các danh-hiệu và sắc-tướng của đức Quan-thế-âm, ta nên biết mấy danh-hiệu sau này :

1.— Quan-âm vô-úy 觀音無畏. Danh-hiệu này là do ở phẩm Phổ-môn trong kinh Pháp-hoa nói rằng : « Quan-thế-âm Đại Bồ-tát thường dùng phép bố-thí vô-úy để cứu chúng sinh trong cơn cấp-nạn sợ-hãi.

2,— Nam-hải viên-thông giáo-chủ đại-từ đại-bi, tầm thanh cứu khổ linh-cảm Quan-thế-âm Bồ-tát 南海圓通教主，大慈大悲，尋聲救苦，靈感觀世音菩薩. Nghĩa là đức Quan-thế-âm làm giáo-chủ đạo viên-thông ở miền Nam-hải, thường tìm tiếng kêu mà cứu khổ, rất cảm-ứng và rất thiêng-liêng. Bởi vì ngài tuy đã gần thành Phật, nhưng vì lòng thương-xót chúng sinh, muốn ở miền thế-gian để cứu khổ cứu nạn. Vậy nên trong kinh nói rằng ngài thường trụ ở miền Nam-hải.

Tượng đức Quan-âm
có 32 tay

3.— Thiên-thủ thiên-nhỡn Quan-thế-âm Bồ-tát 千手千眼觀世音菩薩. Ngài có thần-thông quảng-đại, cứu-độ chúng-sinh, không đâu là Ngài không thấy, không việc gì là Ngài không làm được, cho nên Ngài có sắc-tướng là một vị có nghìn tay nghìn mắt.

4.— Chuẩn-đề Quan-âm 準提觀音. Ngài là một ứng-thân trong sáu Quan-âm. Theo đúng trong sách thì tượng Ngài tạc có ba mắt và mười-tám tay, mình mặc áo sắc trắng vẽ hoa.

5.— Phật-bà Quan-âm. Xem trong các kinh-điển và những bức tranh vẽ của các nhà danh-họa từ đời Đường về trước, thì không đâu tỏ ra đức Quan-âm có tướng đàn-bà. Bởi vì Phật và Bồ-tát không có phân biệt nam tướng hay nữ tướng gì hết cả.

Thế mà ta thường nghe gọi là đức Phật-bà Quan-âm và lại thấy các tượng của Ngài hình-dung là người đàn-bà.

Nguyên về đời nhà Nguyên bên Tàu có tăng-nhân, tức là Đạo-tuyên luật-sư 道宣律師 ở Nam-sơn làm ra một truyện nói rằng: «Luật sư thường hỏi thiên-thần về cái duyên khởi của đức Quan-thế-âm. Thiên-thần đáp lại rằng: Về kiếp quá-khứ có một người tên là Hoa-nghiêm, vợ là Bảo-ứng, sinh ra được ba người con gái. Người chị cả tên là Diệu-Nhan 妙顏, chị thứ tên là Diệu-Âm 妙音, em thứ ba tên là Diệu-Thiện 妙善. Diệu-Thiện đi tu đắc-đạo có tướng thiên-thủ thiên-nhỡn, tức là tượng của đức Quan-thế-âm. Về sau có nhà làm tiểu-thuyết nhân truyện ấy mà đặt ra một truyện nói vua Trang-vương nước Sở có ba người con gái, người con út tên là Diệu-Thiện đi tu thành Phật. Người Việt-nam ta cũng nhân truyện ấy mà làm ra truyện *Phật-bà Quan-âm*, nói rằng Ngài tu ở động Hương-tích, thành Phật, có thiên-thủ thiên-nhỡn. Bởi vậy ở trong truyện ấy có câu:

Rằng trong cõi nước Nam ta.
Bể Nam có đức Phật-bà Quan-âm.

Truyện ấy lưu truyền ra ở chỗ dân-gian, ai cũng cho đức Quan-âm là Phật-bà, và khi vào các chùa thấy pho tượng có

nhiều tay nhiều mắt, thì người ta gọi là tượng Mụ-Thiện, hay tượng Phật-bà.

Lại xét trong các sách của người Tàu, có nhiều chuyện nói đức Quan-âm hiện ra hình-dung người đàn-bà đẹp để cứu-độ những người mắc phải tai-nạn hoặc để giáo-hóa người đời. Ngay như truyện Thị-Kính là truyện người đàn bà có tính nhẫn-nhục mà tu đắc-đạo, người ta cũng nói là đức Quan-âm hiện hình ra, cho nên ta vẫn gọi là đức Quan-âm Thị-Kính, và cũng có tượng để thờ ở trong chùa. Tượng đức Quan-âm Thị-Kính thường gọi là tượng Quan-âm tòng-tử.

Bởi những chuyện như thế lưu truyền ở dân-gian, và lại có những nơi khuê-các, các bà thờ tượng đức Quan-âm làm thành nữ-thần, lâu dần người ta tin ngài là đàn-bà. Song xét kỹ ra, sự tin ấy không phải là sự sai lầm hẳn, là vì xem ở trong kinh Lăng-nghiêm có chỗ nói rằng: «Đức Quan-âm tu được cái thể viên-thông, trộn hợp với cái diệu-tâm của chư Phật, dưới đồng với sự trông ngóng xót-thương của chúng-sinh, mà hiện ra ba-mươi hai sự ứng-hóa và làm mười-bốn phép bố-thí vô-úy để tế-độ chúng-sinh». Vì thế có khi Ngài hiện ra làm Phạm-thiên-vương hoặc làm Đế-Thích; có khi Ngài hiện ra làm một vị Thiên-vương hoặc làm một vị Thiên-tướng; có khi Ngài hiện ra làm ông vua, hoặc làm ông quan; có khi Ngài hiện ra làm người trưởng-giả, hoặc người cư-sĩ, hoặc người tu-hành; có khi Ngài hiện ra làm vị sư-ni, hoặc làm người đàn-bà, hoặc người con gái vân vân. Ngài dùng đủ 32 phép ứng-hóa ấy để ở đâu và hạng người nào có sự khổ-não, thì Ngài theo hạng người ấy mà hiện ra ở đấy, hoặc để thuyết-pháp giảng đạo, hoặc để cứu vớt những người bị khổ-ách. Nếu vậy dù người ta có tin ngài là nữ-thân, thì cũng chỉ là một cái ảnh-tượng về cái hóa-thân của Ngài mà thôi. Và trong kinh *Đỉnh-thủy* 頂水經 nói rằng: đức Quan-âm có năm trăm hóa-thân, vậy thì dù Ngài có là nữ-thân nữa, cũng không phải là một hóa-thân nhất định của Ngài.

Xét về những công-đức và sự-trạng của đức Quan-thế-âm Bồ-tát ở trong Phật-giáo, thì phái Đại-thặng có thuyết nói rằng:

đức Quan-thế-âm là do đức Phật A-di-đà phát hiện ra để trông coi sự sinh-hóa của thế-gian hiện-tại bây giờ ; có thuyết thì nói rằng : đức Quan-thế-âm là một vị Bồ-tát hiện ra sau khi đức Thích-ca-mâu-ni Phật đã vào nát-bàn rồi, để hộ-trì Phật pháp, cho đến khi đức Di-lặc giáng thế thành Phật. Nhất là ở bên Tây-tạng, người ta cho là Ngài hóa thân làm Đạt-lại La-ma 達賴喇嘛 (Dalai Lama) tức là vị Phật sống ở xứ ấy. Mỗi khi vị Đạt-lại La-ma mất, thì Ngài lại hiện vào một đứa trẻ, để dân Tây-tạng tìm mà rước về tôn lên làm Đạt-lại La-ma khác. Hiện nay tục ấy hãy còn.

Câu thần-chú rất linh-diệu của Quan-thế-âm Bồ-tát là : *Úm ma-ni bát-mê hùm* ! 唵嘛呢叭彌吽 (Om mani padmê hùm).

Nay ở các chùa thờ Di-đà tam-tôn, để tượng đức A-di-đà ở giữa, tượng đức Quan-thế-âm bên tả, và tượng đức Đại-thế-chí bên hữu, và người ta vẫn tin theo cái thuyết đã nói ở trong kinh Bi-hoa, cho đức Phật A-di-đà là vua Vô-tránh-niệm, mà đức Quan-thế-âm Bồ-tát là người con trưởng và đức Đại-thế-chí là người con thứ của vua. Song đạo pháp của Phật vô-thượng vô-biên, ta không thể lấy cái trí thấp hèn mà suy lượng cho hết các ý nghĩa được. Ta chỉ biết rằng đức Quan-thế-âm là một bậc đại Bồ-tát đã tu gần thành Phật, có thần-thông rất lớn, thế mà chỉ vì trông thấy chúng sinh đau-đớn khổ-sở ở chỗ trần gian, đem lòng đại-từ đại-bi, phát lời thệ-nguyện cứu cho hết mọi loài, rồi mới thành Phật. Ngài nói rằng ; « Hễ ở đâu có con ruồi con muỗi phải đau khổ là có ta ở đó ». Mấy lời từ-ái chứa-chan ấy, thật là chứng rõ đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái vô-cùng vậy.

ĐẠI-THẾ-CHÍ BỒ-TÁT

大勢至菩薩

Đại thế-chí là một vị Bồ-tát cùng với Quan-thế-âm giúp rập đức Phật A-di-đà để tế-độ chúng sinh. Đại-thế-chí Bồ-tát

là dịch theo nghĩa tiếng phạm Mahasthanaprâta Bodhisattva, tức là nói cái thế lực rất lớn rất mạnh do sự cầu-nguyện Phật mà có. Kinh Lăng-nghiêm nói rằng : « Về vô số kiếp đời xưa, có đức Phật, hiệu là Siêu-nhật-nguyệt-quang Như-lai 超日月光如來 ra đời, dạy Ngài tu phép niệm Phật tam-muội, thu cả lục căn là nhãn, nhĩ, tỵ, thiệt, thân, ý, định tâm chuyên-nhất về việc niệm Phật, bởi thế tâm khai, ngộ đạo viên-thông, được danh-hiệu là Đại-thế-chí. Cũng có khi gọi là Thế-chí.

Theo cái thuyết nói ở trong kinh Bi-hoa, thì đức Đại-thế-chí Bồ-tát là hoàng-tử Ni-ma con thứ hai vua Vô-tránh-niệm về kiếp Thiện-trì trong thế-giới San-đề-lam. Vì hoàng-tử Ni-ma phát bồ-tát tâm, nguyện làm bậc Bồ-tát để cứu độ chúng sinh, cho nên đức Bảo-tạng Như-lai thụ-ký cho Ngài sẽ làm Đại-thế-chí Bồ-tát ở cõi Cực-lạc để cùng với A-di-đà Phật và Quan-thế-âm Bồ-tát tiếp-dẫn chúng sinh ra khỏi chỗ khổ-não, chờ đến khi quả phúc viên-mãn ngài sẽ thành Phật.

Kinh Quan-vô-lượng-thọ 觀無量壽經 tán công-đức của đức Đại-thế-chí Bồ-tát rằng : « Ngài đem ánh sáng trí-tuệ soi khắp hết thảy, khiến chúng sinh đều thoát khỏi ba nơi ác-đạo, mà có cái sức mạnh vô-thượng ». Bởi cái công-đức của Đại-thế-chí to lớn như thế, cho nên Vân-thê thiền-sư làm bài *Tân-định Tây-phương nguyện-văn* 新定西方願文 có câu rằng : « Đức Phật A-di-đà, với đức Quan-thế-âm và đức Đại-thế-chí cùng các đấng hiền-thánh, phóng hào-quang ra mà tiếp-dẫn chúng sinh giắt tay dẻ-huề, chỉ trong một nhoáng là người mệnh chung được sinh về cõi Cực-lạc ». Vì thế cho nên ở các chùa, người ta làm tượng đức Đại-thế-chí và đức Quan-thế-âm đứng hai bên tả hữu đức A-di-đà, gọi là hai vị hiệp-sĩ 脇士.

VĂN-THÙ BỒ-TÁT

文殊菩薩

Văn-thù là tiếng gọi tắt chữ Văn-thù sư-lỵ 文殊師利 dịch theo âm tiếng phạm Manjuçri. Chữ phạm này có sách

Tượng đức Văn-thù Bồ-tát
ngồi trên con Thanh-sư

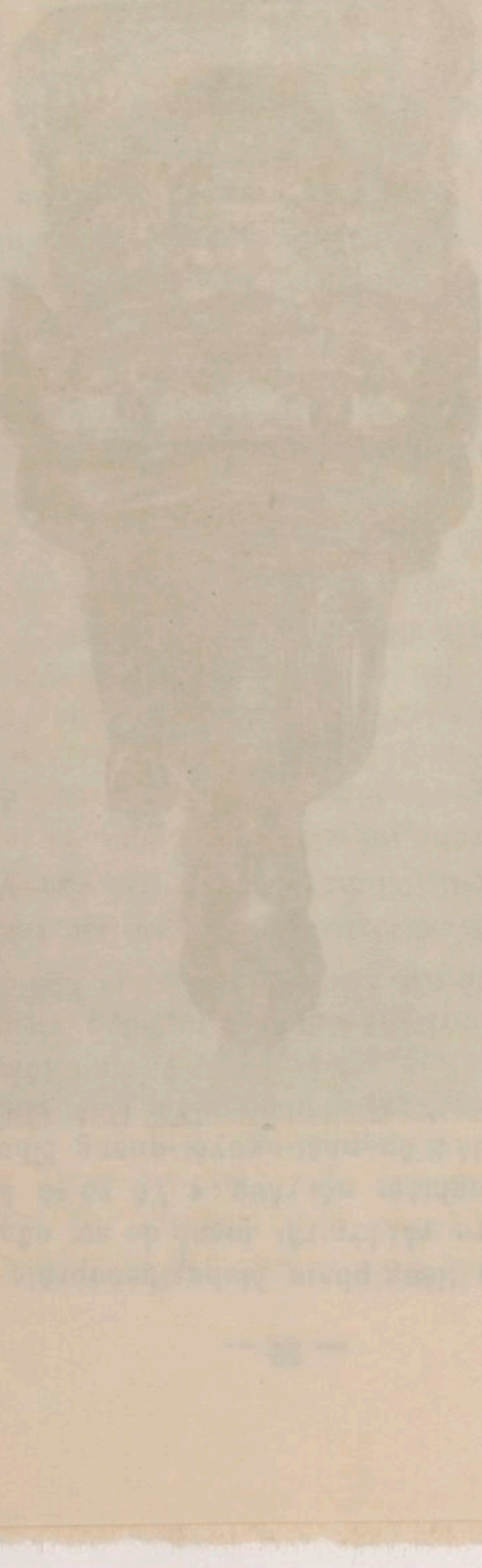

mích là Mãn-thù thi-lị 滿殊尸利 hay là Man-thù thất-lị 曼殊室利, và cắt nghĩa là Diệu-đức 妙德, Diệu-âm 妙音 hay là 妙吉祥. Đại ý là nói một vị Bồ-tát biết rõ Phật tính và có đủ ba đức là pháp-thân, bát-nhã và giải-thoát, và đem ba đức ấy truyền-truyền ra để giáo-hóa chúng sinh.

Trong kinh nhà Phật có chỗ nói rằng Văn-thù là một vị đại Bồ-tát ở cõi Phật trong tuột thế-giới rất xa, có khi đức Thích-ca mâu-ni phóng hào quang triệu đến cõi Sa-bà-thế-giới này để thuyết-pháp cho các đệ-tử nghe những phép mầu-nhiệm của Phật. Có chỗ thì lại nói Văn-thù Bồ-tát hiện xuống làm một vị tỉ-khâu đứng đầu hết thảy các đệ-tử và rất thân-cận đức Thích-ca mâu-ni.

Văn-thù Bồ-tát hiểu thấu đến chỗ sâu xa của Phật pháp, cho nên có tên gọi là Pháp-vương-tử 法王子. Sách *Hoa-nghiêm sớ* 華嚴疏 nói rằng: « Sau khi đức Thích-ca mâu-ni vào nát-bàn rồi, Văn-thù Bồ-tát cùng với A-nan-đà tôn-giả làm ra bộ kinh Hoa-nghiêm. Khi kinh ấy làm xong, Long-thần đem xuống để dưới Long cung. Sáu bảy trăm năm về sau, Long-thụ Bồ-tát (Nagarjuna) xuống Long-cung thấy bộ kinh ấy có ba bản, là thượng-bản, trung-bản và hạ-bản. Ông thấy hai bản trên nghĩa-lý cao quá và khó quá, cho nên ông chỉ chép lấy hạ-bản đem lên truyền ra ở đời. Những đạo lý ở trong kinh ấy là do ba đấng thánh là đức Thích-ca mâu-ni Phật, đức Văn-thù Bồ-tát và đức Phổ-hiền Bồ-tát nói ra, cho nên mới gọi là Hoa-nghiêm tam thánh 華嚴三聖.

Song xét theo cái ý nghĩa nói ở trong các kinh, thì Văn-thù-sư-lị tức là trí-tuệ. Xem như trong kinh Phóng-bát 放鉢經, đức Thích-ca mâu-ni nói rằng: « Nay ta thành Phật là nhờ cái ơn của Văn-thù-sư-lị. Về đời quá-khứ vô-số chư Phật đã trải qua làm đệ-tử của Văn-thù sư-lị, mà chư Phật sau này ra đời cũng sẽ phải nhờ uy-thần của Văn-thù-sư-lị cả. Ví như ở thế-gian đứa tiểu-nhi phải có cha mẹ, Văn-thù-sư-lị là cha mẹ của đạo Phật ». Lấy cái nghĩa câu ấy mà suy, thì thấy rõ cái ý của đức Thích ca lấy Văn-thù-sư-lị mà biểu-thị trí-tuệ vậy ».

Vì có cái ý nghĩa ấy, cho nên các tượng của Văn-thù Bồ-tát làm trên đầu có năm búi tóc để biểu-thị năm cái trí của Phật, tay cầm thanh gươm để biểu-thị cái lợi-khí của trí-tuệ, mình cưỡi con sư-tử xanh để biểu-thị cái sức mạnh của trí-tuệ. Lại cũng bởi cái ý nghĩa ấy mà có khi người ta làm tượng Văn-thù Bồ-tát hình-dung một đứa đồng-tử để biểu-thị cái nghĩa còn nguyên thiên-tính. Ở các chùa bên Tàu lại hay làm tượng ngài hình-dung một tăng-nhân để thờ ở nơi tăng đường hoặc ở nơi giới-đàn, cốt để tỏ ý phải có trí-tuệ mới tu được đạo.

Ở bên Tàu và bên Nhật-bản, người ta rất sùng-bái Văn-thù Bồ-tát mà nhất là phái Mật-tôn Chân-ngôn thờ ngài làm một vị Bồ-tát rất trọng-yếu, và nói rằng Ngài có câu thần-chú tám chữ : *Úm ác vĩ ra hồng khứ tá lạc* 唵惡尾囉吽佉佐洛, cho là linh-ứng lắm.

Ở các chùa khi có tượng đức Thích-ca mâu-ni ngồi cầm ấn lồi thuyết-pháp,. thì bên tả có tượng đức Văn-thù Bồ-tát chủ về đường trí-tuệ, và bên hữu có tượng đức Phổ-hiền Bồ-tát chủ về đường chân-lý. Cái thâm ý trong sự bày-đặt như thế, là cốt tỏ ra rằng có trí-tuệ và có chân-lý thì mới có Phật ; mà Phật sở dĩ thành được chính-quả viên-mãn là nhờ có trí-tuệ và chân-lý vậy.

PHỔ-HIỀN BỒ-TÁT

普賢菩薩

Phổ-hiền Bồ-tát là dịch theo tiếng phạm Tam-man đa-bạt-đà-la Bồ-tát 三曼多跋陀羅菩薩 (Samantabhadra Bodhisattva). Hai chữ Phổ-hiền là nói cái tính-thể bao-la khắp cả hết thảy, tức là nói cái chân-lý trị được những vô-minh rất vi-tế mới khởi lên, và dứt được những vô-minh-hoặc, gần ngang bằng Phật. Như vậy Phổ-hiền là vị Bồ-tát chủ về chân-lý, về thiền-định, và sự hành-vi của chư Phật. Tượng Ngài làm

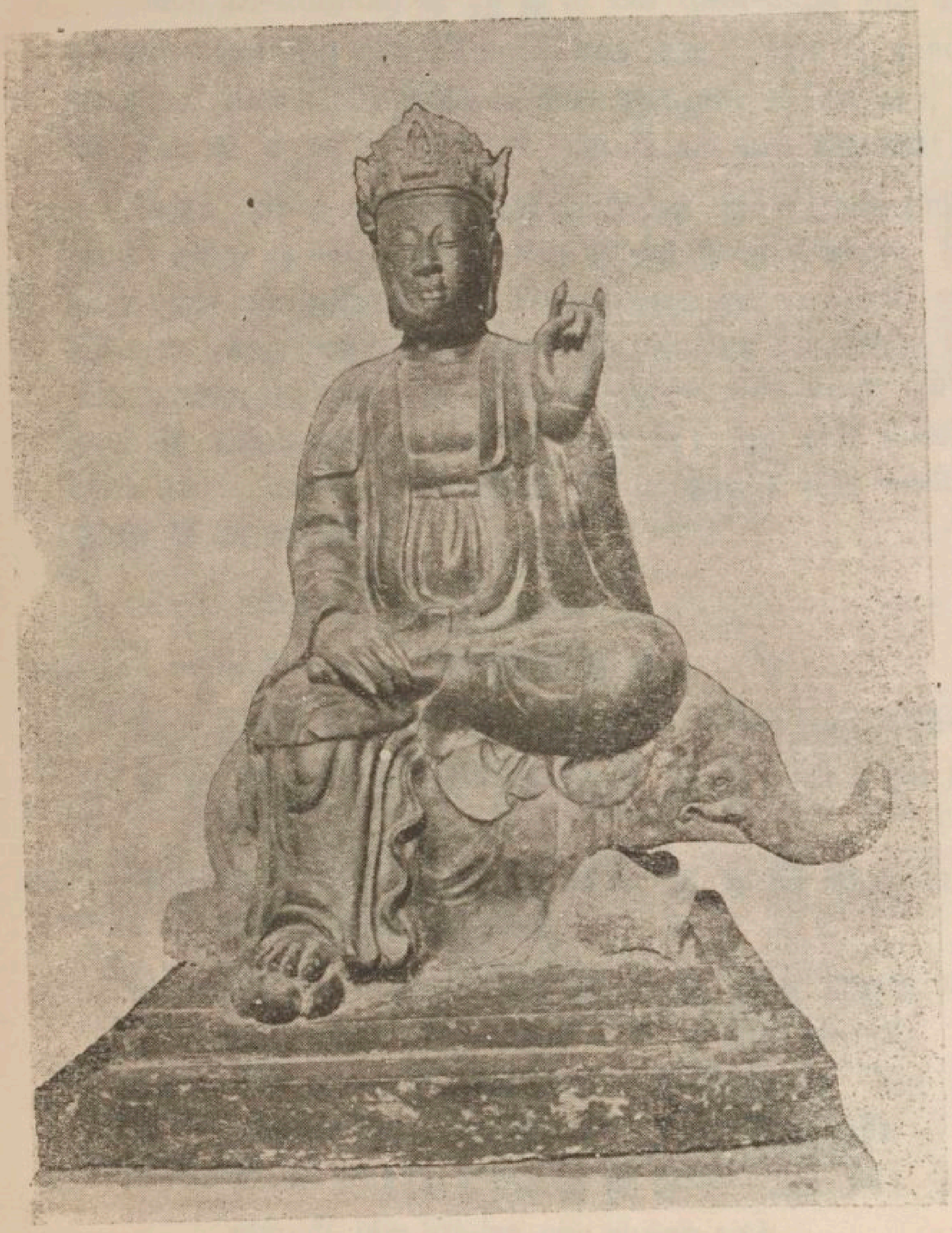

Tượng đức Phổ-hiền Bồ-tát
ngồi trên con Bạch-tượng

ngồi lên trên con voi trắng, biểu-thị cái chân-lý chắc-chắn trong-sạch, để ở bên hữu tượng đức Thích-ca mâu-ni.

Sách *Bí-tạng-ký* 秘藏記 tả cái hình-dáng của Phổ-hiền Bồ-tát, sắc trắng tay cầm cái hoa sen, ở trên có thanh kiếm sáng lòe. Theo cái thuyết của phái Mật-giáo chân-ngôn, thì Phổ-hiền Bồ-tát tương-lai sẽ thành Phật để nối đức Đại-nhật Như-lai.

Thiên Hành-nguyện phẩm, trong kinh Hoa-nghiêm, nói rằng : « Khi ở hội Hoa-nghiêm trong rừng Thệ-đa, Phổ-hiền khen ngợi công-đức của Phật, rồi bảo các vị Bồ-tát và các vị thiện-tài rằng : Công-đức của thập phương chư Phật, thì nhiều lắm, không thể nào nói cho xiết được. Nếu muốn vào pháp-môn để thành-tựu được cái công-đức ấy, nên tu mười thứ hành-nguyện lớn, gọi là *thập chủng quảng đại hành-nguyện* 十種廣大行願.

Mười thứ hành-nguyện ấy là :

1. — Lễ kính chư Phật 禮敬諸佛.
2. — Xưng tán Như-lai 稱讚如來 : Khen ngợi đức Như-lai.
3. — Quảng-tu cúng-dàng 廣修供養 : Rộng mở sự cúng-dàng.
4. — Sám-hối nghiệp-chướng 懺悔業障 : Sám hối các điều nghiệp-chướng.
5. — Tùy hỉ công-đức 隨喜功德 : Vui mừng mà thuận theo công-đức của chư Phật và chư Bồ-tát.
6. — Thỉnh chuyển pháp luân 請轉法輪 : Xin quay cái bánh xe phép để cho chúng sinh hiểu biết.
7. — Thỉnh Phật trụ thế 請佛住世 : Xin Phật ở lại thế-gian để làm lợi-lạc cho chúng sinh.
8. — Thường tùy Phật học 常隨佛學 : Xin thường theo Phật mà học đạo.
9. — Hằng thuận chúng-sinh 恒順衆生 : Thường cứu giúp chúng-sinh, làm cho được yên-vui sung-sướng.

10. — Giai hồi-hướng 皆 迴 向: Đem hết công-đức hồi-hướng về chúng sinh, khiến cho cứu-cánh được thành-tựu đạo bồ-đề.

Mười điều hành-nguyện ấy sâu rộng như biển, cho nên gọi là *Phổ-hiền nguyện hải* 普 賢 願 海, cốt là khiến cho hết thảy chúng sinh đều được biết rõ chỗ nương cậy mà tìm đến chỗ sáng tỏ để giải-thoát mọi điều khổ-não.

ĐỊA-TẠNG BỒ-TÁT
地 藏 菩 薩

Địa-tạng là dịch theo nghĩa tiếng phạm Khất-xoa-đế-nghiệt-sa 乞 叉 底 蘗 沙 (Ksutigarbha). Địa-tạng là nói cái nghĩa yên-nhẫn (1), bất-động như đất lớn, nghĩ-ngợi sâu-xa kín-đáo như cái kho kín chứa đồ báu.

Địa-tạng Bồ-tát ở trên tầng trời Đâu-lị là tầng trời thứ ba và Ngài cũng như các vị Đại Bồ-tát khác lấy từ-bi cứu-khổ làm đầu việc bản nguyện của mình, cho nên Ngài có câu phát nguyện rằng : « *Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật. Chúng sinh tận độ, phương chứng bồ-đề:* 地 獄 未 空, 誓 不 成 佛 衆 生 盡 度 方 證 菩 提 : Địa-ngục chưa sạch không, thề không thành Phật. Chúng sinh độ hết, mới chứng đạo bồ-đề».

Kinh *Địa-tạng bản nguyện* 地 藏 本 願 chép rằng : Khi đức Thích-ca mâu-ni lên tầng trời Đâu-lị để thuyết pháp cho Thánh-mẫu nghe, giữa chốn đại-hội đủ hết thảy chư Phật, chư Bồ-tát và các vị thánh chúng. Ngài ân-cần phó-chúc (2) cho Địa-tạng Bồ-tát rằng: « Ta đem việc chúng sinh ở cõi trời và cõi người chưa thoát khỏi tam giới, lục đạo (3), còn vị ở

1) Yên-nhẫn : Yên lặng và chịu-đựng chắc-chắn.

2) Phó chúc : Dặn-dò.

3 Lục đạo : Sáu cõi là cõi trời, cõi người, cõi A-tu-la, cõi ngã-quỉ, cõi súc-sinh và cõi địa-ngục.

trong nhà lửa, nhờ cậy ở Bồ-tát. Bồ-tát đừng để cho chúng sinh ấy đày đọa trong mọi nơi ác đạo». Kinh ấy có chỗ chép rằng : « Ở' vào khoảng sau khi đức Thích-ca mâu-ni diệt độ rồi, mà đức Di-lặc chưa ra đời thì đức Địa-tạng Bồ-tát thường hiện thân vào cõi nhân-gian, cõi thiên-giới và cõi địa-ngục để cứu khổ cho các chúng sinh».

Bởi có lời phó chúc của Phật và lại có thần-thông rất lớn, cho nên Địa-tạng thường hay biên hiện lên xuống trong lục đạo để hóa-độ chúng sinh.

Tượng của Địa-tạng Bồ-tát thường làm đầu tròn, một tay cầm bảo-châu và một tay cầm gậy tích-trượng. Như vì ngài có nhiều phép ứng-hóa cho nên ngài có sáu danh-hiệu gọi là lục Địa-tạng như sau này :

1.— *Đàn-đà Địa-tạng* 檀陀地藏, tay cầm cái tràng-phan có hình đầu người để đi hóa-độ nơi địa-ngục.

2.— *Bảo-châu Địa-tạng* 寶珠地藏, tay cầm bảo-châu để đi hóa-độ loài ngã-quỷ

3.— *Bảo-ấn Địa-tạng* 寶印地藏, tay cầm như-ý bảo-ấn để đi hóa-độ loài súc-sinh.

4.— *Trì-địa Địa-tạng* 持地地藏, tay cầm cõi đại-địa để đi hóa-độ loài A-tu-la.

5.— *Trừ-cái-chướng Địa-tạng* 除蓋障地藏, đi hóa-độ loài người và trừ bỏ mọi sự che lấp ngại trở.

6.— *Nhật-quang Địa-tạng* 日光地藏, đi hóa-độ ở cõi trời, trừ bỏ mọi điều khổ-não.

Kinh *Liên-hoa tam-muội* 蓮華三昧經, lại chép rằng : «Địa-tạng Bồ-tát có hiệu là Thắng-quân Địa-tạng 勝軍地藏, đầu đội mũ trụ, mặc áo giáp «đà-la-ni», đeo con giao lớn «kim-cương-trì», vác cành phướn «phát tâm tu hành» cầm thanh gươm «trảm ác-nghiệp phiền-não quân». Hai bên tả hữu có hai đồng-tử tên là Chưởng-thiện 掌善, và Chưởng-ác 掌惡, đứng hầu». Đó là hình-dung cái tướng của Địa-tạng rất dũng-mãnh về sự đánh phá những điều tàn-ác làm cho những sự

quang-minh từ-thiện được thắng lợi vậy. Kinh Địa-tạng bản-nguyên còn chép nhiều chuyện như nói : Ngài thường hiện ra người nhi-nữ để cứu cho cha mẹ thoát khỏi nơi địa-ngục, mà sinh về cõi cực-lạc. Bởi vậy người ta gọi kinh ấy là sách Hiếu-kinh của nhà Phật. Trong kinh ấy có chỗ nói rõ : Khi người ta chết rồi, cứ bảy ngày vong-nhân bị một lần xét hỏi về cái nghiệp-quả của mình, đến ngày thứ bốn-mươi-chín là ngày bảy lần bảy, thì định xong : ai có cái nghiệp-báo thế nào phải chịu như thế. Kinh ấy lại tả rất tường các thứ địa-ngục ở âm-phủ. Vậy nên người ta theo đó mà làm ra các động Thập-điện ở trong chùa để trừng-giới những kẻ gian-ác.

IV

THẾ-GIAN VÀ THÊ-GIỚI

Đạo Phật, nói chung về toàn-thể là đạo bao-quát cả không-gian và thời-gian nghĩa là gồm hết vũ-trụ viên-mãn tuyệt-đối, không có gì sót ra ngoài cả. Nhưng xét riêng về từng phương-diện, thì đạo ấy có phần thế-gian và phần xuất-thế-gian.

Phần xuất-thế-gian là nói cõi của chư Phật, chư Bồ-tát cùng những bậc đã tu đắc đạo, chứng được A-la-hán quả (1) ra ngoài cõi đời ở nơi yên-lặng, trong-sạch, chân-thực, bình-đẳng, thường-định, không biến hóa. Phần thế-gian là nói cõi đời có vạn tượng sâm-nhiên (2) sinh sinh hóa hóa, vô-thường vô-định.

Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn, gọi là tứ thánh 四聖 hay là bốn bậc thánh, tức là những bậc bất sinh bất diệt, thường-trụ tự-tại, phổ-biến (3) khắp cả. Những bậc ấy tuy là xuất-thế-gian, nhưng thường vẫn ra vào ở thế-gian, để tế-độ chúng sinh, mà không mắc vào cuộc luân-hồi biến-hóa nữa. Những hữu-tình ở cõi trời hay cõi người, đều gọi là lục phàm 六凡 hay là sáu bậc phàm, tức là những loài có sinh có hóa, cứ luân-chuyển bất-thường và phải chịu mọi điều khổ-não. Những hữu-tình ấy phải ở trong không-gian và thời-gian nghĩa là có giới-hạn lớn nhỏ nhiều ít và có thọ-mệnh (4) dài ngắn, thọ yểu, không nhất-định.

THẾ-GIAN

Ở thế-gian, các loài hữu-tình chúng sinh biến-hóa trong lục đạo 六道 và tam giới 三界. Do lục đạo mà thành ra có lục phàm. Lục đạo là sáu con đường tương thông với nhau trong cuộc luân-hồi sinh tử. Sáu con đường ấy là :

---

1) A-la-hán quả : Cái kết-quả của sự tu-luyện đến bậc **bất sinh bất diệt**, không phải học gì nữa.

2) Vạn-tượng sâm-nhiên : Muôn tượng đông-đúc.

3) Phổ-biến : Rộng khắp hết mọi nơi.

4) Thọ-mệnh : Sự sống lâu

1.— Thiên đạo 天道, cõi trời.

2.— Nhân đạo 人道, cõi người.

3.— A-tu-la đạo 阿修羅道, cõi những loài hữu-tình không phải là thần mà cũng không phải là quỉ, thường ở những nơi bờ biển, hoặc hang núi hay có tính nghi-kị, hay tức giận và hay chiến-đấu.

4.— Ngạ-quỉ-đạo 餓鬼道, cõi quỉ đói, hình dáng hoặc giống như người, hoặc giống như loài thú, ở những nơi rừng núi, hoặc bờ sông bãi biển, không được ăn uống.

5.— Súc-sinh đạo 畜生道, cõi cầm thú có lông có vảy thường hay ăn lẫn nhau.

6.— Địa-ngục đạo 地獄道, cõi tội-tăm ở dưới đất thường phải chịu sự đau-đớn khổ-sở.

Tam giới là ba cõi có giới-hạn phân-biệt là : dục-giới, sắc-giới, và vô sắc-giới.

Dục-giới. — Dục-giới là cõi đời mà các hữu-tình chúng sinh có đủ các tình dục như ăn uống, thức ngủ, trai gái, dâm-dục vân vân. Trừ cõi người trở xuống, Dục-giới còn có sáu cõi trời, gọi là Lục-dục-thiên 六欲天. Sáu cõi trời ấy là :

1.— Tứ Thiên-vương thiên 四天王天, tức là cõi trời có bốn vị Thiên-vương giúp vua Đế-Thích ở lưng chừng núi Tu-di.

Phương đông có Đông-phương Trì-quốc Thiên-vương 東方持國天王, là một vị Thiên-vương hộ-trì quốc-thổ.

Phương nam có Nam-phương Tăng-trưởng Thiên-vương 南方增長天王, là một vị Thiên-vương làm cho thiện căn của chúng sinh tăng trưởng lên.

Phương tây có Tây-phương Quảng-mục Thiên-vương 西方廣目天王, là một vị Thiên-vương lấy thiên-nhãn trong-sạch, mà xem xét ủng-hộ chúng sinh.

Phương bắc có Bắc-phương Đa-văn Thiên-vương 北方多聞天王, là một vị Thiên-vương có tiếng phúc-đức nghe khắp bốn phương.

2.— Điêu-lợi thiên 忉利天 là cõi trời có vua Đế-Thích cùng với ba-mươi-hai vị thần khác cùng ở trên đỉnh núi Tu-di.

Bởi có tất cả là ba-mươi-ba vị thần ở cõi ấy, cho nên gọi là **Tam-thập-tam thiên** 三十三天.

3. — Dạ-ma thiên 夜摩天 là cõi trời lúc nào cũng có hát-xướng vui-vẻ.

4. — Đâu-suất thiên 兜率天 là cõi trời đối với cái cảnh ngũ dục (1), thì lấy tri túc (2) làm vui.

5. — Hóa-lạc thiên 化樂天 là cõi trời tự hóa ngũ trần (3) ra làm vui thú.

6. — Tha-hóa thiên 他化天 là cõ trời có Ma-vương Tự-tại-thiên, tên là Ba-tuần 波旬, tức là Mara, làm chủ-tế cả Dục-giới. Ở cõi trời ấy, lấy sự biến-hóa của kẻ khác làm vui.

Sắc-giới. — Sắc-giới là cõi trời tuy đã lìa bỏ hết cái sắc chất dơ-bẩn xấu-xa của Dục-giới, nhưng còn có cái sắc chất trong-sạch, do ngũ uẩn mà thành ra. Ngũ uẩn là năm cái tích-tập là : *sắc, thụ, tưởng, hành, thức*. Trong Sắc-giới tuy có sắc chất, nhưng các hữu-tình không có nữ hình và không có các thứ dục-nhiễm (4) nữa.

Sắc-giới chia làm tứ Thiền-thiên, gồm có 18 cõi trời. Thiền-thiên là cõi trời có những hữu-tình tu phép thiền-định. Tứ Thiền-thiên là :

I.— Sơ-Thiền-thiên 初禪天	1.—	Phạm-chúng-thiên 梵衆天 là cõi trời có dân chúng của Sơ-thiên Thiên-chủ.
	2.—	Phạm-phụ-thiên 梵輔天 là cõi trời có những thần liêu (5) của Sơ-thiên Thiên-chủ.
	3.—	Đại-phạm-thiên 大梵天 là cõi trời của Sơ-thiên Thiên-chủ. Sơ-thiên Thiên-chủ tức là Brahmâ làm chủ-tế cả vạn vật ở trong thế-giới.

1 Ngũ dục : Năm lòng dục là : Sắc-dục, thanh-dục, hương-dục, vị dục và xúc-dục.

2) Tri túc ; Biết lấy làm đủ.

3) Ngũ trần : Năm cái trần-tục là : Sắc-trần, thanh-trần, hương trần, vị-trần và xúc-trần.

4) Dục-nhiễm : Thấm quen các trần-dục.

Thần-liêu : Thần-thuộc quan-liêu.

II.— Nhị Thiền-thiên 二禪天

1.— Thiểu-quang-thiên 少光天 là cõi trời ít có quang-minh.

2. Vô-lượng-quang-thiên 無量光天 là cõi trời có nhiều quang-minh.

3.— Quang-âm thiên 光音天 là cõi trời lấy quang-minh làm tiếng nói.

III.— Tam Thiền-thiên 三禪天

1.— Thiểu-tĩnh thiên 少淨天 là cõi trời có ít thanh-tĩnh.

2.— Vô-lượng-tĩnh thiên 無量淨天 là cõi trời có nhiều thanh-tĩnh.

3. Biến-tĩnh thiên 徧淨天 là cõi trời có thanh tĩnh khắp cả mọi nơi.

IV.—Tứ Thiền-thiên 四禪天

1.— Vô-vân thiên 無雲天 là cõi trời không có mây.

2. – Phúc-sinh thiên 福生天 là cõi trời để những người tu có nhiều phúc được sinh lên đó.

3.— Quảng-quả thiên 廣果天 là cõi trời có nhiều quả báo lớn.

4.— Vô-tưởng thiên 無想天 là cõi trời đã sinh ra đó là chung thân không có tưởng niệm nào khác.

5.— Vô-phiền thiên 無煩天 là cõi trời không có phiền-não.

6.— Vô-nhiệt thiên 無熱天 là cõi trời thanh lương tự tại không có nhiệt não.

7.— Thiện-kiến thiên 善見天 là cõi trời thấy rõ thập phương thế-giới.

8.— Thiện-hiện thiên 善現天 là cõi trời không có ngại chướng, cái gì cũng hiện rõ ra.

9.— Sắc-cứu-cảnh thiên 色究竟天 là cõi trời đến đó là không có sắc tính nữa.

Vô-sắc-giới.— Vô-sắc giới là những cõi trời cùng tột trong thế-gian, các hữu-tình ở cõi ấy chỉ có tâm-thức mà

không có sắc-chất. Tâm-thức là nói có *thụ*, *tưởng*, *hành*, *thức*, tức là không có hình sắc nữa, nhưng vẫn có cảm-xúc, tư-tưởng, hành-động và trí-thức. Những hữu-tình ở các cõi trời ấy phải nương vào cái cảnh của tâm đã sở chứng và nhờ cái cảnh-pháp giữ cho cái tâm không phân-tán ra, mà vui-thú ở trong cảnh-giới của tứ Không-thiền-định.

Vô-sắc-giới chia ra làm tứ Không-thiên thiên, là :

1. — *Không-vô-biên-xứ thiên* 空無邊處天 Ở cõi trời này không có các thứ sắc-chất nữa, chỉ có chỗ hư-không. Tâm với hư-không-pháp tương ứng với nhau mà có.

2. — *Thức-vô-biên-xứ thiên* 識無邊處天. Ở cõi trời này không có hư-không xứ nữa. Tâm với thức-pháp tương ứng với nhau mà có.

3. — *Vô-sở-hữu-xứ thiên* 無所有處天. Ở cõi trời này không có thức-xứ nữa. Tâm không nương vào đâu cả, chỉ tương ứng với vô-sở-hữu-pháp mà có.

4. — *Phi-tưởng phi phi-tưởng-xứ thiên* 非想非非想處天. Ở cõi trời này không có thức-xứ, tức là không có hữu-tưởng, và không có vô-sở-hữu-xứ, tức là không có vô-tưởng, nghĩa là không có cái định ở vô-tưởng, gọi là phi-phi-tưởng. Tâm tự đối với tâm mà thấy rõ cái chân-thực thanh-tĩnh, vô-vi, ở cõi cùng-cực trong vô-sắc vậy.

Các cõi trời từ Lục-dục thiên lên đến Phi-tưởng phi phi-tưởng-xứ thiên, cộng tất cả là hai-mươi-tám cõi, gọi là tam-giới nhị-thập-bát thiên 三界三十八天.

Những hữu-tình chúng sinh ở trong hai-mươi-tám cõi ấy, càng lên cao bao nhiêu, thì thọ-mệnh càng lâu dài bấy nhiêu. Song vì hãy còn lậu-nghiệp (1) và ái-hoặc (2), cho nên chưa thoát khỏi được luân-hồi ở trong thế-gian. Bởi vậy trong các kinh thường nói rằng những bậc làm chủ-tể trên trời, như Phạm-thiên, Đế-Thích, vẫn phải tu-luyện để được giải-thoát.

---

1) Lậu-nghiệp : Cái nghiệp còn sót lại.
2) Ái-hoặc : Sự mê, sự lầm của lòng ái.

THẾ-GIỚI

Nay ta theo cái tư-tưởng của Phật-giáo mà xét các thế-giới ở trong không-gian và thời-gian là thế nào.

Ở trong không-gian.— Ở trong không gian có Hằng-hà sa-số thế-giới, nghĩa là không biết bao nhiêu mà kể cho xiết được. Nhưng trong các kinh nhà Phật thường gọi là tam thiên đại-thiên thế-giới 三千大千世界. Theo cái nghĩa chú-thích ở trong các kinh, thì tam thiên đại-thiên thế-giới là nói gồm cả Đại-thiên thế-giới 大千世界, Trung-thiên thế-giới 中千世界 và Tiểu-thiên thế-giới 小千世界. Vậy sau này ta xét xem thế nào là một thế-giới và tam thiên đại-thiên thế-giới là bao nhiêu thế-giới.

Đạo Phật cho mỗi một thế-giới có một quả núi Tu-di 須彌山. Tu-di-sơn là phần đất rất cao, chung-quanh có mặt trời mặt trăng và tứ thiên-hạ, tức là một cách nói như ngày nay gọi là một quả địa-cầu vậy. Ở dưới núi Tu-di là địa-ngục và ở bốn phía chung quanh núi là chỗ ở của người, a-tu-la, ngã-qui và súc-sinh, gọi là tứ thiên-hạ. Ở lưng chừng núi có cõi trời thứ nhất là Tứ-thiên-vương thiên, có bốn vị Thiên-vương ở, và ở trên đỉnh núi có cõi trời thứ hai là Điêu-lợi-thiên, là cõi trời vua Đế-Thích và 32 vị thần khác ở.

Lên quá núi Tu-di, ở trên không, cõi trời thứ ba là Dạ-ma-thiên, rồi đến cõi trời thứ tư là Đâu-xuất-thiên, cõi trời thứ năm là Hóa-lạc-thiên và cõi trời thứ sáu là Tha-hóa-thiên. Cõi trời thứ sáu này là cõi trời cùng tột trong Dục-giới, có Ma-vương Tự-tại-thiên làm chủ.

Hết Dục-giới lên đến Sắc-giới vào cõi Sơ-thiền Phạm-thế-thiên, gồm có ba cõi trời, là : Phạm-chúng-thiên, Phạm-phụ-thiên, và Đại-Phạm-thiên. Ở cõi trời Đại-Phạm-thiên có đấng Phạm-thiên, tiếng phạm gọi là Brahmâ, làm chủ-tể cả vạn vật ở trong thế-giới.

Vậy, một thế-giới, kể từ địa-ngục lên đến Đại-Phạm-thiên chia làm mấy tầng, có trời thánh, qui thần, nhân dân, cầm thú, thảo mộc, sơn hà, đại địa, ở trong Dục-giới và trong

Sơ-thiền-thiên, thuộc về Sắc-giới. Chỗ cùng tột lấm giới-hạn cho một thê-giới là cõi trời Sơ-thiền Phạm-thê-thiên che phủ khắp cả.

Song ở trong không-gian, không phải là chỉ có một thê-giới mà thôi. Cả một thê-giới như vừa nói đây, chỉ là một phần rất nhỏ ở trong vũ-trụ. Đạo Phật lấy tuệ-nhãn mà thấy rõ chỗ ấy, cho nên mới chia ra làm Tiểu-thiên thê-giới, Trung-thiên thê-giới và Đại-thiên thê-giới.

Tiểu-thiên thế-giới.— Tiểu-thiên thê-giới có nghìn thê-giới và một đệ-nhị Thiền-thiên che phủ chung-quanh. Đệ-nhị Thiền-thiên có ba cõi trời là Thiểu-quang-thiên, Vô-lượng-quang-thiên, và Quang-âm-thiên, thuộc về Sắc-giới.

Trung-thiên thế-giới.— Trên Tiểu-thiên thê-giới có Trung-thiên thê-giới. Mỗi Trung-thiên thê-giới có một nghìn Tiểu-thiên thê-giới, tức là một triệu thê-giới, một nghìn đệ nhị Thiền-thiên và một đệ tam Thiền-thiên Đệ tam Thiền-thiên che phủ chung-quanh Trung-thiên thê-giới và có ba cõi trời là Thiểu-tĩnh-thiên, Vô-lượng-tĩnh-thiên và Biến-tĩnh-thiên, thuộc về Sắc-giới.

Đại-thiên thê-giới.— Trên Trung-thiên thế-giới có Đại-thiên thê-giới. Mỗi Đại-thiên thê-giới có một nghìn Trung-thiên thế-giới, tức là một nghìn triệu thê-giới, một triệu đệ nhị Thiền-thiên, một nghìn đệ tam Thiền-thiên và một đệ tứ Thiền-thiên Đệ tứ Thiền-thiên che phủ chung quanh Đại-thiên thê giới và có chín cõi trời là : Vô-vân-thiên, Phúc-sinh-thiên, Quảng quả-thiên, Vô-tưởng-thiên, Vô-phiền-thiên, Vô-nhiệt-thiên, Thiện-kiến thiên, Thiện-hiện thiên, và Sắc-cứu-cánh-thiên, thuộc về tầng cùng tột của Sắc-giới. Ở cõi trời Sắc-cứu-cánh-thiên có đấng Tự-tại-thiên làm chủ cả tam-thiên Đại thiên thê-giới.

Xem như thê, thì ta hiểu những chữ « vô-lượng », « vô biên » nói ở trong các kinh, có cái nghĩa rộng lớn bao-la là thê nào. Nay muốn cho ai xem cũng dễ hiểu biết ngay, chúng tôi kê rõ cái số các thê-giới ra ở cái biểu sau này :

Một thế-giới	1 Tu-di sơn. 1 Mặt trời. 1 Mặt trăng. 1 Tứ thiên-hạ ở chung quanh núi Tu-di. 1 Tứ Thiên-vương-thiên ở lưng chừng núi Tu-di. 1 Điêu-lợi-thiên ở trên đỉnh núi Tu-di, cõi trời của vua Đế-Thích. 1 Dạ-ma-thiên. 1 Đâu-suất-thiên. 1 Hóa-lạc-thiên. 1 Tha-hóa-thiên, cõi trời của Ma-vương Tự-tại thiên. 1 Sơ-thiền Phạm-thế-thiên, cõi trời của Đại-Phạm-thiên.
Tiểu-thiên thế-giới (1000 thế-giới)	1000 Tu-di-sơn. 1000 Mặt trời. 1000 Mặt trăng. 1000 Tứ thiên-hạ. 1000 Tứ-Thiên-vương-thiên. 1000 Điêu-lợi-thiên. 1000 Dạ-ma-thiên. 1000 Đâu-suất-thiên. 1000 Hóa-lạc-thiên. 1000 Tha-hóa-thiên. 1000 Sơ-thiền Phạm-thế-thiên. 1 Đệ nhị Thiền-thiên.
Trung-thiên thế-giới (1.000.000 thế-giới)	1.000.000 Tu-di-sơn. 1.000,000 Mặt trời. 1.000.000 Mặt trăng. 1.000.000 Tứ thiên-hạ 1.000.000 Tứ Thiên-vương-thiên. 1.000.000 Điêu-lợi-thiên. 1.000.000 Dạ-ma-thiên. 1.000.000 Đâu-suất-thiên. 1.000.000 Hóa-lạc-thiên.

	1.000.000	Tha-hóa-thiên.
	1.000.000	Sơ-thiền Phạm-thế-thiên.
	1.000	Đệ-nhị Thiền-thiên.
	1	Đệ tam Thiền-thiên.
Đại-thiên thế-giới (1.000.000.000 thế-giới)	1.000.000.000	Tu-di-sơn.
	1.000.000.000	Mặt trời.
	1.000.000.000	Mặt trăng.
	1.000.000.000	Tứ thiên-hạ.
	1.000.000.000	Tứ Thiên-vương-thiên.
	1.000.000.000	Điều-lợi-thiên.
	1.000.000.000	Đạ-ma-thiên.
	1.000.000.000	Đâu-suất-thiên.
	1.000.000.000	Hóa-lạc-thiên.
	1.000.000.000	Tha-hóa-thiên.
	1.000.000.000	Sơ-thiền Phạm-thế-thiên.
	1.000.000	Đệ nhị Thiền-thiên.
	1.000	Đệ tam Thiền-thiên.
	1	Đệ tứ Thiền-thiên.

Cõi Sa-bà thế-giới ta ở đây là cõi gồm có cả tam thiên Đại-thiên thế-giới ấy, tức là một nghìn triệu thế-giới. Những vị thần lớn ở các cõi trời trong một thế-giới, có Ma-vương Tự-tại-thiên ở cõi trời thứ sáu, là thường vẫn lấy sự ảo-vọng mà bắt chúng sinh phải luân-hồi biến-hóa, để làm sự vui sướng của mình, cho nên cứ phản-đối đạo Phật, là đạo đem chân-lý mà làm cho mất những sự mê-hoặc, lấy ánh sáng của trí-tuệ mà phá tan những sự mờ-mịt tối-tăm. Còn các thần lớn khác như Đại-Phạm-thiên, Đế-Thích và tứ Thiên-vương đều hết sức ủng-hộ đạo Phật, để cầu sự giải-thoát. Bởi vậy ở trong chùa thờ Phật, chùa nào cũng có tượng thờ Đại-Phạm-thiên, Đế-Thích và tứ Thiên-vương.

Ở trong thời-gian.— Ở trong thời-gian, những thế-giới ấy không phải là cứ trường-cửu mãi mãi. Theo cái thuyết nói trong sách *Trí-độ-luận* 智度論 và sách *Phật-tổ thống-ký* 佛祖統記, thì các thế-giới cũng theo sự tuần-hoàn của tạo-hóa có thời *thành* 成, thời *trụ* 住, thời *hoại* 壞, thời

không 空. Những thời ấy tiếng nhà Phật gọi là kiếp 劫, do chữ kiếp-ba 劫波 (Kalpa) gọi tắt mà thành ra.

Kiếp có ba thứ : đại-kiếp, trung-kiếp và tiểu-kiếp. Mỗi đại-kiếp có bốn trung-kiếp là : thành-kiếp, trụ-kiếp, hoại-kiếp, và không-kiếp, và mỗi trung-kiếp có hai-mươi tiểu kiếp. Vậy một đại-kiếp có bốn trung-kiếp và tám-mươi tiểu-kiếp.

Cái số-lượng (1) của các kiếp tính theo cái số-lượng của trụ-kiếp, là kiếp đã có người sinh ra ở trần-gian. Cái số-lượng ấy định như thế này : Mỗi tiểu-kiếp có hai thời là thời giảm và thời tăng. Thời giảm khởi đầu từ thọ-mệnh của người ta lâu được 84.000 năm, rồi cứ mỗi một trăm năm giảm đi một năm, giảm mãi đến khi thọ-mệnh của người ta chỉ còn có mười năm. Hết cái khoảng một trăm năm mà người ta chỉ sống có mười năm, thì sang thời tăng, nghĩa là từ đó trở đi lại cứ mỗi một trăm năm lại tăng lên một năm, tăng mãi đến khi thọ-mệnh của người ta lại lâu được 84.000 năm như lúc đầu.

Theo cái số-lượng ấy mà tính, thì :

Mỗi thời giảm hay thời tăng có :

$$(84{,}000-10)\times 100 = 8.399.000 \text{ năm.}$$

Mỗi tiểu-hiệp (gồm cả thời giảm và thời tăng) có :

$$8.399.000 \times 2 = 16.798.000 \text{ năm.}$$

Mỗi trung-kiếp có : $16.798.000 \times 20 = 335.960.000$ năm.

Mỗi đại-kiếp có : $335.960.000 \times 4 = 1.343.840.000$ năm.

Hết một đại-kiếp là hết một tam thiên Đại-thiên thế-giới. Nhưng tam thiên Đại-thiên thế-giới này hết, thì tam thiên Đại-thiên thế-giới khác lại thành ra, cứ luân-chuyển mãi mãi như thế ở trong thời-gian.

Trong thời-kỳ thuộc về không-kiếp của đại-kiếp trước, thì thế-gian từ Sơ-Thiền Phạm-thế-thiên trở xuống là hư-không cả, sang đến thành-kiếp của Đại-kiếp sau thì các thế-giới khác lại thành-lập, khí-thế-gian 器世間 thành lập trước, rồi hữu-tình thế-gian 有情世間 thành lập sau.

---

1) Số-lượng : Cách lường tính theo số.

Khí-thế-gian là nói riêng về phần sơn hà, đại địa ở trong thế-gian, tức là núi sông đất đai, mà hữu-tình thế-gian là nói riêng về các sinh vật như người và các loài cầm thú, côn trùng, vân vân.

Sách *Phật-tổ thống-ký* nói rõ bốn thời *thành, trụ, hoại, không* trong một đại-kiếp như thế nầy.

Thành-kiếp.— Trong đệ nhất tiểu-kiếp của thành-kiếp ở trong tầng trời Quang-âm thiên là tầng trời thứ ba của đệ nhị. Thiên-thiên, thuộc về Sắc-giới, có mây vàng che phủ, rồi đổ cơn mưa lớn xuống, nước mưa tích lại ở trên cái phong-luân, nghĩa là trên luồng gió quay. Sau có gió lớn thổi mạnh làm cho nước thành ra có bọt ; bọt ấy thành ra núi Tu-di. Ấy thế là khởi đầu có khí-thế-gian. Khi ấy hết thảy các giống hữu-tình ở cả trên tầng trời Quang-âm-thiên chen-chúc đông-đúc lắm. Trong những hữu-tình ấy có ai đã kém phúc rồi, thì phải sinh xuống cõi dưới; thoạt đầu tiên có một vị người trời chết ở trên tầng trời Quang-âm rồi sinh xuống cõi trời Đại-phạm thiên làm Phạm-vương thọ được 60 tiểu-kiếp.

Sang tiểu-kiếp thứ ba các vị người trời ở cõi Quang-âm thiên lại xuống sinh ra ở Sơ-thiền Phạm-thế-thiên làm Phạm-chúng thiên, mỗi người thọ được 20 tiểu-kiếp. Rồi sau cứ dần dần sinh xuống các tầng trong Dục-giới. Sau rốt những bậc người trời ở trên cõi Quang âm thiên, có ai hết phúc xuống trần thế, hóa sinh làm người ta ở cõi đời. Lúc đầu người ta hoặc bay, hoặc đi, tùy ý và không có hình tướng đàn ông đàn bà gì cả. Bấy giờ ở đất có suối ngọt, chảy ra những chất có vị ngọt như sữa, như mật, người ta mới nếm quen, thành ra cái tính ưa vị ngọt, rồi mất cả thần-thông và cái sáng ở thân mình. Dần dần thế-gian mờ tối, gió đen thổi xuống biển, làm cho mặt trời mặt trăng nổi lên ở lưng chừng núi Tu-di, chiếu khắp bốn thiên-hạ, sinh ra có ngày có đêm. Chúng sinh lúc ấy do sự ham-mến các vị ở đất mà nhan sắc xấu kém đi, và lại ăn lúa gạo mà có tàn uế (1) ở trong mình. Vì có cái lòng dục cứ

---

1) Tàn-uế : Bã bẩn.

muốn kén chọn, mới sinh ra hai đạo là có trai và có gái ; vì có cái sức tập quen lâu ngày, mới sinh ra dâm-dục mà có vợ chồng ở với nhau. Từ đó những người ở tầng trời Quang-âm thiên giáng sinh, thì phải đầu thai ở trong bụng mẹ, thành ra có thai sinh.

Trụ-kiếp.— Qua sang trụ-kiếp là thời-kỳ các thế-giới đã yên trụ rồi, đến tiểu-kiếp thứ tám, tức là Trung-nghiêm kiếp có ba vị Phật ra đời, là Tì-bà-thi Phật, Thi-khí Phật và Tì-xá-phù Phật. Đến tiểu-kiếp thứ chín là Hiền-kiếp bây giờ, vào thời giảm, khi thọ-mệnh của người ta giảm đến 50.000 năm, thì có Câu-lưu-tôn Phật ra đời ; giảm đến 40.000 năm, thì có Câu-na-hàm Phật ; giảm đến 20.000 năm thì có Ca-diếp Phật ; giảm đến 100 năm thì có Thích-ca-mâu-ni Phật. Đến tiểu-kiếp thứ mười, khi thọ mệnh của người ta giảm đến 80.000 năm, thì có Di-lặc Phật sẽ ra đời. Từ tiểu-kiếp thứ mười-lăm đến tiểu-kiếp thứ hai-mươi còn có 992 vị Phật nữa ra đời, cộng tất cả là 1.000 vị ra đời trong trụ-kiếp.

Hoại-kiếp — Hoại-kiếp là thời-kỳ các thế-giới tan nát hết. Từ tiểu-kiếp thứ nhất đến tiểu-kiếp thứ 19 trong trung-kiếp này, hỏa tai khởi từ địa-ngục lên đến Sơ-thiền Phạm-thế-thiên trong Sắc-giới, các loài hữu-tình mất hết, chỉ còn trơ cái khí-thế-gian bỏ không. Đến tiểu-kiếp thứ 20 có bảy mặt trời ở đáy biển mọc lên, biển lớn cạn khô, núi Tu-di lở nát, gió thổi lửa bốc lên mạnh, cháy đến cõi Phạm-thế thiên. Ấy thế là tam thiên Đại-thiên thế-giới đều thành ra tro hết.

Không-kiếp.— Không-kiếp là thời-kỳ sau hoại-kiếp, từ cõi Sơ-thiền Phạm-thế-thiên trở xuống các thế-giới đều không có nữa. Trong khoảng 20 tiểu-kiếp về thời-kỳ ấy, thế-gian bỏ trống không như cái hang tối, không có mặt trời mặt trăng, không có ngày đêm gì cả, chỉ là tối tăm mờ mịt. Song hết không-kiếp ấy lại khởi đầu có thành-kiếp khác.

Đó là nói đại khái cái tư-tướng của Phật-giáo về thế-gian ở trong vũ-trụ. Nguyên lúc đầu đạo Phật chỉ chủ lấy sự hiểu đạo để cầu giải-thoát mà thôi, sau dần dần các nhà Phật-học

mới đem đạo lý bàn rộng ra và lập ra các thuyết. Từ đó cái tư-tưởng về thế-gian mới thành ra phổ-thông ở trong Phật-giáo. Cái tư-tưởng ấy huyền-diệu bao-la, ta không thể lấy cái trí phàm trần nhỏ hẹp mà xét đoán được Nhưng ta cần phải biết rõ mọi thuyết, để mà so sánh với sự học-thức của ta ở đời nay vậy.

V

SỰ THỜ-PHỤNG VÀ CÁCH BÀI-TRÍ CÁC TƯỢNG TRONG CHÙA

Cách bài-trí các tượng chư Phật, chư Bồ-tát cùng các vị thần thánh ở trong chùa, tuy vẫn có qui-thức và ý-nghĩa rõ-ràng, nhưng vì xưa nay không có sách-vở nào ghi chép cho tinh-tường, thành thử người ta vào chùa không phân-biệt được pho tượng nào thờ vị nào. Nay ta muốn biết rõ, thì trước hết phải phân-biệt tượng thờ chư Phật và tượng thờ chư Bồ-tát.

Tượng thờ chư Phật tạc theo những tướng lạ đã nói ở trong kinh, nhất là những tướng đã biểu-lộ ra ngoài, như là trên đỉnh đầu có cái gồ thịt nổi cao lên tựa búi tóc, mặt tròn và ở phía dưới trán, chỗ hai lông mày giao với nhau, có cái nốt thịt gọi là bạch-ngọc-hào, hai tay dầy và dài, ngực có ngấn chữ vạn 卐, mình vàng sắc hoàng-kim. Tượng nào cũng để ngồi lồi phù-giả, nghĩa là ngồi xếp-bằng trên tòa sen, dáng-điệu thuyết-pháp hoặc là làm hiệu bồ-thí. Bởi vì tượng Phật thường làm ộ viên-đỉnh (1) không mấy khi đội mũ, để tóc xoăn như con ốc, cho nên tục gọi là tượng Bụt ốc.

Tượng thờ chư Đại Bồ-tát, thì đầu đội mũ bảo-quan, cổ đeo anh-lạc, nghĩa là đeo dây châu báu, hoặc ngồi, hoặc đứng trên tòa sen, có khi cưỡi trên con thú, tay cầm pháp bảo hay cầm quyết, là hiệu riêng của từng vị.

Tại sao tượng chư Phật và chư Đại-Bồ-tát thường để ngồi hay đứng trên hoa sen ? Nguyên trong các thứ hoa, có hoa sen biểu-thị được rõ-ràng cái ý-nghĩa đạo Phật. Một là đạo Phật, nói rút lại, là đạo nói về nhân với quả : nhân không lìa quả, quả không lìa nhân, mà hoa sen là hoa có cả nhân và quả, đồng thời cùng sinh ra một lúc. Hai là hoa sen sinh trưởng ở

---

(1) Viên đỉnh : Đỉnh đầu tròn

chỗ có bùn có nước, nổi lên trên mặt bùn mặt nước, mà không nhiễm mùi bùn mùi nước. Ví như Phật sinh trưởng ở thế-gian, làm những điều ra ngoài thế-gian, mà không nhiễm chư pháp của thế-gian. Vậy nên nhà Phật lấy hoa sen làm biểu-hiệu để hiện-lộ ra cái chính-giác của Phật không có chút gì là nhiễm-trược cả. (Trung A-hàm uê-phẩm thanh-bạch liên-hoa dụ, quyển VI).

Vì cái nghĩa ấy, cho nên nói rằng : « *Liên-hoa li chư nhiễm-ô* 蓮花離諸染汙 : hoa sen lìa bỏ các thứ dơ bẩn », và thường lấy hoa sen mà đặt những tên như *Diệu-pháp liên-hoa kinh* 妙法蓮花經, *liên-hoa ấn* 蓮花印, *liên-hoa tọa* 蓮花座 v. v.

Phái Tĩnh-thổ trong đạo Phật cũng lấy hoa sen mà ví đất Tĩnh-thổ, bởi vậy mới nói rằng : « *Di-đà chi Tĩnh-thổ, dĩ liên-hoa vi sở cư, cố chỉ Tĩnh-thổ viết liên* 彌陀之淨土, 以蓮花爲所居, 故指淨土曰蓮 : Đất Tĩnh-thổ của Phật Di-đà là lấy hoa sen làm chỗ ở, cho nên gọi Tĩnh-thổ là sen ». Cũng vì thế, cho nên nói rằng những người được Phật độ về cõi Tĩnh-thổ đều do hoa sen mà hóa sinh ra ở cõi ấy.

Cái nghĩa chư Phật và chư Đại Bồ-tát ngồi trên tòa sen là thế. Đã lấy hoa sen làm cái biểu-hiệu xuất thế-gian, tức là có cái nghĩa hàm tàng cả thế-gian, cho nên trong kinh nói rằng : « *Chư Phật thường dĩ liên-hoa vi tọa sàng giả, cái thủ liên-hoa tàng thế-giới chi nghĩa. Liên hoa tàng thế-giới giả, báo thân Phật chi Tĩnh-thổ giả :* 諸佛常以蓮花爲坐床者, 蓋取蓮花藏世界之義. 蓮花藏世界者, 報身佛之淨土也 : Chư Phật thường lấy hoa sen làm chỗ ngồi, là lấy cái nghĩa hàm tàng thế-giới, tức là cõi Tĩnh-thổ của báo-thân Phật ».

Vậy chư Phật và chư Đại Bồ-tát là bậc ra ngoài thế-gian, cho nên để ngồi trên tòa sen, còn những bậc thần thánh ở trong thế-gian, thì có tượng thờ Phạm-thiên và Đế-Thích mặc áo long-bào, đội mũ miện, ngồi ngai như vị hoàng-đế ; tượng thờ bốn vị Bồ-tát hình dáng thiên-thần ; tượng thờ tám vị Kim-cương mặc áo giáp, đội mũ trụ, cầm binh khí, hình dáng võ tướng.

Ta đã nhận rõ hình dáng các tượng ở trong chùa như thế

rồi, bây giờ muốn biết cách bài-trí các tượng ở trong chùa thế nào là đúng qui-thức, thì tưởng nên chia nhà chùa ra làm bốn lớp như sau này : Điện thờ Phật, — nhà bái-đường ở trước điện thờ Phật, — nhà hành-lang ở hai bên chùa, — nhà tăng-đường hay nhà tổ.

A. — ĐIỆN THỜ PHẬT

Chùa nào ở trước chính điện cũng có ba cửa Tam-quan làm rộng lớn, tầng trên thường để làm gác chuông. Tam quan 三觀 nghĩa là ba điều xem-xét cho rõ trong đạo Phật. Ba điều ấy là không-quan 空觀, dả-quan 假觀 và trung-quan 中觀. Không-quan là xét sự vật gì cũng không có thực tính và thực tướng, tức là cái gì cũng không cả ; dả-quan là xét đủ hết cả chư pháp đều biến hóa vô thường, tức là dả cả ; trung-quan là xét theo cái lẽ không phải là không và không phải là dả, trung chính ở giữa có cả không và dả, đó là chỗ yêu-trọng ở con đường vào cửa Phật. Bởi vậy người ta mới làm ba cái cửa để biểu-thị ba cái lẽ chân thực ấy.

Khi đã vào trong chùa, thì chỗ cần xem nhất là điện thờ Phật. Cách bài-trí các tượng ở trong chùa rất có ý-nghĩa : lớp trên cùng ở trong xa, thờ hết thảy chư Phật ; lớp dưới ở giữa điện thờ Phật và Bồ-tát chủ việc tiếp-dẫn chúng sinh về Cực-lạc ; lớp thứ ba thờ Phật và Bồ-tát chủ việc giáo-hóa chúng sinh ở cõi Sa-bà, là cõi thế-giới ta ở đây ; lớp thứ tư thờ Phật Thích-ca mới giáng sinh ra ở đời và hai vị Thiên-vương làm chủ-tế trên cõi trời ; các lớp ngoài nữa thờ bốn vị Thiên-vương và Thiên-thần chủ việc hộ-trì Phật pháp. Theo cái ý-nghĩa ấy, thì ở trong điện thờ Phật phải có bốn lớp hay là sáu lớp kể từ trong cùng điện ra đến ngoài bái-đường.

a) **Tượng tam-thế**. Lớp trên cùng tột, ở chỗ giáp vách gần nóc chùa, có ba pho tượng nhỏ để ngang một dãy, khuôn khổ bằng nhau, hình dáng giống nhau, gọi là tượng Tam-thế 三世. Tam-thế là nói tổng-hợp hết thảy chư Phật ở đời quá-khứ, đời hiện-tại và đời vị-lai, tức là trỏ chung cả các cõi Phật trong thời-gian, cho nên để chỗ rất cao mãi trong xa.

Tượng Tam thế quá-khứ, hiện-tại, tương-lai Phật

b) **Tượng Di-đà tam-tôn.** Lớp thứ hai có ba pho tượng lớn ; pho tượng ngồi giữa là tượng đức A-di-đà, pho tượng đứng bên tả là tượng đức Quan-thế-âm, pho tượng đứng bên hữu là tượng đức Đại-thế-chí. Ba pho tượng này thờ đức Phật và hai đức Bồ-tát ở Tây-phương Cực-lạc, chủ việc cứu độ chúng sinh. Tuy cõi Cực-lạc là cõi Phật, nhưng có duyên với cõi Sà-bà là cõi trần ta này, cho nên để gần hơn lớp thờ Phật tam thế.

c) **Tượng đức Thích-ca giáo-chủ.** Lớp thứ ba có ba pho tượng lớn : Pho tượng lớn ngồi giữa là đức Thích-ca mầu-ni, pho tượng ở bên tả hoặc đứng trên tòa sen, hoặc ngồi trên con sư-tử xanh, là tượng đức Văn-thù Bồ-tát, pho tượng ở bên hữu hoặc đứng trên tòa sen, hoặc ngồi trên con voi trắng là tượng đức Phổ-hiền Bồ-tát.

Ở lớp thứ ba này có nhiều chùa làm tượng đức Thích-ca mầu-ni ngồi cầm hoa sen, gọi là tượng niêm-hoa để ở giữa, bên tả để tượng Ca-diếp tôn-giả về mặt già, bên hữu để tượng A-nan-đà tôn-giả về mặt trẻ, là hai vị đại đệ-tử của Phật Thích-ca lúc còn ở thế-gian. Tượng hai vị tôn-giả ấy đều tạc đứng, hình dáng hai người tỉ-khâu.

Lớp này thờ đức Phật làm giáo-chủ ở Sa-bà thế-giới và các vị Bồ-tát giúp Phật mà giáo-hóa chúng sinh, cho nên để gần ở ngoài.

d) **Tượng Cửu-long.** Lớp thứ tư có pho tượng Cửu-long để giữa. Tượng này làm theo điển nói khi đức Thích-ca mầu-ni mới giáng sinh, có chín con rồng xuống phun nước cho ngài tắm, đoạn rồi ngài bước đi bảy bước, tay tả chỉ lên trời, tay hữu chỉ xuống đất mà kêu lên rằng : « *Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn* 天上天下唯我獨尊 : Trên trời, dưới trời chỉ có ta là tôn-quí hơn cả ». Bởi vậy tượng Cửu-long làm chín con rồng vây bọc chung quanh và ở trên những đám mây có chư Phật, chư thiên, nhã-nhạc, cờ phướn và bát bộ Kim-cương, ở giữa có một pho tượng nhỏ, đứng một tay chỉ lên trời và một tay chỉ xuống đất. Đó là tượng đức Thích-ca mầu-ni lúc sơ sinh.

Bên tả tượng Cửu-long có tượng Đế-Thích ngồi ngai, mặc áo đội mũ hoàng-đề, bên hữu có tượng Đại-Phạm-thiên cùng một kiểu như tượng Đê-Thích. Đó là theo điển nói hai vị Đại-Thiên-vương này làm chú-tể ở cõi Sa-bà thê-giới và lúc nào cũng hộ-trì đức Thích-ca khi ngài chưa thành Phật. Sa-bà thê-giới là cõi đời ta ở đây, cho nên mới để tượng Cửu-long và tượng Phạm-thiên Đê-Thích ở lớp ngoài cùng.

Những chùa thường, ở trong điện thờ Phật chỉ bày có thê mà thôi. Còn những chùa rộng lớn thì bày thêm hai lớp tượng nữa, là :

e) **Tượng tứ Thiên-vương.** Ở ngoài tượng Cửu-long để bốn pho tượng tứ Thiên-vương mặc áo vương phục, bày làm hai dãy đối nhau, tức là bốn vị hộ-thê.

f) **Tượng tứ Bồ-tát.** Có chùa bỏ tượng tứ Thiên-vương mà bày tượng bốn vị Bồ-tát, tạc hình thiên thần, gọi là Ái Bồ-tát 愛菩薩, tay cầm cái tên ; Sách Bồ-tát 索菩薩, tay cầm cái dây ; Ngữ Bồ-tát 語菩薩 tay cái lưỡi ; Quyền Bồ-tát 拳菩薩 tay nắm lại và để vào ngực.

g) **Tượng bát bộ Kim-cương.** Có nhiều chùa tạc tượng tám vị Kim-cương, là thần tướng trên trời, thường gọi là bát bộ Kim-cương :

1— Thanh-trừ-tai Kim-cương 青除災金剛.
2— Tích-độc-thần Kim-cương 穢毒神金剛.
3— Hoàng-tùy-cầu Kim-cương 黃隨求金剛
4— Bạch-tĩnh-thủy Kim-cương 白淨水金剛.
5— Xích-thanh-hỏa Kim-cương 赤青火金剛.
6— Định-trừ-tai Kim-cương 定除災金剛.
7— Tứ-hiền Kim-cương 緊賢金剛.
8— Đại-thần-lực Kim-cương 大神力金剛.

Bốn vị Bồ-tát và tám vị Kim-cương này, theo những điển ở trong các kinh, thì có nhiều thuyết khác nhau, song đại ý là nói những bậc thần đã phát bồ-đề-tâm, đem thần lực mà hộ-trì Phật pháp.

Theo cho đúng qui-thức, thì ở trong điện thờ Phật phải bầy như thế, mới có ý-nghĩa. Vì rằng chư Phật là bậc đại-giác viên-mãn đã xuất thế-gian rồi, thì ở xa trên cùng. Đức Phật A-di-đà chủ việc cứu-thế ở cõi Cực-lạc và đức Phật Thích-ca mâu-ni chủ việc giáo-hóa ở cõi Sa-bà, thì để chính giữa điện. Các vị Bồ-tát là những bậc có lòng từ-bi bác-ái đem trí-tuệ và chân-lý mà giúp Phật trong việc cứu-độ chúng sinh, thì để hai bên cạnh Phật. Còn những bậc ở trong thế-gian mà có thần-uy thế-lực như các vị Thiên-vương và có sức mạnh rất lớn như các vị Kim-cương, thì để ở ngoài cùng để hộ-trì Phật pháp.

Cách bài trí khác ở các chùa.— Ở các chùa, có nhiều chùa hoặc vì không biết, hoặc vì tùy tiện, hoặc vì lẽ gì ta không rõ, bày các tượng thờ ở trong điện không đúng cái qui-thức đã nói ở trên. Đại khái thì chùa nào cũng có tượng Tam-thế, và tượng đức A-di-đà, nhưng từ lớp thứ ba trở xuống thì có mấy cách khác như sau này :

1.— Một cách là ở lớp thứ ba bỏ ba pho tượng Thích-ca mâu-ni, Văn-thù và Phổ-hiền, mà để tượng đức Di-lặc thay vào.

Tượng Di-lặc ở nước ta thường làm một ông rất béo đầy, bụng phệ-nệ, ngồi ngửa lưng về đằng sau, miệng cười hớn-hở có vẻ rất sung-sướng, tỏ ý là không có lo buồn điều gì. Bởi vậy tục thường gọi là « ông Vô-lo ». Cũng có chùa làm đủ ba pho tượng Di-tặc tam-tôn : ở giữa là đức Di-lặc, bên tả là tượng Pháp-hoa-lâm Bồ-tát, bên hữu là tượng Đại-diệu-tướng Bồ-tát, Có nhiều người không biết, gọi lầm hai vị Bồ-tát ấy là Quan-thế-âm và Đại-thế-chí.

Cũng có chùa trên để tượng Tuyết-sơn là tượng đức Thích-ca khi tu phép khổ-hạnh ở trong núi Tuyết-sơn, hình-dáng gầy-còm, da bọc lấy xương ; dưới để thêm tượng Di-lặc. Người thường thấy tượng Di-lặc béo tốt, chỉ mặc có manh áo lơ-thơ,

để phơi cả ngực và bụng ra, mà tượng Tuyết-sơn thì lại gầy-còm mà lại có áo che kín, bèn gọi tượng Di-lặc là « ông nhịn mặc mà ăn » và tượng Tuyết-sơn là « ông nhịn ăn mà mặc ».

2.— Một cách là ở lớp thứ ba để tượng Di-lặc và ở lớp dưới để tượng Thiên-thủ thiên-nhãn Quan-thế-âm, rồi mới đến tượng Cửu-long. Cũng có chùa gọi tượng Thiên-thủ ấy là tượng đức Chuẩn-đề Quan-âm.

3.— Một cách là có nhiều chùa bỏ hai tượng Đại-Phạm-thiên và Đế-Thích, mà bày ra ngoài tượng Cửu-long ba pho: giữa là tượng Ngọc-hoàng, bên tả là tượng thần Nam-tào, bên hữu là tượng thần Bắc-đẩu. Ngọc-hoàng là chủ-tể trên cõi trời, Nam-tào là thần coi việc sinh, Bắc-đẩu là thần coi việc tử. Ba vị thần này thuộc về Đạo-giáo, nhưng không hiểu tại sao lại đem vào thờ với Phật. Có lẽ là về những đời Đường đời Tống bên Tàu, Đạo-giáo rất thịnh-hành, có khi lấn cả Phật-giáo, chư tăng bên Phật-giáo mới đem những vị thần bên Đạo-giáo vào thờ trong chùa, để tỏ ý dung-hòa cả hai tôn-giáo chăng. Có người lại nói rằng đó là chỉ để thờ những vị thần coi việc sinh tử họa phúc ở thế-gian mà thôi, chứ không có ý gì khác cả.

4.— Một cách là bày thêm ở hai bên nách chùa về phía trong cùng, tượng đức Quan-thế-âm và tượng đức Đại-thế-chí, hoặc tượng đức Văn-thù và tượng đức Phổ-hiền. Có khi lại bày một bên là tượng đức Phật-bà Diệu-Thiện, một bên là tượng đức Quan-âm tọa-sơn hay là tượng đức Quan-âm tống-tử, tức là đức Quan-âm Thị-Kính. Cũng có khi cả hai bên bày hai tượng hóa-thân của đức Quan-âm, hoặc tượng đức Di-lặc và tượng đức Địa-tạng.

Đại khái cách bài-trí trong điện thờ Phật ở những chùa xứ Bắc-kỳ là thế. Ít lâu nay có nơi làm chùa mới, chỉ tạc có một pho tượng Phật để thờ ở giữa điện. Như thế, người ta không biết rõ là tượng thờ đức A-di-đà hay là tượng thờ đức Thích-ca mâu-ni, thành ra lại khó hiểu lắm và không đúng cái ý-chỉ của phái Đại-thặng.

Các kiểu tượng.— Ta nên biết rằng trong chư Phật chư Bồ-tát thờ ở các chùa nước Nam ta, chỉ có tượng đức Thích-ca và đức Quan-thế-âm là có nhiều kiểu hơn cả.

Tượng đức Thích-ca có bốn kiểu như sau này :

1·) Tượng Cửu-long tạc theo điển lúc đức Thích-ca sơ sinh.

2·) Tượng Tuyết-sơn tạc theo điển lúc đức Thích-ca tu khổ-hạnh.

Hiện nay ở Bắc-kỳ, chùa Tây-phương, thuộc phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây, có cái tượng Tuyết-sơn tạc rất khéo, và chùa Bút-tháp thuộc phủ Thuận-thành tỉnh Bắc-ninh, có pho tượng Tuyết-sơn cũng có mỹ-thuật. Hai pho tượng ấy thật đáng xem.

3·) Tượng Thuyết-pháp hay tượng Niêm-hoa tạc theo điển lúc đức Thích-ca đã thành Phật.

4·) Tượng Nát-bàn tạc theo điển lúc đức Thích-ca vào Nát-bàn, nằm nghiêng về bên tả, gối đầu về bên cánh tay tả. Kiểu này ở nước ta không có mấy, chỉ ở bên Lào và bên Xiêm, thuộc về phái Tiểu-thặng mới có nhiều.

Tượng đức Quan-thế-âm có sáu kiểu như sau này :

1·) Tượng đức Chuẩn-đề Quan-âm, theo đúng trong sách, thì phải làm có 3 mắt và 18 tay cầm pháp bảo, nhưng thường chỉ làm có nhiều tay mà thôi.

2·) Tượng đức Thiên-thủ thiên-nhỡn Quan-thế-âm, tạc theo điển bà Diệu-Thiện, nhưng thường chỉ làm được một trăm tay là cùng. Chỉ có chùa Bút-tháp, thuộc tỉnh Bắc-ninh, làm được một kiểu có nhiều đầu và có nghìn tay nghìn mắt rất là tinh-xảo.

3·) Tượng Phật-bà Quan-âm đội mũ ni, hoặc đứng hoặc ngồi trên tòa-sen, tay cầm lọ nước cam-lộ và cành dương-liễu.

4·) Tượng Quan-âm tọa-sơn, làm ngồi trên núi đá.

5·) Tượng Phật-bà Quan-âm ngồi trên tòa sen để trên đầu một người. Đó là theo cái điển nói có giống yêu-quái hay hiện ra làm tên lái-đò để quấy-nhiễu hành khách. Đức

Quan-âm làm phép bắt nó phải đội tòa sen, để trừ hại cho chúng sinh.

6·) Tượng Phật-bà Thị-kính bay là Quan-âm tòng-tử, tạc theo điển nàng Thị-Kính, người nước Cao-ly, lấy chồng là Thiện-sĩ, bị chồng ngờ là thất tiết. Nàng bèn cải nam hình đi tu, pháp-danh là Kính-tâm, lại bị Thị-mầu đổ oan tình cho, nàng phải nuôi một đứa trẻ thơ. Sau được chứng chính-quả thành Phật. Tượng này làm ngài ngồi bế đứa trẻ ở bên cạnh có con vẹt đậu trên núi đá. Con vẹt ấy là hậu thân của Thiện-sĩ.

Những tượng Quan-âm ở nước ta thường là nữ tướng cả chỉ có tượng Chuẩn-đề và tượng Thiên-thủ thiên-nhỡn là không phân biệt nam hay nữ.

B.— NHÀ BÁI ĐƯỜNG

a) **Tượng Hộ-pháp.**— Ở nhà bái-đường là nhà ngang liền với điện thờ Phật, thì các chùa thường có hai pho tượng rất lớn, mặc áo giáp đội mũ trụ, cầm binh khí, hình dáng hai người võ-sĩ rất dữ-tợn, hoặc đứng hoặc cưỡi trên hai con sâu. Đó là tượng hai vị Hộ-pháp, bên tả là vị Khuyến-thiện, bên hữu là vị Trừng-ác. Người ta thường gọi tắt là ông Thiện và ông Ác. Những điển nói về hai ông Hộ-pháp này có nhiều chỗ khác nhau. Nhưng chung qui cũng là hai vị thiên thần có sức mạnh chuyên coi việc hộ-trì Phật pháp.

Những chùa thật cổ chỉ làm có một vị Hộ-pháp gọi là Vi-đà thiên-tướng-quân 韋默天將軍, tức là một vị thiên tướng vâng sắc chỉ của Phật hộ-trì Phật pháp trong ba châu là Đông-châu, Tây-châu và Nam-châu, cho nên người ta thường gọi là Tam-châu Hộ-pháp 三洲護法.

b) **Ban thờ Thổ-địa-thần.** Ở nhà bái-đường có ban thờ Thổ-địa-thần, tức là vị thần coi giữ cõi đất. Sách *Tượng-khí* 像器 nói rằng : « Thổ-địa-đường, tức là nhà bái-đường, thờ Thổ địa-thần và Hộ-pháp-thần, mà ban thờ Thổ địa-thần thì ở

Tượng Hộ-pháp

phía đông phật điện ». Ở các chùa, thì ban thờ Thổ-địa-thần để về bên tả bái-đường, có pho tượng tạc mặt đỏ, trông rất uy-nghiêm, tục gọi là đức ông trông-coi tài-sản và các khí vật trong chùa, khiến kẻ gian-phi không được xâm-phạm Cũng có chùa tạc tượng Thổ-địa-thần làm một người già râu bạc, mặt trông hiền-hậu. Nhưng người ta cho như thế không đúng cái nghĩa thờ Thổ-địa-thần.

c) **Ban thờ Long-thần**. Ở bên cạnh ban thờ Thổ địa-thần có ban thờ Long-thần. Người ta nói vị Long-thần này là một Long-vương đã quy Phật và có công hộ-trì Phật pháp. Nhưng xét ra trong các kinh thường nói rằng : « Khi Phật thuyết pháp thì có thiên long bát bộ 天龍八部 đều đến nghe ». Thiên là các bậc ở cõi trời, long là các long-thần, và sáu bậc quỉ thần khác nữa, gọi gồm cả là bát bộ. Có lẽ người ta không hiểu rõ nghĩa bốn chữ ấy mà nhận lầm là một vị Long-thần chăng.

d) **Ban thờ thánh-tăng**. Ở phía bên hữu nhà bái-đường, các chùa ta còn có ban thờ vị Thánh-tăng Sự thờ vị Thánh-tăng sẽ nói ở mục nhà tăng-đường.

e) **Động Thập-điện**. Ở nhà bái-đường những chùa lớn thường làm ở vách hai bên tả hữu mười cái động ở âm-ty, gọi là động thập-điện. Đáng lẽ nên để tượng 18 vị La-hán ở hai bên nhà bái-đường, mà để động thập-điện ở nhà hành-lang thì mới đúng. Vì các vị La-hán là đệ-tử Phật, vâng sắc-lệnh của Phật ở lại thế-gian mà giữ Phật pháp. Nhưng có lẽ vì không đủ chỗ, cho nên mới đem để các vị La-hán ở nhà hành-lang mà để động thập-điện ở nhà bái-đường.

Những động này thường làm theo điển đã nói ở trong kinh *Địa-tạng bản-nguyện*, phô bày những hình phạt ở âm-ty để trừng-giới những kẻ gian-ác. Trong những động ấy có tượng các vua Diêm-vương, các phán quan cùng những ngục-tốt là qui-sứ đầu trâu mặt ngựa rất là hung-tợn, và bày ra các ngục hình, như bàn trông, vạc dầu vân vân, rất gớm ghê.

Sách nhà Phật nói rằng : « Ở dưới âm-ty có 10 ông vua coi 10 điện, gọi là Thập-điện Diêm-vương. Mười ông vua ấy là :

1— Tần-g ng-vương 秦廣王, coi điện thứ nhất.
2— Sở-gi g-vương 楚江王, coi điện thứ hai.
3— Tòng-đế-vương 宋帝王, coi điện thứ ba.
4— Ngũ-quan-vương 伍官王, coi điện thứ tư.
5— Diêm-la-vương 閻羅王, coi điện thứ năm.
6— Biên-thành-vương 變成王, coi điện thứ sáu.
7— Thái-sơn-vương 泰山王, coi điện thứ bảy.
8— Bình-đẳng-vương 平等王, coi điện thứ tám.
9— Đô-thị-vương 都市王, coi điện thứ chín.
10— Chuyển-luân-vương 轉輪王, coi điện thứ mười.

Theo các điện trong sách, hễ người nào chết, thì linh hồn phải qua mười điện ấy để Diêm-vương xét hỏi các công-đức và các tội-lỗi mà định sự thưởng sự phạt theo cái nghiệp-báo của người ấy.

Chùa nào có động Thập-điện thì hay làm riêng ra một chỗ ở đàng sau điện thờ Phật. Cũng có nhiều chùa không làm thành động chỉ làm tượng mười vị Diêm-vương và đặt ban thờ hoặc ở hai bên điện thờ Phật, hoặc ở hai bên nhà bái-đường, mỗi ban để thờ năm vị.

C.— NHÀ HÀNH-LANG.

Nhà hành-lang là hai dãy nhà dài làm ở hai bên chùa đi thông vào nhà hậu-đường. Ở giáp tường nhà hành-lang thường có mỗi bên chín pho tượng, có khi làm to bằng người thật, ngồi trên núi đá hoặc ở gốc cây, hình-dáng pho nào cũng có bộ nghĩ-ngợi trầm-mặc, gọi gồm cả là Thập-bát La-hán 十八羅漢.

La-hán là do chữ phạm A-la-hán 阿羅漢 (Arahat) gọi tắt. Đạo Phật gọi A-la-hán là những bậc đã tu đến chỗ không sinh không tử; không có gì phải học nữa, cho nên có nghĩa là vô-học 無學, hay là vô-sinh 無生 và lại có nghĩa là sát-tặc 殺賊, tức là nói giết được cái giặc phiền-não.

Ở các chùa bên Tây-tạng, bên Tàu và bên Việt-nam ta thường làm mười-tám vị La-hán, nhưng trong các sách chỉ

Tượng Hộ-pháp

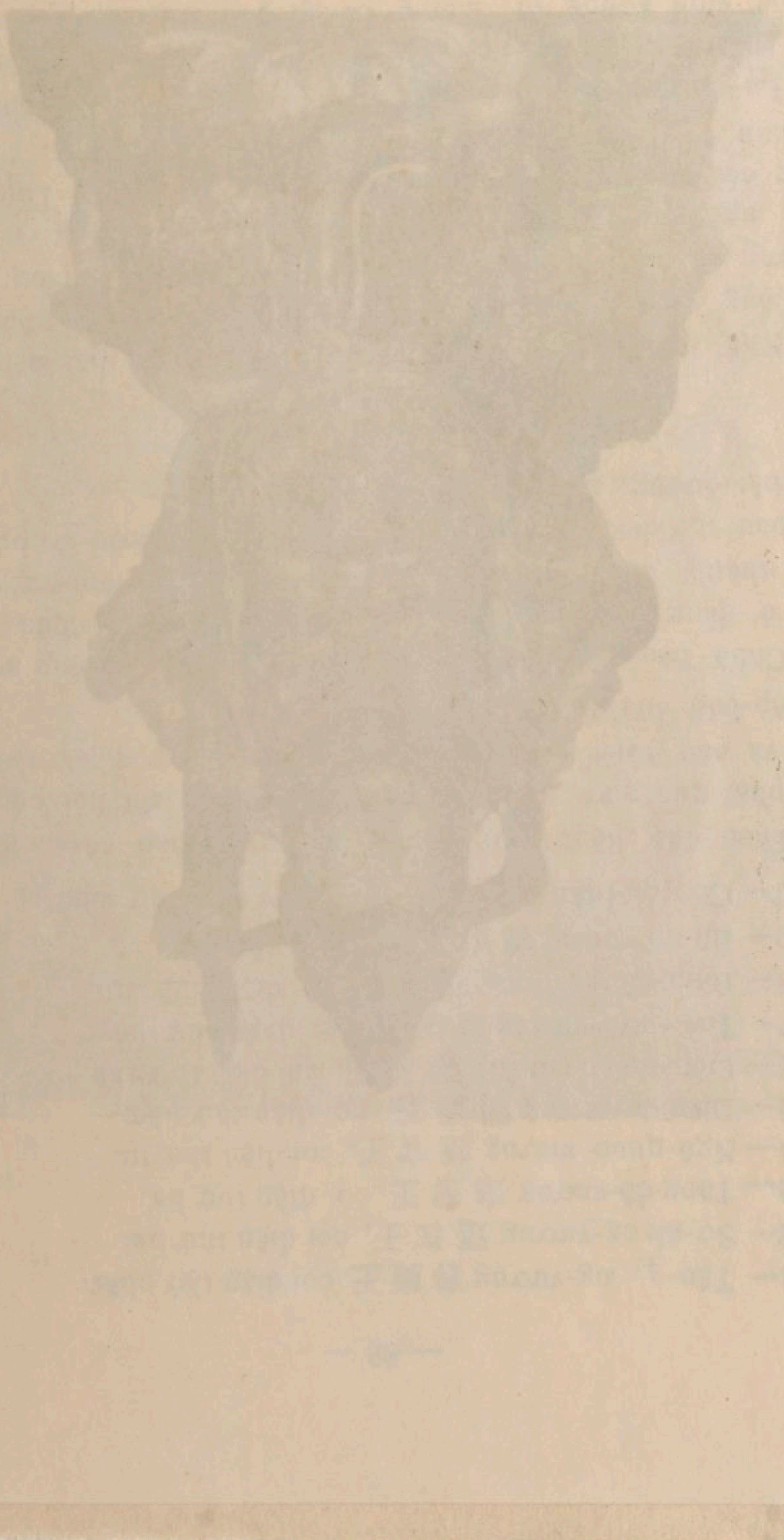

i có mười-sáu vị mà thôi. Sách *Pháp-trụ-ký* 法住記 chép
ng. « Mười-sáu vị A-la-hán vâng sắc-mệnh của Phật ở lại
-gian mà thú hộ chính pháp, đến nay vẫn chưa nhập diệt ».
mười-sáu vị A-la-hán ấy là :

1 — Tân-độ-la Bạt-ra-nọa-xa Tôn-giả 賓度羅跋囉惰闍尊者 Pindola Bharadvaja)
2 — Ca-nặc-ca Phạt-xa Tôn-giả 迦諾迦伐蹉尊者 (Kanakavatsa).
3 — Ca-nặc-ca Bạt-lị-nọa-xa Tôn giả 迦諾迦跋利惰闍尊者 (Kanaka Bharadvaja).
4 — Tô-tấn-đà Tôn-giả 蘇頻陀尊者 (Suivinda).
5 — Nặc-cự-la Tôn-giả 諾距羅尊者 (Nakula)
6 — Bạt-đà Tôn-giả 跋陀尊者 (Bhadra).
7 Ca-ri-ca Tôn-giả 迦哩迦尊者 (Karika).
8 — Phạt-xa-la-phật-đá-la Tôn-giả 伐闍羅弗多羅尊者 (Vajravutra)
9 — Thú-bác-ca Tôn giả 戍博迦尊者 (Svaka).
10 — Bán-thác-ca Tôn giả 半托迦尊者 (Panthaka).
11 — Ra-hộ-la Tôn-giả 囉怙羅尊者 (Râhula)
12 — Na-ka-tê-na Tôn-giả 那迦犀那尊者 (Nagaséna).
13 — Nhân-kết-đà Tôn-giả 因揭陀尊者 (Ingata).
14 — Phạt-na-bà-tư Tôn-giả 伐那婆斯尊者 (Vanavâsin).
15 — A-thị-đa Tôn-giả 阿氏多尊者 (Ajita).
16 — Chú-đồ bán-thác-ca Tôn-giả 注荼半托迦尊者 (Cudapanthaka).

Tương truyền rằng tượng 16 vị La-hán này là do người án Hưu 貫休 đời nhà Lương nằm chiêm bao thấy mà vẽ ra.

Sách *La-hán-đồ-tán-tập* 羅漢圖讚集 vẽ 18 vị, là thêm một ên là Khánh-hữu Tôn-giả 慶友尊者 và một vị tên là Tân-u-lư Tôn-giả 賓頭盧尊者. Người ta cho Tân-đầu-lư chính Tân-độ-la Bạt-ra-nọa-xa, nhưng chỉ lấy hai chữ tên tự ở trên h hơi sai âm của tiếng phạm và bỏ mấy chữ tên họ ở dưới đi, đặt ra một vị khác Còn Khánh-hữu là dịch theo nghĩa tiếng a-đề-mật-đa-la 難提蜜多羅 là tên người làm bộ sách *Pháp-ký* vào quãng tám trăm năm sau Phật Thích-ca đã nhập diệt

Lại có một thuyết nói rằng : Họ Trương ở Kim-thủy đất Thục vẽ tranh 18 vị La-hán và Tô Đông-pha làm bài tụng tán. Theo thuyết nầy thì hai vị thêm vào sau là Ca-diệp Tôn-giả và Quân-đồ bát-thán Tôn giả 軍徒鉢歎尊者.

Bên Tây-tạng, thì tương truyền rằng hai vị sau là Ma-gia phu-nhân và Di-lặc.

Vậy theo đúng trong sách, thì chỉ có 16 vị mà thôi, còn hai vị nữa là đời sau người ta nhận lầm mà thêm ra và không biết đích xác là danh hiệu người nào.

Dù thế nào mặc lòng, bởi có những điển nói về những vị A-la-hán ấy, mà gây thành ra nhiều kiểu rất đẹp về nghề điêu-khắc hay là nghề hội-họa. Hiện nay còn nhiều chùa cổ có những tượng A-la-hán rất khéo và một đôi khi thấy có những bức tranh vẽ các vị A-la-hán rất có tinh-thần.

D — NHÀ TĂNG-ĐƯỜNG

a) **Tượng Thánh-tăng**. Nhà tăng-đường hay là nhà tổ ở sau điện thờ Phật, có ban thờ các vị sư tổ đã tu ở chùa. Ở trên ban thờ ấy có pho tượng thờ vị Thánh-tăng.

Vị Thánh-tăng nầy, theo như sách *Tượng-khí*, thì bên Tiểu thặng thờ một vị đại đệ-tử của Phật, như Kiều-trần-như (Kaundinya) hoặc là Đại-Ca-diệp (Kaçyapa) hoặc là Tu-bồ-đề (Subhuti) mà bên Đại-thặng thì thờ đức Văn-thù bồ-tát làm hình-dáng một người tăng nhân. Song ở bên Việt-nam ta ở các nhà tổ trong chùa thấy thờ đức A-nan-đà làm Thánh-tăng.

Thờ đức Văn-thù là có ý lấy trí-tuệ mà tu đạo Phật, mà thờ đức A-nan-đà là lấy sự nghe nhiều nhớ nhiều mà tu đạo Phật. Tuy hai vị cùng là đệ-tử Phật, nhưng cái ý-nghĩa có chỗ khác nhau như thế.

Theo trong sách thì vị Thánh-tăng chỉ thờ ở nhà tăng-đường mà thôi, song ở nước ta, các chùa đặt thêm ban thờ ở nhà bái-đường nữa.

b) **Tượng đức Tổ-tây**. Trên bàn thờ các vị tổ ở tăng-đường, thường có một pho tượng tạc dung-mạo người Tây-trú

(Ấn-độ), mũi cao, tóc quăn, râu quai nón, tục gọi là đức Tổ-tây hay là Tổ Đạt-ma.

Chính pháp-danh của Ngài là Bồ-đề-đạt-ma 菩提達磨 (Bodhidharma), người dòng-dõi phái quí-tộc ở phía nam Ấn-độ, xuất-gia tu hành đạo Phật và chuyên học về môn Thiền-na (Dhyana). Năm Phổ-thông nguyên-niên (520) đời vua Võ-đế nhà Lương, ngài đi đường biển sang Quảng-châu. Vua Lương Võ-đế mời ngài vào kinh-đô ở Kiến-nghiệp tức là thành Nam-kinh bây giờ. Ngài vào yết-kiến vua Võ-đế, nhưng thấy vua không hiểu đến chỗ mầu-nhiệm của đạo Phật, Ngài bèn qua sông Dương-tử, sang nước Bắc-Ngụy, trụ ở chùa Thiếu-lâm, tu pháp tham-thiền, suốt ngày ngồi nhìn vào vách, tục gọi là ông thầy tu xem vách.

Tương truyền rằng Bồ-đề-đạt-ma là tổ thứ 28 của phái Thiên-tôn bên Ấn-độ, sang Tàu làm sơ tổ ở cõi Đông-thổ truyền đạo pháp và áo cà-sa cho đệ-tử là Tuệ-khả 慧可 làm đệ nhị tổ. Ngài tịch vào ngày rằm tháng mười năm Đại-thông thứ hai (530) đời vua Võ-đế nhà Lương.

c) **Ban thờ Chư-vị** — Đáng lẽ ở nhà tăng-đường chỉ thờ vị Thành-tăng và chư tổ đã tu ở chùa mà thôi, song thường thấy ở gian giữa nhà ấy có ban thờ Phật, gian bên tả có ban thờ Chư-vị và gian bên hữu có ban thờ các tổ.

Chư-vị là nói chung các vị thần thánh của phái đồng-bóng, tại khái như tứ phủ, là Thiên-phủ, Địa-phủ, Thủy-phủ và Nhạc-phủ, cùng các Thánh-mẫu, các Đức-ông, các quan-lớn, vân vân.. Phái Chư-vị không có quan-hệ gì đến đạo Phật, nhưng vì sự mê-tín của dân-gian thường tin là các vị thần thánh ấy hay can-thiệp đến việc họa phúc của người đời, cho nên có nhiều người, nhất là đàn-bà, con gái hay theo về phái ấy và rất sùng sự thờ-phụng Chư-vị. Bởi vậy nhà chùa muốn có nhiều người đến lễ bái, mới lập ra ban thờ Chư-vị, để các con-công đệ-tử đến dâng bát hương, hoặc là ngày rằm, ngày mồng-một, sau khi lễ Phật rồi, ra ngồi đồng, ngồi bóng. Cũng vì thế, cho nên có chùa phải làm ra điện riêng bên cạnh để thờ Chư-vị.

Cách thờ-phụng như thế thật là hỗn-tạp (1), không đúng

---

1) Hỗn-tạp : Lẫn lộn.

với cái tôn-chỉ của đạo Phật chút nào, vì rằng đạo Phật là đạo tối kị sự mê-hoặc (1) mà lại đem sự mê-hoặc để làm mờ-tối lòng người, thì thật là một sự rất trái đạo vậy.

Nói tóm lại, sự thờ-phụng, cách bài-trí ở trong chùa, tuy có ý-nghĩa và qui-thức rõ-ràng, nhưng vì người trong tăng-già hiểu không rõ và lại hay lạm-dụng hai chữ « phương-tiện », thành ra có nhiều sự sai-lầm, làm mất cái ý nhất-trí (2) của tôn-giáo.

Xét kỹ ra, thì căn-do là bởi hai lẽ này : Một là các sơn-môn không có mối thống-nhất và sự học đạo không được uyên-thâm, việc gì cũng tùy tiện, lâu sinh ra nhiều sự hồ-đồ bác-tạp (3) mà không ai biết. Hai là người ta cho đạo Phật là đạo viên-dung (4), cốt có thờ Phật thờ thánh thì thôi, còn sự thờ-phụng thêm bớt và cách bài-trí bề ngoài, dù có một đôi chỗ sai-lầm, cũng không ai lấy làm quan-ngại và cũng chẳng có ai bẻ-bắt gì, thành thử dần dần hóa quen, không muốn thay đổi nữa.

Đó là những chỗ khuyết-điểm trong sự thờ-phụng của đạo Phật ở nước ta, ta nên biết mà sửa đổi lại cho thích-hợp với cái đạo tôn-nghiêm của Phật-giáo.

---

1) Mê-hoặc : Mờ-tối lầm-lỗi.
2) Nhất-trí : Suốt là một.
3) Hồ-đồ bác-tạp : Không rõ-ràng rành-mạch.
4) Viên-dung: Tròn-vẹn hòa-hợp.

PHẦN PHỤ THÊM

I.— Mấy cảnh chùa lớn ở Bắc-kỳ

Trong mục thứ năm đã nói rõ cách bài-trí các tượng để thờ trong chùa, nay muốn có trưng-chứng rõ-ràng, tưởng không gì bằng vẽ ra mấy cảnh chùa lớn và cổ ở Bắc-kỳ để ai xem cũng có thể nhận biết được một cách chắc-chắn hơn nữa. Những chùa này có nơi chúng tôi vẽ cả toàn cảnh, có nơi chỉ vẽ riêng chính-điện thờ Phật, cốt để người ta thấy rõ cách bài-trí khác nhau thế nào. Còn cách phân-biệt tả hữu, thì theo vị-trí của người đứng trong chùa trông ra.

CHÙA HÒA-GIAI

Chùa Hòa-giai, chính danh là Hồng-phúc-tự, là một chùa rất cổ ở Hà-nội thuộc về phái Tào-động bên Thiền-tôn. Tương truyền chùa này làm từ đời Lý; nhưng đến năm Chính-hòa thứ tám (1687) đời vua Lê Hy-tôn có làm lại. Năm Thành-thai thứ hai (1899) lại chữa lại. Chùa này cũng khá rộng, nhưng trừ pho tượng Cửu-long cổ để ở nhà trai-đường ra, không có gì là lạ, cho nên chỉ vẽ cái chính-điện thờ Phật mà thôi.

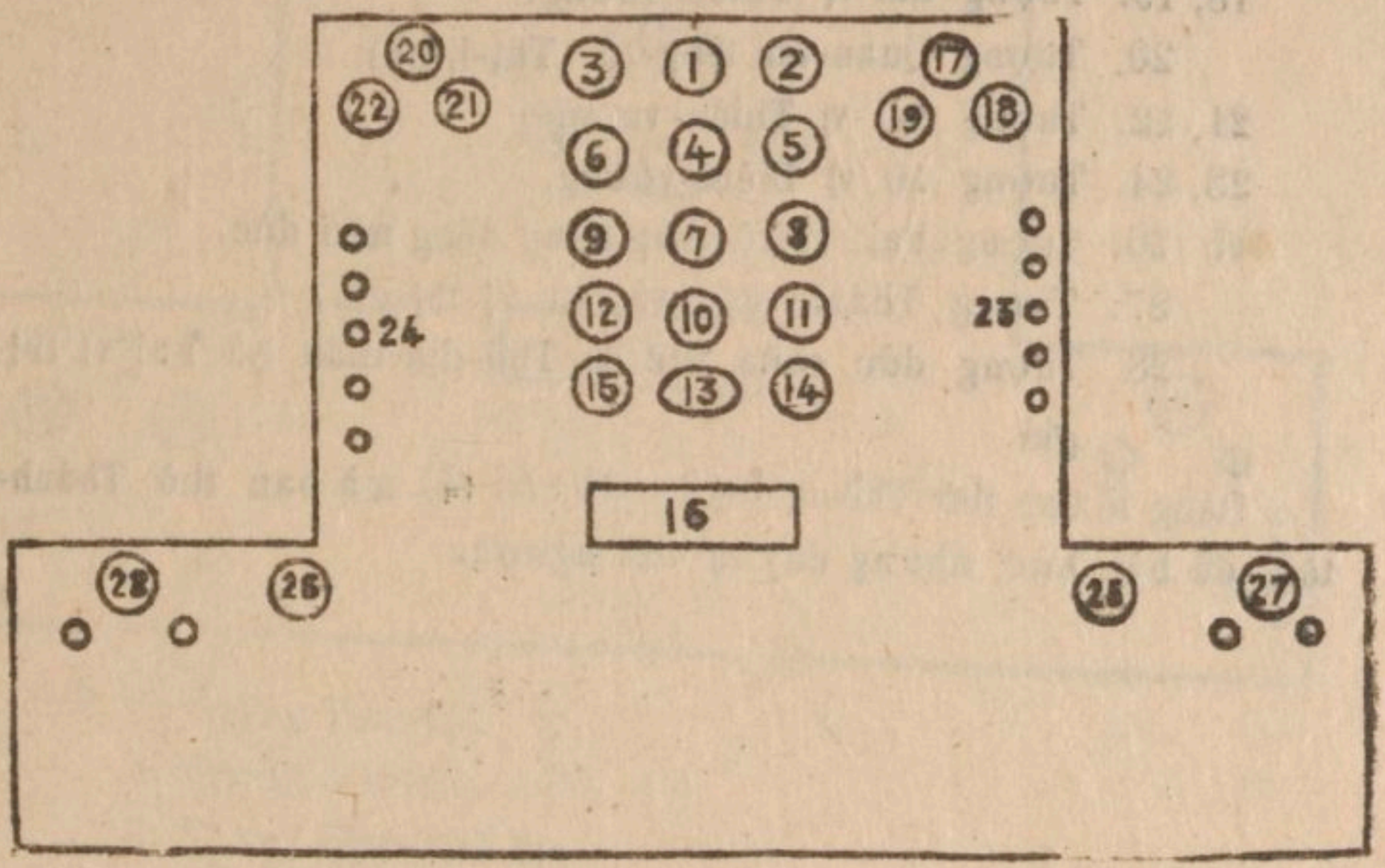

1, 2, 3. Tượng Tam-thế.
4. Tượng A-di-đà.
5. Tượng Quan-thế-âm.
6. Tượng Đại-thế-chí.
7. Tượng Thế tôn Thích-ca.
8. Tượng Ca-diếp.
9. Tượng A-nan-đà.
10. Tượng một vị Phật đầu trọc, ngực có chữ vạn, ngồi trên tòa sen. Không biết rõ là vị nào, có người bảo là đức Dược-sư.
11, 12. Tượng hai vị Bồ-tát.
13. Tượng Cửu-long.
14. Tượng Đế-Thích.
15. Tượng Phạm-thiên.
16. Hương-án.
17. Tượng một vị Phật đầu trọc, ngực có chữ vạn ngồi trên lưng một ông vua nằm phục xuống. Có lẽ là theo điển vua Đế-Thích tình-nguyện làm giường cho Phật Thích-ca ngồi thuyết pháp.
18, 19. Tượng hai vị Thiên-vương.
20. Tượng Quan-âm tống-tử (Thị-Kính).
21, 22. Tượng hai vị Thiên-vương.
23, 24. Tượng 10 vị Diêm-vương.
25, 26. Tượng hai vị Hộ-pháp bằng đồng mới đúc.
27. Tượng Thánh-tăng và hai vị thị-giả.
28. Tượng đức chúa, tức là Thổ-địa-thần và hai vị thị-giả.

Đáng lẽ ban thờ Thổ-địa-thần để bên tả, mà ban thờ Thánh-tăng để bên hữu, nhưng đây lại đặt ngược.

CHÙA BÀ-ĐÁ

Chùa Bà-đá, chính danh là Linh-quang-tự ở Hà-nội, thuộc về phái Lâm-tế bên Thiền tôn. Các chùa của ta, phi thuộc về phái Lào-động thì thuộc về phái Lâm-tế, vì rằng bên Thiền-tôn chỉ có hai phái ấy truyền sang nước Nam ta mà thôi.

Chùa Bà-đá có một điều nên chú ý là các tượng thờ ở trong điện làm rất to và ở ngoài nhà bái-đường không có hai vị Hộ-pháp. Chùa này tương truyền làm từ đời Hồng-đức, vào khoảng thế-kỷ thứ XV. Đến đời Lê mạt bị quân Tây-sơn tàn phá. Rồi đến năm Thiệu-trị thứ bảy (1847) mới trùng tu.

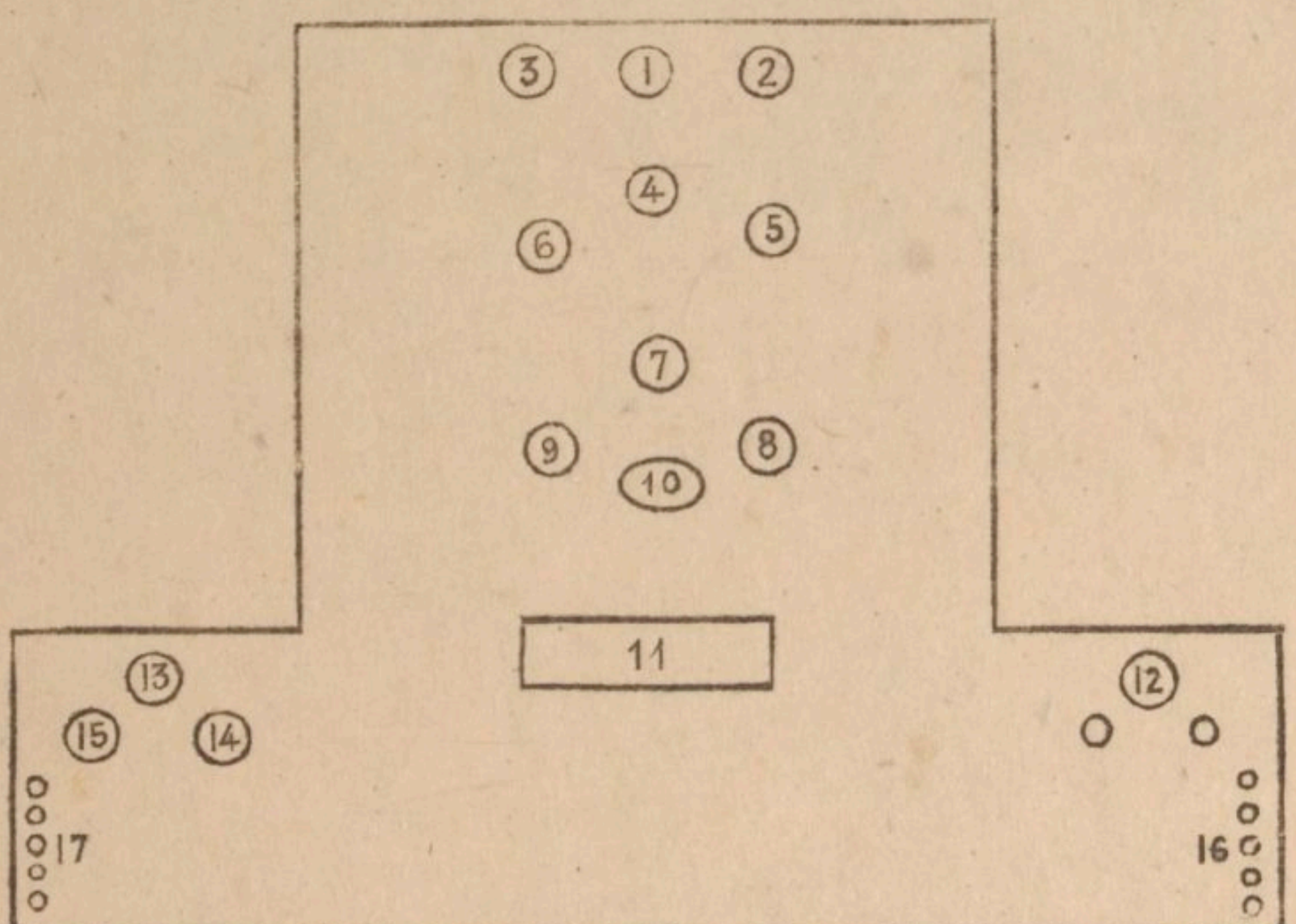

1, 2, 3. Tượng Tam-thế.
4. Tượng A-di-đà.
5. Tượng Quan-thế-âm.
6. Tượng Đại-thế-chí.

7. Tượng Thích-ca Thế-tôn.
8. Tượng Văn-thù.
9. Tượng Phổ-hiền.
10. Tượng Cửu-long.
11. Hương-án.
12. Tượng đức chúa, tức là Thổ-địa-thần và hai vị thị-giả.
13. Tượng Thánh-tăng.

14, 15. Tượng hai vị Thiên-vương.

16, 17. Tượng 10 vị Diêm-vương.

CHÙA LIÊN-PHÁI

Chùa Liên-phái, thuộc huyện Hoàn-Long, tỉnh Hà đông, là một cảnh chùa rất phồn thịnh ở gần Hà-nội Chùa này nguyên trước là nhà tư của Trịnh-Thập. Năm Chính-hòa thứ 17 (1696) ông xuất gia, lấy nhà riêng làm chùa, đặt tên là Liên-tôn-tự. Sau tị húy, đổi là Liên-phái. Lâu ngày đổ nát. Năm Bảo-thái thứ bảy (1726 đã trùng tu, đến năm Minh-mệnh thứ 20 (1839) và năm Tự-đức thứ 17 (1864 lại chữa lại.

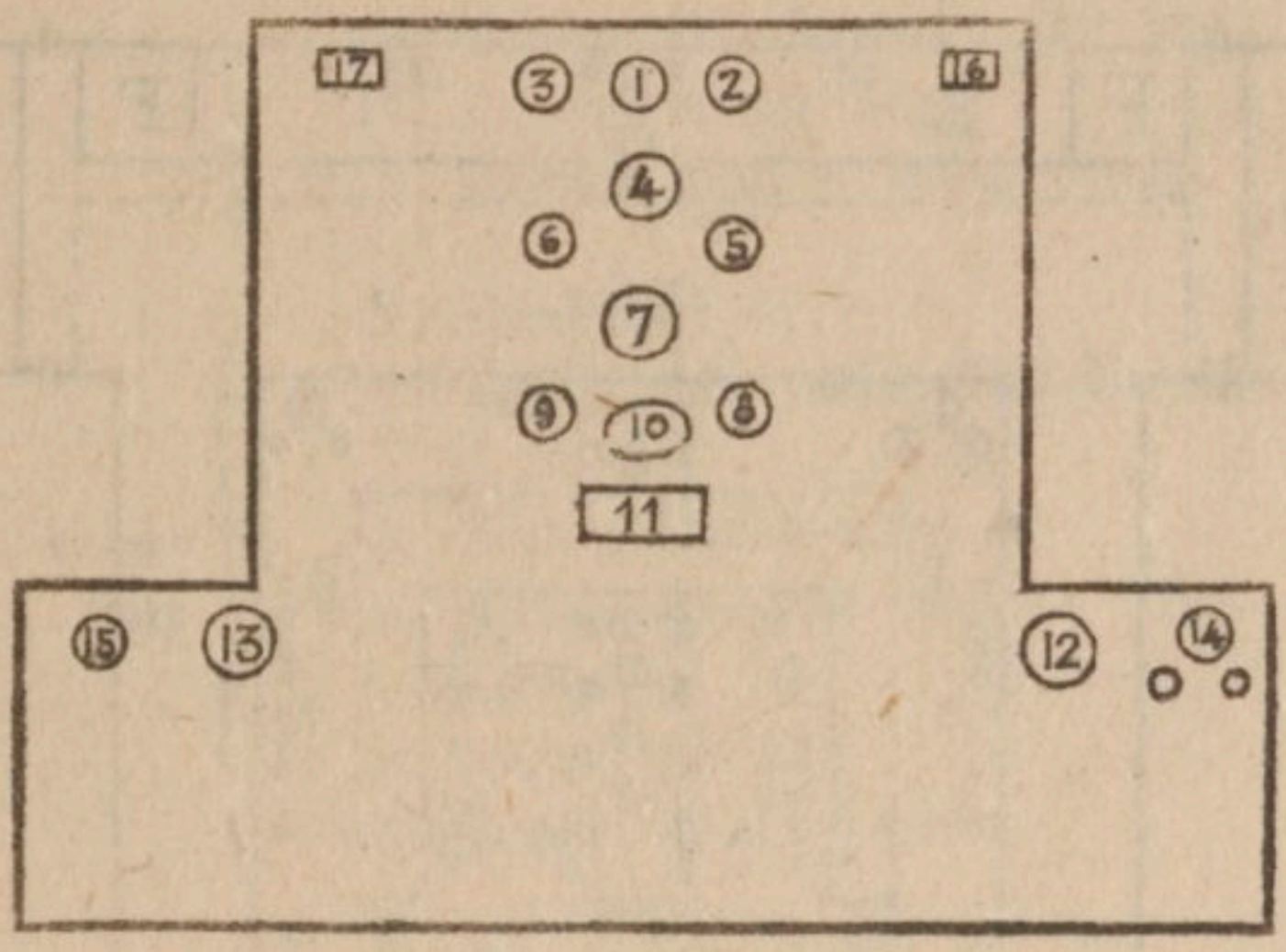

1, 2, 3 Tượng Tam-thế.

4. Tượng A-di-đà.

5. Tượng Đại-thế-chí.

6. Tượng Quan-thế-âm.

7. Tượng Thích-ca Thế-tôn đội mũ ngọc.

8. Tượng Văn-thù Bồ-tát, ngồi tòa sen.

9 Tượng Phổ-hiền Bồ-tát, ngồi tòa sen.

10. Tượng Cửu-long.

11. Hương-án.

12, 13. Tượng Hộ-pháp

14. Tượng đức chúa, tức là tượng Thổ-địa thần và hai thị-giả

15. Thánh-tăng.

16, 17. Hai bàn thờ nhỏ và thấp để thờ hậu.

CHÙA BẰNG

Chùa Bằng, chính danh là Báo-quốc-tự, ở làng Bình-vọng, tục gọi là làng Bằng, thuộc phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông. Chùa này tương truyền là làm từ đời nhà Trần và có cái kiểu không giống như các chùa khác.

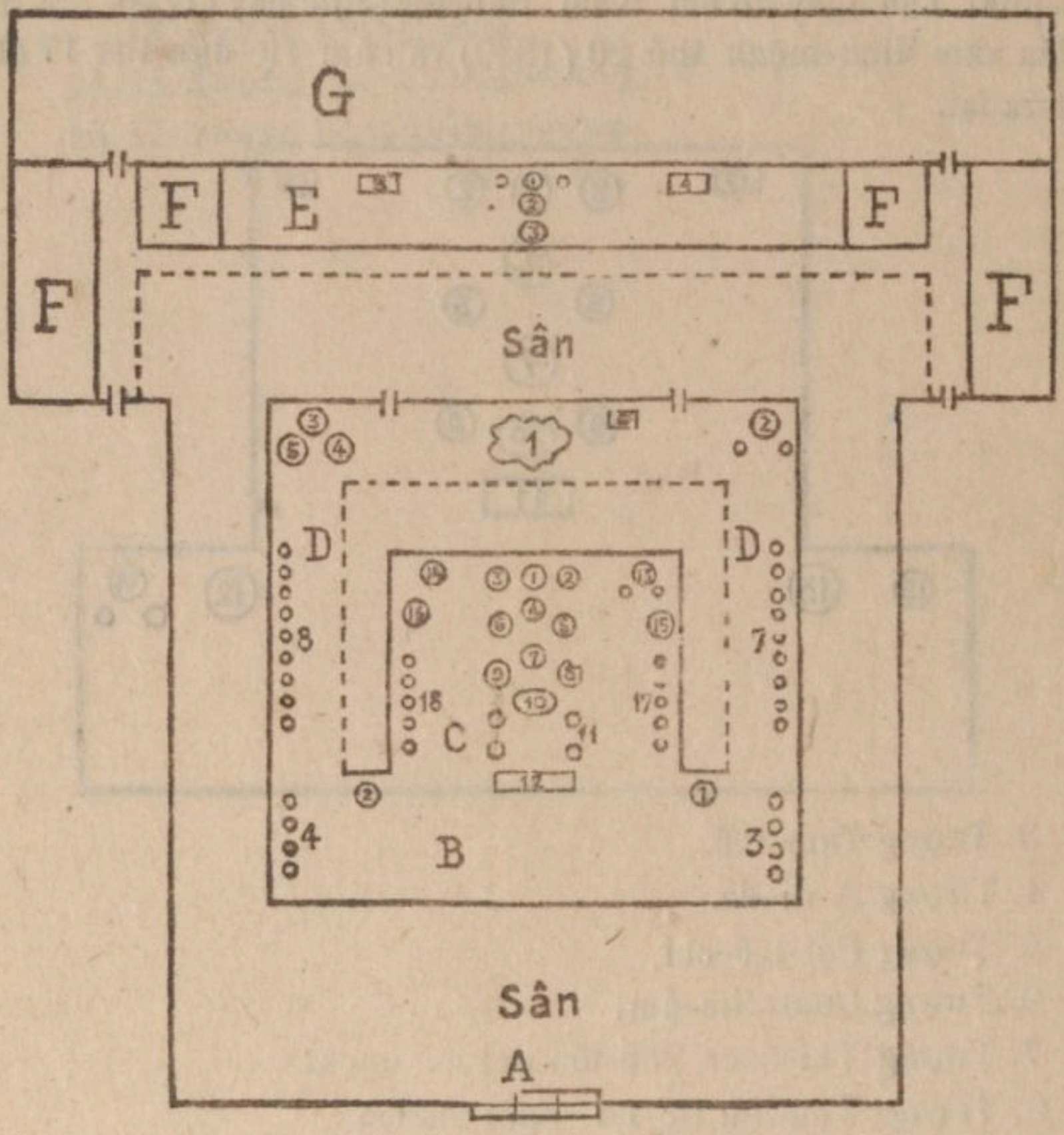

A. Cửa Tam-quan.

B. Nhà bái-đường:
- 1, 2. Tượng hai vị Hộ-pháp.
- 3, 4. Tượng tám vị Kim-cương.

1, 2. 3. Tượng Tam-thế.
- 4. Tượng A-di-đà.
- 5. Tượng Quan-thế-âm.
- 6. Tượng Đại-thế-chí.
- 7. Tượng Thích-ca Thế-tôn.

8. Tượng Văn-thù.
9. Tượng Phổ-hiền.
10. Tượng Cửu-long.
11. Tượng bốn vị Thiên-vương.
12. Hương-án.
13. *Tượng Quan-âm tọa-sơn, tay phải chống ra đằng sau, tay trái để lên đầu gối*, hai bên có Thiện-tài và Long-nữ.
14. Tượng Quan-âm thiên-thủ thiên-nhãn.
15. Tượng Thổ-địa-thần đầu bạc.
16. Tượng Thánh-tăng.
17, 18. Tượng mười vị Diêm-vương.

C. Chính điện

1. Động núi đá.
2. Tượng đức chúa (Thổ-địa-thần và hai vị thị-giả.
3. Tượng Thánh-tăng.
4, 5. Tượng hai thị-giả là Tiêu-diện và Lực-sĩ.
6. Khám thờ hậu.
7, 8. Tượng 18 vị La-hán.

D. Nhà hành-lang

1. Ba tượng Phật.
2. Tượng tổ Đạt-ma.
3. Tượng sư tổ.
4, 5. Ban thờ tổ.

E. Nhà hậu-đường

F. Tăng-phòng.

G. Nhà chân, sân, vườn.

CHÙA PHẬT-TÍCH

Chùa Phật-tích, chính danh là Vạn-phúc-tự, thuộc làng Phật-tích, tổng Thụ-phúc, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh. Chùa này làm từ năm Thông-thụy thứ tư (1037), đời vua Thái-tôn nhà Lý. Năm Chính-hòa thứ tám (1687), đời vua Hy-tôn nhà Lê trùng tu, đến năm Thiệu-trị thứ sáu 1846 có chữa lại. Hiện nay có nhiều chỗ đổ nát, trường Bác-cổ đang trù-liệu sửa-sang lại.

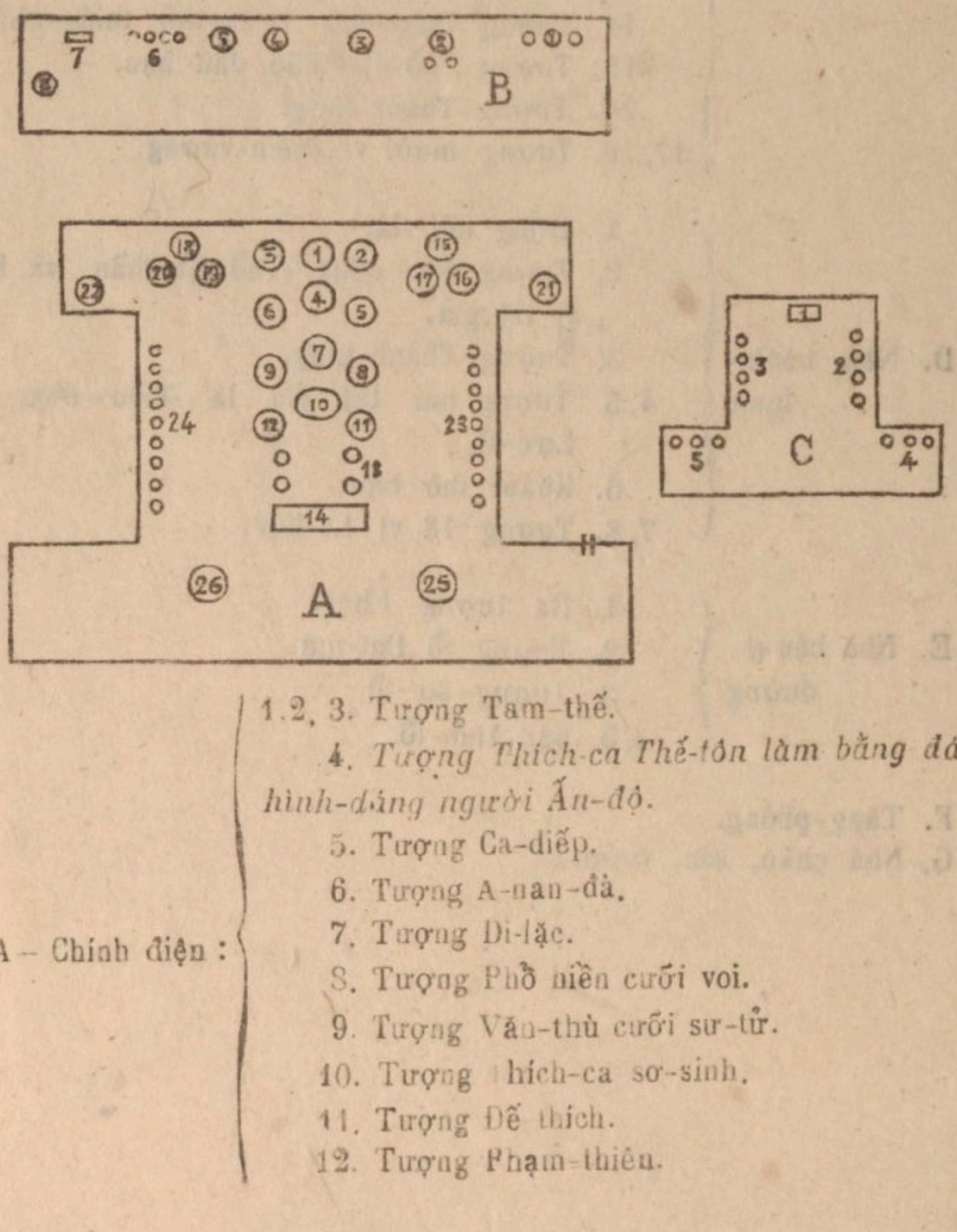

A – Chính điện :

1.2, 3. Tượng Tam-thế.

4. *Tượng Thích-ca Thế-tôn làm bằng đá, hình-dáng người Ấn-độ.*

5. Tượng Ca-diếp.

6. Tượng A-nan-đà.

7. Tượng Di-lặc.

8. Tượng Phổ niền cưỡi voi.

9. Tượng Văn-thù cưỡi sư-tử.

10. Tượng Thích-ca sơ-sinh.

11. Tượng Đế thích.

12. Tượng Phạm-thiên.

13. Tượng bốn vị Thiên-vương.
14. Hương-án.
15. Tượng Quan-âm tống-tử.
16, 17. Hai tượng Quan-âm tọa-sơn.
18. Tượng A-di-đà.
19. Tượng Quan-thế-âm.
20. Tượng Đại-thế-chí
21. Tượng Thánh-tăng.
22. Tượng Thổ-địa-thần.
23, 24. Tượng 18 vị La-hán.
25, 26. Tượng hai vị Hộ pháp.

B — Nhà Hậu đường:

1. Các tượng của người lập hậu.
2. Tượng Quan-công.
3. Tượng vua nhà Lý.
4. Tượng ông Nguyễn Đồng-Khoa.
5. *Tượng một vị Tổ trông rất linh-hoạt*
6. Tượng các tổ.
7. Bia.
8. Tượng một bà lão đội khăn, tượng truyền là bà bán trầu trước ở chùa ấy, rồi sau được lập hậu.

C — Nhà thờ Tổ:

1. Khám thờ tổ đệ nhất, bó cốt làm tượng.
2, 3. Tám tượng tổ.
4, 5. Sáu tượng tổ.

CHÙA BÁCH-MÔN

Chùa Bách-môn, chính danh là Lâm-cảm-tự, xây trên núi Khám-sơn, thuộc làng Long-khám, tổng Đông-sơn, huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh. Chùa làm vuông bốn mặt, thật là một kiểu chùa ít có ở nước Nam. Nguyên chùa này có từ đã lâu, trước thế-kỷ thứ XVI. Năm Quang-bảo thứ ba (1556) đời Mạc Phúc-Nguyên đã trùng-tu, đến năm Hoằng-định thứ mười-hai (1612) lại sửa lại, nhưng vẫn theo kiểu cũ. Tục truyền vào đời Trịnh-Sâm (1767—1782) bà chúa Chè là Đặng-thị Ngọc-Huệ người làng Gióng (Phù-đổng) đứng lên trùng-tu theo kiểu hiện thời, có một trăm cái cửa cho nên gọi là Bách-môn.

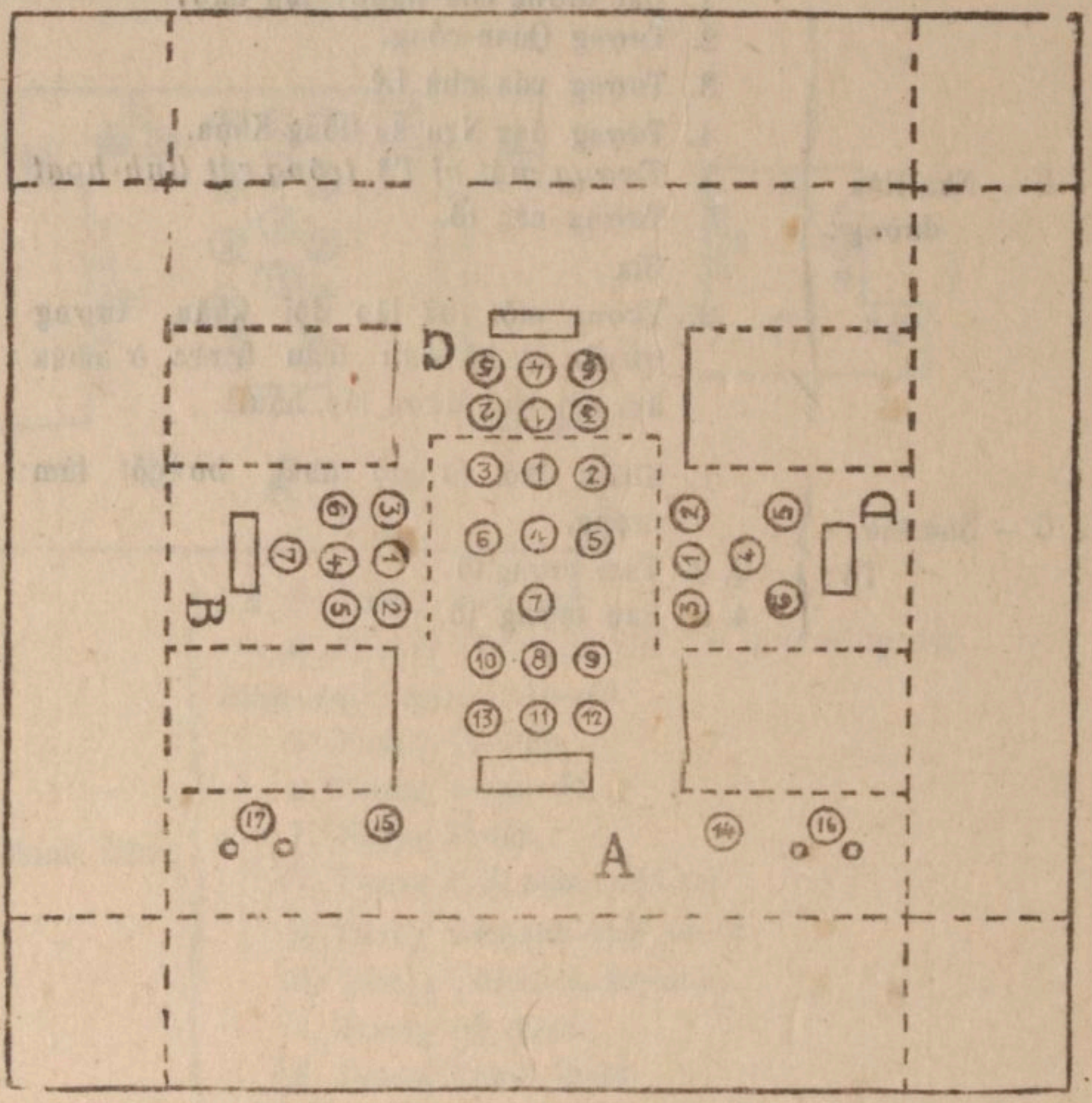

A.— Mặt chính :

1, 2, 3. Tam-thế.
4. Di-lặc Bồ-tát.
5. Pháp-hoa-lâm Bồ-tát.
6. Đại-diệu-tướng Bồ-tát.
7. Thiên-thủ thiên-nhỡn Quan-âm ngồi trên đầu tên quỉ.
8. Thích-ca sơ-sinh.
9. Thánh-tăng.
10. Thổ-địa-thần.
11. Ngọc-hoàng
12. Nam-tào (Đạo-giáo
13. Bắc-đẩu
14, 15. Hộ-pháp.
16. Đức chúa (Thổ-địa-thần) và hai thị-giả.
17. Thánh-tăng và hai thị-giả.

B. Mặt bên hữu :

1. A-di-đà.
2. Quan-thế-âm.
3. Đại-thế-chí
4 Thích-ca Thế-tôn
5. Ca-diếp.
6. A-nan-đà.
7. Quan-âm tống-tử.

C.— Mặt sau :

1, 2, 3. Tam-thế.
4, 5, 6. Ba tòa Thánh-mẫu (Chư-vị).

D. Mặt bên ta :

1. A-di-đà.
2. Quan-thế-âm.
3. Đại-thế-chí.
4. Di-lặc.
5. Pháp-hoa-lâm.
6. Đại-diệu-tướng.

CHUA BÚT-THÁP

Chùa Bút-Tháp, chính danh là Ninh-phúc-tự, thuộc Phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh. Chùa này làm vào đời vua Chân-tôn nhà Hậu-Lê, niên-hiệu Phúc-thái (1643-1649), tức là đời chúa Thanh-đô-vương Trịnh-Tráng cầm quyền, do nhà vua và nhà chúa dựng lên, cho nên qui-mô rất rộng lớn và có nhiều tượng rất đẹp.

A. Tam-quan nhỏ thấp. (*Xem bản-đồ ở trang 101*).

B. Nhà gác chuông.
- b — Trên gác treo chuông.
  Ban thờ chúa Trịnh : tượng chúa Trịnh để giữa, bên tả, ở trong, có người thị-nữ, ở ngoài, có ông quan ngồi ; bên hữu có người quan thị ở ngoài có ông quan ngồi.
- b — Tầng dưới ; Tượng Ngọc-hoàng để giữa, bên tả tượng Nam-tào, bên hữu tượng Bắc-đẩu.

C. Hai cái bia để hai bên.

D. Nhà bái-đường.
- 1, 2. Tượng hai vị Hộ-pháp rất lớn
- 3. Tượng đức chúa (Thổ-địa-thần và hai thị-giả).
- 4 Tượng Thánh-tăng và hai thị-giả.

E. Nhà dọc ở giữa
- 1. Ban thờ để ba tượng : giữa để tượng Thích-ca sơ-sinh, bên tả là Quan-thế-âm, bên hữu là Đại-thế-chí.
- 2. Hương-án.
- 3, 4. Tượng 10 vị Diêm-vương.

F. Chính điện
- 1. Tượng Tam-thế.
  Tượng Tam-thế gọi lầm là tam thân, tượng này chắc ở chùa nào đem đến rồi để tạm ở chỗ này.

3. Ban thờ để ba tượng : giữa là Quan-âm tọa-sơn, hai bên là Thiện-tài, Long-nữ.

4, 5. Tượng tú Bồ-tát.

6. *Tượng Thiên-thủ thiên-nhỡn làm đủ nghìn tay, nghìn mắt, ngồi trên tòa sen để trên đầu con rồng.* Tượng làm rất khéo.

7. *Tượng Tuyết-sơn tạc rất khéo.*

8. Tượng Văn-thù Bồ-tát.

9. Tượng Phổ-hiền Bồ-tát.

10, 11. Hai pho tượng này tạc hai vị đầu trọc ngồi tòa sen, không rõ là hai vị nào.

12. Tượng Quan-âm tống-tử.

13. Tượng Quan-âm tọa-sơn.

14, 15. Tượng 18 vị La-hán. Ở hai dãy tượng còn bày thêm mấy pho tượng ở đâu đem đến, mà không rõ tượng những vị nào.

16. Tượng Thánh-tổ Đông-thổ

17. Tượng Thánh-tổ Ấn-độ.

18. Động Thập-điện.

G. Cái cầu đá trên chính điện xuống nhà tháp.

H. Nhà tháp

1. Tháp Cửu-liên, tám mặt, chín tầng, có thể xoay quanh được.

2, 3. Hai tượng A-di-đà.

4. Bia.

I. Nhà hội-đồng.

J. Nhà thờ hậu

1, 2. Khám thờ hai bà Chúa lập hậu.

3, 4. Khám thờ hai ông Hoàng lập hậu.

K. Nhà thờ tổ và chư vị.

1, 2. Hai bài bia.

3, 4, 5, 6. Tượng bốn vị tổ.

7. Ban thờ Tứ-phủ, ba ông Hoàng.

8. Bàn thờ ba bà Thánh-mẫu : Liễu-hạnh Mẫu-Thoải, Thượng-ngàn.

9. Ban thờ tứ vị chầu bà.

L. Nhà tăng-phòng và nhà hành-lang.

M. Nhà thờ tổ đệ nhất

1. Khám thờ Chuyết-chuyết-công là tổ đệ-nhất, có cái tượng bó bằng cốt, cho nên gọi là nhục-thân bồ-tát.
2 3. Tượng hai vị tổ.
4, 5. Hai cái bia.

N. Các tháp ở ngoài vườn

1. Tháp Chuyết-chuyết-công, đệ nhất tổ.
2. Tháp đệ nhị tổ.

Hai tháp này cao hơn và trên đỉnh làm hình cái bút, bởi thế mới thành tên là chùa Bút-tháp.

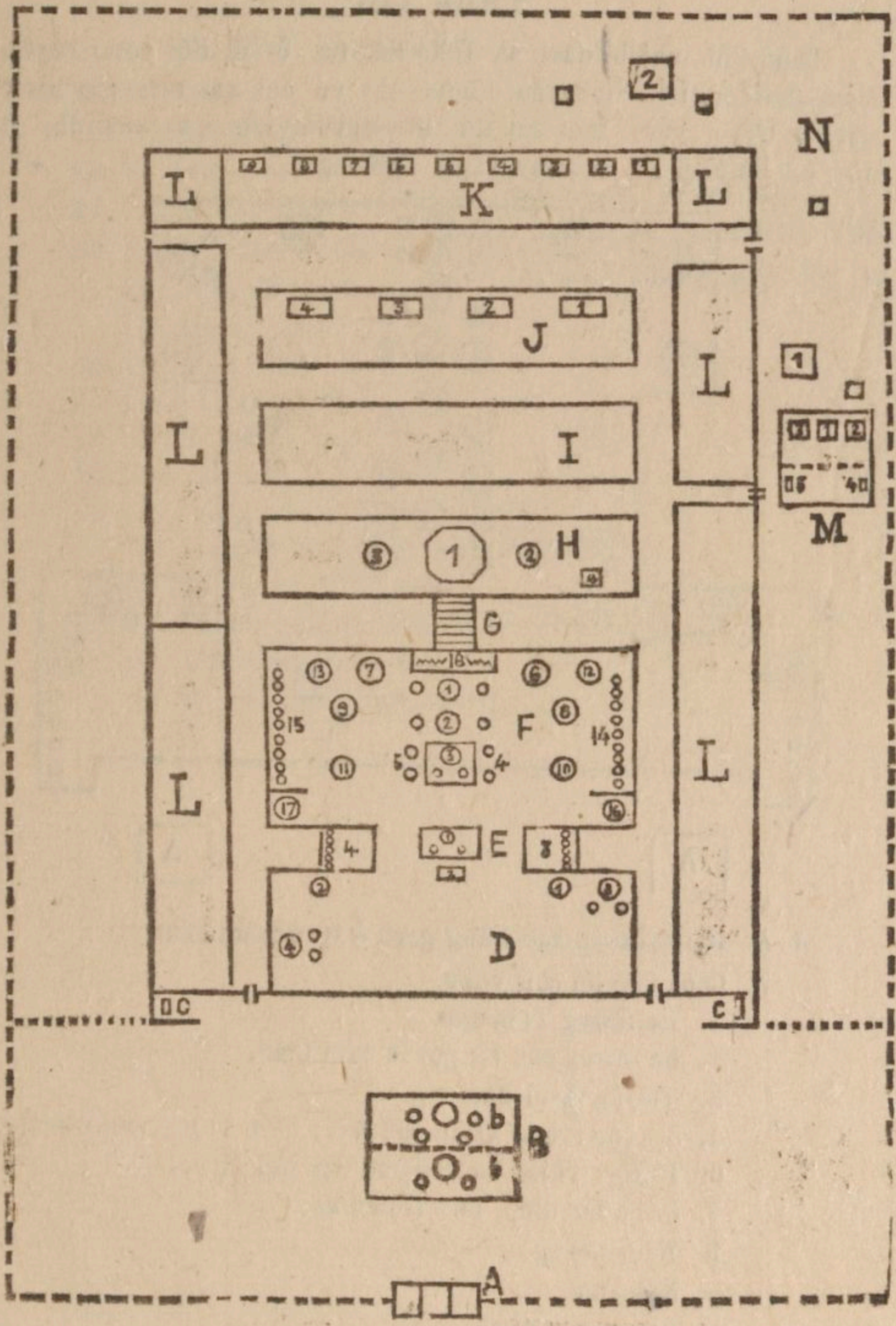
N
L
K
L
L
J
I
L
L
M
H
G
F
E
D
L
C
B
A

CHÙA CÓI

Chùa Cói, chính danh là Thần-tiên-tự, ở xã Hội-hợp, huyện Tam-dương, tỉnh Vĩnh-yên. Chùa này có hai cái tháp xây bằng gạch ở trước cửa, một cái đã sụt nghiêng hẳn mà chưa đổ, vì vậy tục thường gọi là chùa Tháp nghiêng.

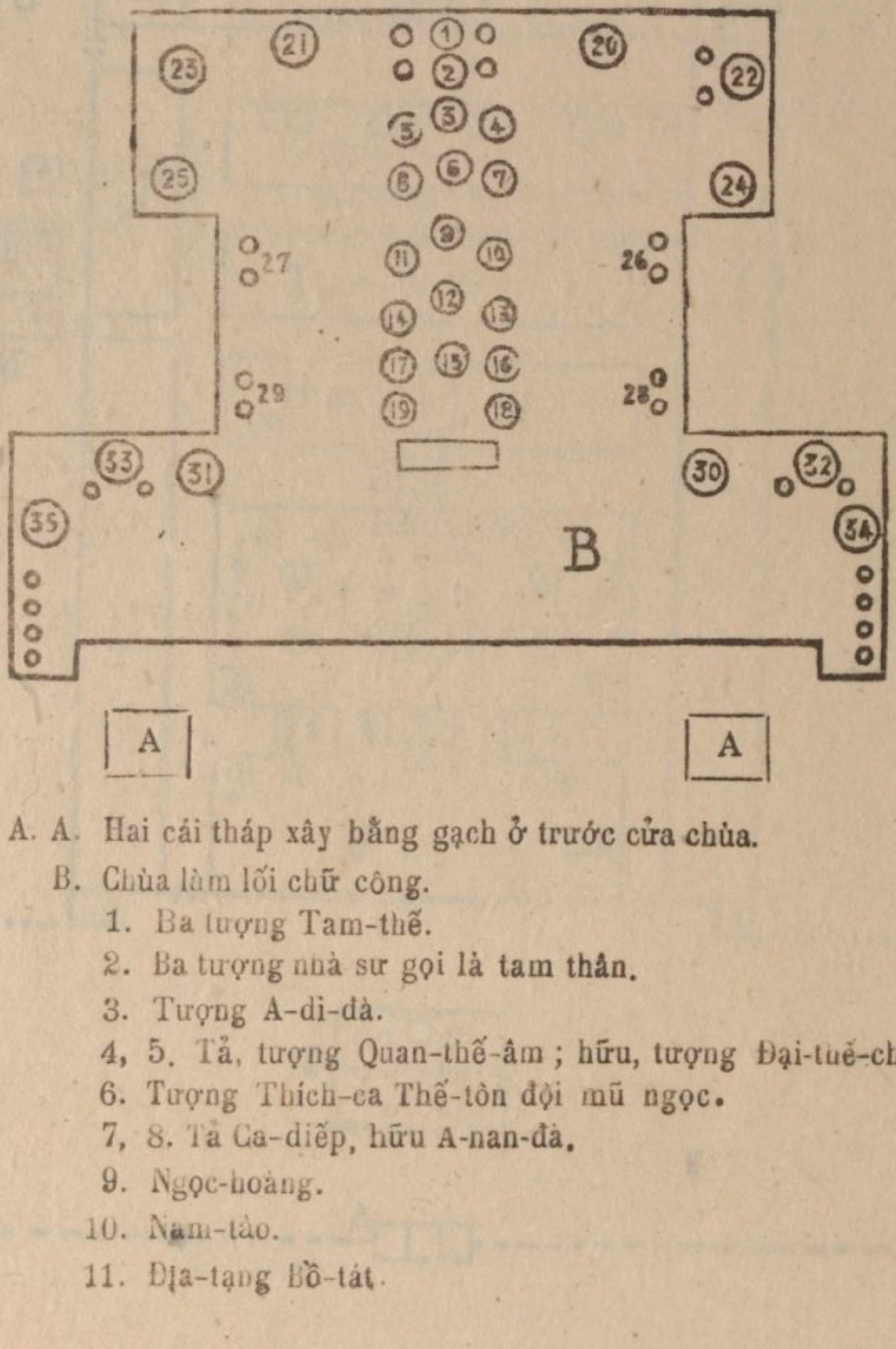

A. A. Hai cái tháp xây bằng gạch ở trước cửa chùa.

B. Chùa làm lối chữ công.

1. Ba tượng Tam-thế.
2. Ba tượng nhà sư gọi là tam thân.
3. Tượng A-di-đà.
4, 5. Tả, tượng Quan-thế-âm ; hữu, tượng Đại-thế-chí.
6. Tượng Thích-ca Thế-tôn đội mũ ngọc.
7, 8. Tả Ca-diếp, hữu A-nan-đà.
9. Ngọc-hoàng.
10. Nam-tào.
11. Địa-tạng Bồ-tát.

12. Cửu-long.
13; 14. Kim-đồng, Ngọc-nữ.
15. Cửu-long.
16, 17. Kim-đồng, Ngọc-nữ.
18. 19. Nam-tào, Bắc-đẩu.
20. *Tượng Quan-thế-âm thiên-thủ đứng, có 40 tay.*
21. *Tượng đức Thích-ca đứng, tay phải chỉ xuống đất, tay trái để ngang ngực.* Hai pho tượng này đều có mỹ thuật.
22. Quan-âm tống-tử.
23. Quan-âm tọa-sơn.
24. Thánh-tăng.
25. Thổ-địa-thần.
26, 27. Tượng bốn vị Thiên-vương.
28, 29. Tượng bốn vị Kim-đồng, Ngọc-nữ.
30, 31. Tượng hai vị Hộ-pháp.
32, 33. Ban thờ Thánh-tăng và hai thị-giả.
34, 35. Tượng hai vị sư tổ.
36, 37. Tượng tám vị Kim-cương.

CHÙA ĐỌI

Chùa Đọi, chính danh là Duyên-ninh-tự, ở trên núi Long-đội, thuộc huyện Duy-tiên, tỉnh Hà-nam. Chùa nầy làm từ đời nhà Lý, sau bị quân nhà Minh tàn phá, đến nhà Lê lại trùng tu lại, có cái bia của vua Lê Thánh-tôn đề bài thơ nhắc lại chuyện ấy.

A. Nhà gác chuông có ba cái bia. (*Xem bản đồ ở trang 105*).

B. Nhà thờ bách-linh.

D. Bia khắc bài thơ của vua Lê Thánh-tôn.

C. Hai dãy nhà ở trong có động Thập-điện.

E. Sân.

F. Điện thờ Phật.

1, 2, 3. Tượng Tam-thế.

4. *Tượng A-di-đà*, lớn hơn cả.

5, 6. Tả, tượng Quan-thế-âm, hữu tượng Đại-thế-chí.

7. Tượng Thích-ca Thế-tông, đứng.

8, 9. Tả, tượng Văn-thù ; hữu, tượng Phổ-hiền.

10. Tượng Di-lặc bằng đồng.

11, 12, 13, 14. Tượng tứ Thiên-vương.

15. Tượng Cửu-long, Thích-ca sơ sinh.

16. Tượng Quan-âm ngồi thuyết-pháp.

17. Tượng Quan-âm thiên-thủ.

18. Tượng Thánh-tăng.

19. Tượng Thổ địa đầu bạc.

20, 21, 22, 23. *Tượng bốn vị Thiên-vương* khá đẹp.

24, 25. Tượng hai vị Hộ-pháp cưỡi con sấu.

26, 27. Tượng bốn vị Bồ-tát.

28, 29, 30 Tượng ba vị Kim-cương.

G. Nhà hậu-đường và hai bên hành lang.

1. Ban thờ Quan-âm tống-tử.

2, 3, 4. Ban thờ hậu.

5. Ban thờ bà Nhân tôn Hoàng-hậu

6. Tượng Thánh-tăng.

7. Ban thờ đức chúa (thổ-địa) và một vị quan có công đức.

8, 9. Tượng hai vị Kim-cương.
10, 11. Tượng 18 vị La-hán.

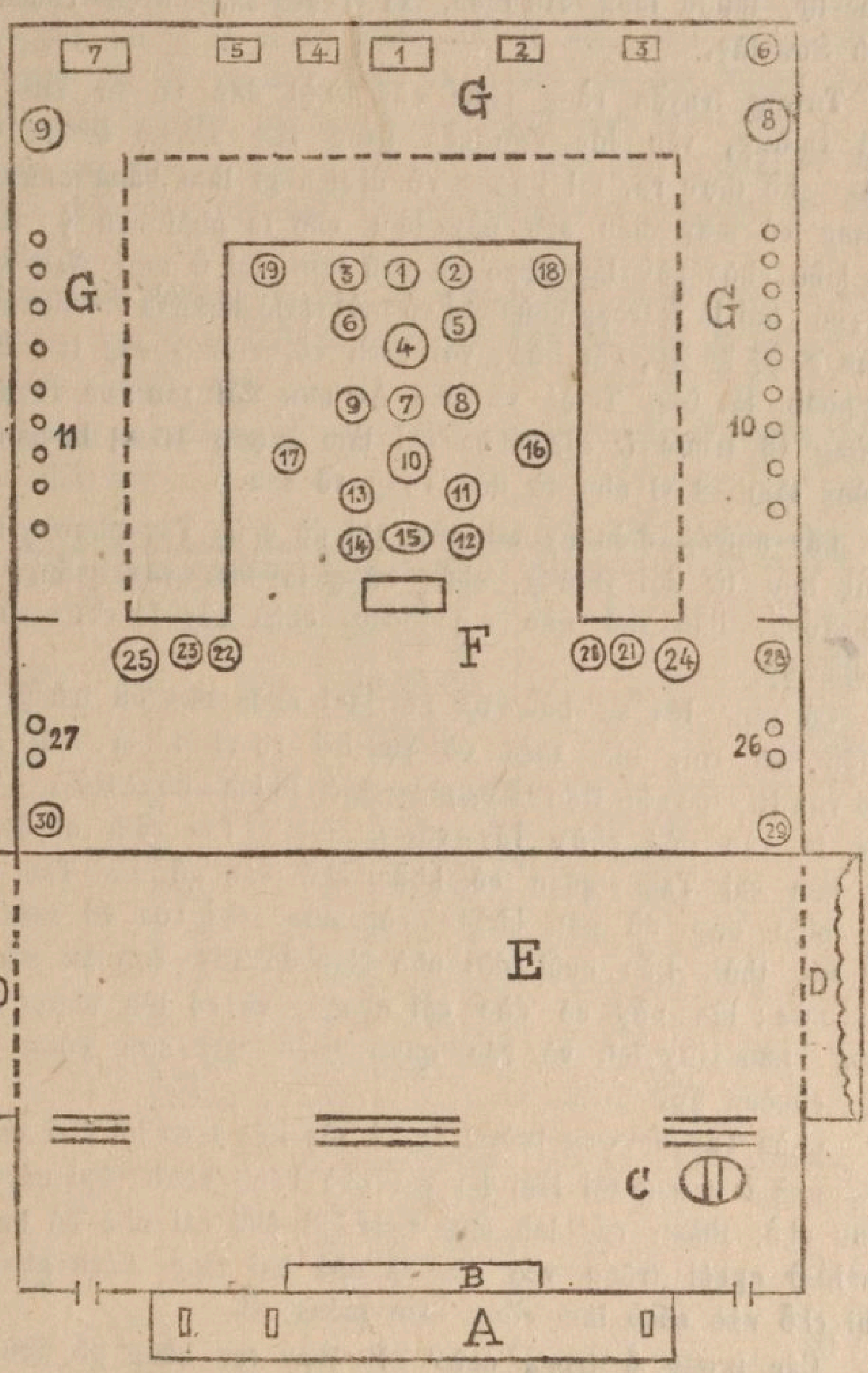

CHÙA TÂY-PHƯƠNG

Chùa này ở trên núi Tây-phương, chính danh là Sùng-phúc-tự, thuộc làng An-thôn, xã Thạch-xá, huyện Thạch-thất tỉnh Sơn-tây.

Tương truyền rằng chùa này khởi đầu có từ cuối đời nhà Đường, vào lúc Cao-Biền sang làm Đô-hộ ở đất Giao-châu. Kể thực ra, thì không có di-tích gì làm bằng chứng cả, nhưng có mấy điều sau này làm cho ta phải chú ý : một là cái kiểu chùa này làm theo lối chữ *tam*, thì ở nước Nam không đâu có ; hai là ở trong chùa chỉ có một vị Hộ-pháp là Vi-thiên-tướng quân 韋天將軍, rất đúng với sách cổ, chứ không làm hai vị Hộ-pháp là ông Thiện và ông Ác như đời sau ; ba là từ đời Đường về trước ở các chùa chỉ làm tượng 16 vị La-hán, chứ không làm 18 vị như từ đời Tống về sau.

Lấy những điều ấy mà suy, thì dù chùa Tây-phương không phải làm từ đời Đường, chắc cũng là làm vào quãng trước đời Tống. Dẫu thế nào mặc lòng, chùa này là chùa cổ nhất ở Bắc-kỳ.

Cứ như lời sư bản-tự nói, thì chùa này đã trùng tu lại nhiều lần rồi, mà thật có sự-tích rõ-ràng, là một lần về đời vua Hi-tôn nhà Hậu-Lê, niên-hiệu Chính-hòa (1676 — 1705), tức là vào đời chúa Tây-vương Trịnh Tạc cầm quyền. Lần ấy làm cái Tam-quan có khắc chữ vào gỗ. Cái Tam-quan ấy hiện nay đổ nát, không còn nữa, chỉ còn có mấy đoạn gỗ mà thôi. Đến cuối đời nhà Nguyễn Tây-sơn lại trùng-tu lần nữa ; lần này có đúc cái chuông và có tên những người như Phan Huy Ich và các quan triều Tây-sơn cúng tiền để đúc chuông ấy.

Chùa Tây-phương tường ngoài xây liền theo lối chữ *công* 工 mà nhà ở trong thì làm ba cái nhà cách nhau hai cái thiên-tỉnh nhỏ, thành ra hình chữ *tam* 三. Mỗi cái nhà có hai tầng mái, ở ngoài trông vào như là nhà hai tầng. Cách chạm trổ, thì chỗ nào cũng làm rồng năm móng cả.

Các tượng ở trong chùa hết thảy tạc bằng gỗ, có nhiều

pho rất khéo. Pho tượng Tuyết-sơn, thi ai xem cũng công nhận là rất có mỹ-thuật, pho tượng Thiên-thủ Quan-âm có một trăm tay và hai pho tượng Quan-thế-âm và Đại-thế-chí đứng cạnh tượng A-di-đà cũng có vẻ đẹp, tám pho tượng Kim-cương rất có vẻ linh-hoạt và mười-sáu pho tượng La-hán đều hiển-lộ được cái trạng thái nghĩ-ngợi tư-tưởng.

Hiện nay pho tượng Tuyết-sơn và mấy pho tượng để thờ ở chính điện đều róc hết cả sơn vàng, chỉ có màu gỗ đen mà thôi.

Chùa Tây-phương không có tượng thờ Thánh-tăng ở bái-đường và ban thờ Thổ-địa-thần lại đem ra thờ ở cái miếu riêng ở bên cạnh sân.

Đại-khái kiểu chùa và cách bài-trí các tượng ở trong chùa ấy như thế này :

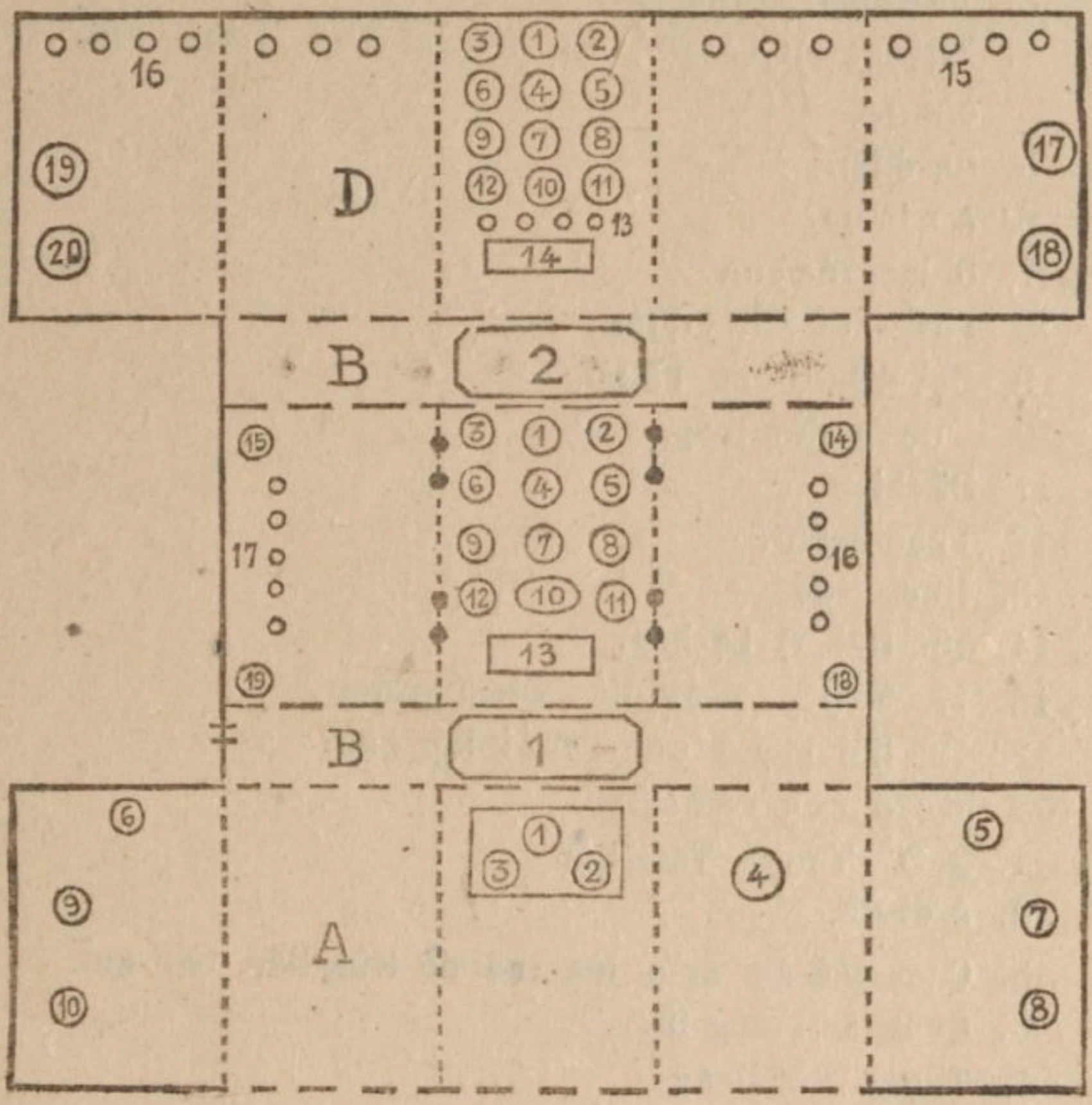

A. Nhà bái-đường năm gian.

1. *Thiên-thủ Quan-thế-âm một trăm tay.*
2. Thiện-tài.
3. Long-nữ.
4. *Vị-đà Thiên-tướng-quân* làm Hộ-pháp cả Đông, Tây, Nam ba châu.
5. Thổ-địa-thần.
6. Sơn-thần.
7. 8. 9. 10. Bốn vị Kim-cương.

B. B. Thiên-tỉnh.

1. 2 Hai cái bể cạn.

C. Nhà chính-điện ba gian.

1. Tượng A-di-đà, đứng.
2. *Tượng Quan-thế-âm*, đứng.
3. *Tượng Đại-thế-chí*, đứng.
4. *Tượng Tuyết-sơn, róc hết cả sơn, khéo nhất trong chùa.*
5. Ca-diếp.
6. A nan-đà.
7. Di-lặc, róc-sơn
8. Pháp-hoa-lâm Bồ-tát.
9. Đại-diệu-tướng Bồ-tát.
10. Tượng Cửu-long.
11. Đế-thích.
12. Phạm-thiên.
13. Hương-án
14. 15. Hai vị La-hán.
16. 17. Tượng Thập-điện Diêm-vương.
18. 19. Hai pho tượng người lập hậu.

D. Nhà hậu-đường năm gian.

1. 2. 3. Tượng Tam-thế.
4. A-di-đà.
5. Quan-thế-âm ngồi tòa sen để trên đầu tên quỉ.
6. Quan-âm tống-tử.
7. Tượng Cửu-long.

8. 9. Tượng hai vị nữ tướng qui, gọi là Kim-đồng và Ngọc-nữ.

10. 11. 12. Tượng Tam-tòa Thánh-mẫu.

13. Tượng chư-vị các cô.

Tượng Thánh-mẫu và các cô, là tượng Chư-vị, chắc về sau mới thêm vào.

14. Hương-án.

15, 16. *Tượng 14 vị La-hán rất khéo.*

17, 18, 19, 20. *Tượng 4 vị Kim-cương.*

MỤC-LỤC

Trang

Mấy lời ngỏ cùng độc-giả. 5

Lời mở đầu. 6

I. Thích-ca mầu-ni Phật 9

Thập-đại đệ-tử. 18

II. Chư Phật. 26

A-di-đà Phật. 30

Dược-sư Lưu-li quang Phật 39

III. Chư Bồ tát. 42

Di-lặc Bồ-tát 45

Quan-thế âm Bồ-tát 47

Đại-thế-chí Bồ-tát 51

Văn-thù Bồ-tát 52

Phổ-hiền Bồ-tát 54

Địa-tạng Bồ-tát 56

IV. Thế-gian và thế-giới 59

V. Sự thờ-phụng và cách bài-trí các tượng ở trong chùa 72

PHẦN PHỤ THÊM

Mấy cảnh chùa ở Bắc-kỳ 87

NHỮNG SÁCH CỦA TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT BẢN

Sơ-học luân-lý (hết)	1 quyển
Sư-phạm yếu-lược (hết)	1 quyển
Việt-nam văn-phạm	1 quyển
47 điều giáo-hóa đời Lê triều (hết) .	1 quyển
Nho-giáo	4 quyển
Truyện Kiều (hết)	1 quyển
Việt-nam sử-lược (đang in lại) . . .	2 quyển
Grammaire Annamite	1 quyển
Tiểu-học việt-nam văn-phạm giáo-khoa-thư	1 quyển

ĐANG SOẠN

Lão giáo	1 quyển
Thế-giới đại quan	1 quyển